Department of the Treasury

Internal Revenue Service

Hướng Dẫn Về Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ

(Dành Cho Cá Nhân Sử Dụng Bảng C)

Ấn phẩm 334

Catalog Number 49219P

Để sử dụng trong việc chuẩn bị

Tờ khai **2021**

Nhận các mẫu đơn và thông tin khác nhanh hơn và dễ dàng hơn tại:

- *IRS.gov* (English)
- *IRS.gov/Spanish* (Español)
- *IRS.gov/Chinese* (中文)
- *IRS.gov/Korean* (한국어)
- *IRS.gov/Russian* (Русский)
- *IRS.gov/Vietnamese* (Tiếng Việt)

Nội dung

Có Gì Mới Trong Năm 2021 . . . 4

Quy Định Mới trong năm 2022 . . . 5

Nhắc nhở . . . 5

Hình Chụp Trẻ Em Mất Tích . . . 5

Chương 1. Khai và Trả Tiền Thuế Kinh Doanh . . . 6
- Số Nhận Dạng . . . 6
- Thuế Thu Nhập . . . 7
- Thuế Tự Kinh Doanh (SE) . . . 9
- Thuế Việc Làm . . . 11
- Thuế Gián Thu . . . 11
- Tờ Khai Thông Tin . . . 12

Chương 2. Chu Kỳ và Phương Pháp Kế Toán . . . 13
- Chu Kỳ Kế Toán . . . 13
- Phương Pháp Kế Toán . . . 14

Chương 3. Thanh Lý Tài Sản Kinh Doanh . . . 18
- Thanh Lý Tài Sản Là Gì? . . . 18
- Làm Thế Nào Để Tính Toán Lợi Nhuận hay Lỗ? . . . 18
- Tôi Phải Báo Cáo Lãi và Lỗ Ở Đâu? . . . 19

Chương 4. Tín Thuế Kinh Doanh Tổng Quát . . . 20
- Tín Thuế Kinh Doanh . . . 20
- Làm Thế Nào Để Yêu Cầu Khoản Tín Thuế Này . . . 21

Chương 5. Thu Nhập Kinh Doanh . . . 21
- Các Hình Thức Thu Nhập . . . 22
- Các Khoản Không Phải Thu Nhập . . . 26
- Hướng dẫn đối với các ngành nghề được chọn . . . 27
- Hạch Toán Thu Nhập của Quý Vị . . . 28

Chương 6. Cách Tính Giá Vốn Hàng Bán . . . 29
- Tính Giá Vốn Hàng Bán trong Bảng C, Dòng 35 Đến Dòng 42 . . . 29

Chương 7. Tính Toán Lợi Nhuận Gộp . . . 31
- Các Mục Cần Kiểm Tra . . . 32
- Kiểm Tra Độ Chính Xác của Lợi Nhuận Gộp . . . 32
- Các Khoản Bổ Sung vào Lợi Nhuận Gộp . . . 32

Chương 8. Chi Phí Kinh Doanh . . . 33
- Nợ Khó Đòi . . . 33
- Chi Phí Xe Hơi và Xe Tải . . . 33
- Khấu hao . . . 35
- Khoản Chi Trả Cho Nhân Viên . . . 36
- Bảo hiểm . . . 36
- Tiền lãi . . . 37
- Chi Phí Pháp Lý và Chi Phí Dịch Vụ Chuyên Môn . . . 38
- Chương trình hưu trí . . . 38
- Chi Phí Tiền Thuê . . . 38
- Thuế . . . 39
- Đi Lại và Bữa Ăn . . . 40
- Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh . . . 40
- Những Chi Phí Có Thể Khấu Trừ Khác . . . 42
- Các Khoản Chi Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ . . . 42

Chương 9. Tính Toán Lãi Ròng hoặc Lỗ Ròng . . . 42
- Lỗ Ròng Từ Công Việc Kinh Doanh (NOL) . . . 43
- Hoạt động phi lợi nhuận . . . 43

Chương 10. Thuế SE . . . 43
- Ai Phải Trả Thuế SE? . . . 43
- Khai Báo Thuế SE . . . 47

Chương 11. Quyền Hạn của Người Đóng Thuế . . . 48
- Kiểm Tra, Kháng Cáo, Truy Thu và Hoàn Thuế . . . 48

Chương 12. Cách Lấy Thêm Thông Tin . . . 49
- Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp Nhỏ . . . 53
- Các Cơ Quan Liên Bang Khác . . . 54

Cách Nhận Trợ Giúp Về Thuế . . . 49

Chỉ mục . . . 55

Những Thay Đổi Trong Tương Lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Ấn Phẩm 334, chẳng hạn như luật được ban bố sau khi phát hành ấn phẩm, hãy truy cập *IRS.gov/Pub334*.

Giới thiệu

Ấn phẩm này cung cấp thông tin chung về luật thuế liên bang áp dụng cho quý vị nếu quý vị là người tự kinh doanh hoặc nhân viên pháp định. Ấn phẩm này chứa thông tin về thu nhập kinh doanh, chi phí kinh doanh và tín thuế kinh doanh mà có thể giúp quý vị nộp tờ khai thuế thu nhập với tư cách là chủ cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ.

Ấn phẩm này không bao gồm các chủ đề được liệt kê trong bảng sau.

NẾU cần thông tin về:	THÌ quý vị vui lòng xem:
Công ty cổ phần	Ấn Phẩm 542
Chi phí kinh doanh	Ấn Phẩm 535
Nông nghiệp	Ấn Phẩm 225
Ngư Dân (Quỹ Xây Dựng Tàu Thuyền)	Ấn Phẩm 595
Doanh nghiệp quốc tế	*IRS.gov/International*
Công ty hợp danh	Ấn Phẩm 541
Hoạt động đầu tư thụ động	Ấn Phẩm 925
Lưu trữ hồ sơ	Ấn Phẩm 583
Cho thuê	Ấn Phẩm 527
Công ty S	Hướng Dẫn cho Mẫu 1120-S
Bắt đầu một doanh nghiệp	Ấn Phẩm 583

Quý Vị Có Tự Kinh Doanh Không?

Quý vị là người tự kinh doanh nếu hoạt động thương mại hay kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhà thầu độc lập.

Quý vị không cần phải thường xuyên thực hiện các hoạt động kinh doanh toàn thời gian để được coi là tự kinh doanh. Có một công việc kinh doanh bán thời gian ngoài công việc thường nhật hoặc công việc kinh doanh của quý vị có thể được xem là tự kinh doanh.

Thương mại hay kinh doanh. Thương mại hay kinh doanh nói chung là một hoạt động được thực hiện để tạo ra lợi nhuận. Những dữ kiện và hoàn cảnh của mỗi trường hợp quyết định liệu một hoạt động có phải là thương mại hay kinh doanh hay không. Quý vị không cần phải thực sự tạo ra lợi nhuận trong thương mại hay kinh doanh miễn là quý vị có động cơ lợi nhuận. Quý vị cần phải nỗ lực không ngừng để nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp của mình.

Công ty trách nhiệm hữu hạn (LLC). Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn là một thực thể được thành lập theo luật tiểu bang bằng cách nộp điều lệ tổ chức. Thông thường, vì mục đích thuế thu nhập, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn một thành viên không được coi là thực thể tách biệt với chủ sở hữu và sẽ khai báo thu nhập cũng như các khoản khấu trừ trên tờ khai thuế thu nhập liên bang của chủ sở hữu. Ví dụ: Nếu Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn một thành viên không tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp và chủ sở hữu công ty là một cá nhân, người này có thể sử dụng Bảng C.

Doanh nghiệp cá thể. Một doanh nghiệp cá thể là một người tự mình sở hữu một doanh nghiệp chưa hợp nhất. Trừ khi quý vị lựa chọn coi LLC của mình như một công ty cổ phần, quý vị được coi là một doanh nghiệp cá thể cho các mục đích thuế thu nhập nếu bản thân là một cá nhân và là thành viên duy nhất của một LLC trong nước.

Nhà thầu độc lập. Những người như bác sĩ, nha sĩ, bác sĩ thú y, luật sư, kế toán viên, nhà thầu, nhà thầu phụ, người viết tốc ký công cộng, hoặc đấu giá viên đang tham gia hoạt động thương mại, kinh doanh hoặc nghề nghiệp độc lập nơi họ cung cấp dịch vụ của mình cho cộng đồng được xếp chung vào nhóm những nhà thầu độc lập. Ngoài ra, những người cung cấp dịch vụ thường liên quan đến nền kinh tế "gig" (hay còn gọi là nền kinh tế theo yêu cầu, nền kinh tế chia sẻ hoặc nền kinh tế truy cập), chẳng hạn như dịch vụ đi chung xe, có thể được coi là các nhà thầu độc lập. Tuy nhiên, việc họ là nhà thầu độc lập hay nhân viên phụ thuộc vào tình hình thực tế trong từng trường hợp. Quy tắc chung là: Một cá nhân sẽ được coi là một nhà thầu độc lập, nếu người trả tiền cho công việc đó chỉ có quyền kiểm soát hoặc chỉ đạo về kết quả công việc chứ không phải về cách thức thực hiện công việc. Thu nhập của một người đang làm việc với tư cách là một nhà thầu độc lập phải chịu thuế tự kinh doanh. Để biết thêm thông tin về việc xác định quý vị là nhân viên hay nhà thầu độc lập, vui lòng xem Ấn Phẩm 15-A, Hướng Dẫn Thuế Bổ Sung Cho Chủ Lao Động.

Quý Vị Có Phải Là Nhân Viên Pháp Định không?

Một nhân viên pháp định có một dấu kiểm trong ô 13 của Mẫu W-2 của họ, Bản Khai Thuế và Tiền Lương. Nhân viên pháp định sử dụng Bảng C để khai báo lương bổng và chi phí của họ.

Doanh Nghiệp do Người Phối Ngẫu Cùng Sở Hữu và Điều Hành

Nếu quý vị và người phối ngẫu cùng sở hữu và điều hành một doanh nghiệp chưa hợp nhất cũng như cùng chia sẻ lợi nhuận và lỗ, thì cả hai người là người góp vốn chung trong công ty hợp danh, cho dù có thỏa thuận hợp tác kinh doanh chính thức hay không. Vui lòng không sử dụng Bảng C. Thay vào đó, nộp Mẫu 1065, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Công Ty Hợp Danh Tại Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 541, Công Ty Hợp Danh.

Ngoại lệ — Thu nhập chung của vợ chồng. Nếu quý vị và người phối ngẫu sở hữu toàn bộ một doanh nghiệp chưa hợp nhất vốn là tài sản chung của vợ chồng theo luật tài sản chung của vợ chồng tại một tiểu bang, nước ngoài hoặc khu vực thuộc sở hữu của Hoa Kỳ, quý vị có thể coi doanh nghiệp đó như một doanh nghiệp cá thể hoặc một công ty hợp danh. Các tiểu bang có luật tài sản chung của vợ chồng bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington và Wisconsin. Một thay đổi trong vị thế khai báo của quý vị sẽ được coi là một sự chuyển đổi của tổ chức đó. Xem Ấn Phẩm 555 để biết thêm thông tin về tài sản chung của vợ chồng.

Ngoại lệ — Liên doanh đủ điều kiện. Nếu quý vị và người phối ngẫu đều thật sự tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một doanh nghiệp đồng sở hữu và điều hành, đồng thời cả hai người khai thuế chung cho niên thuế, hai người có thể cùng lựa chọn để được coi là một liên doanh đủ điều kiện thay vì một công ty hợp danh cho niên thuế này. Thực hiện lựa chọn này sẽ cho phép quý vị tránh được sự phức tạp của Mẫu 1065 nhưng vẫn cho phép mỗi người phối ngẫu hưởng thu nhập an sinh xã hội với nền tảng là quyền lợi hưu trí. Để được giải thích về "sự tham gia thật sự", vui lòng xem hướng dẫn cho Bảng C, dòng G.

Chỉ các doanh nghiệp do người phối ngẫu đồng sở hữu và điều hành (và không nhân danh một pháp nhân tiểu bang) mới đủ điều kiện thực hiện lựa chọn này. Do đó, một doanh nghiệp do người phối ngẫu đồng sở hữu và điều hành thông qua một LLC không đủ tiêu chuẩn để lựa chọn là một liên doanh đủ điều kiện.

Để thực hiện lựa chọn này, quý vị phải phân chia tất cả các hạng mục thu nhập, lợi nhuận, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế được quy cho công việc kinh doanh giữa quý vị và người phối ngẫu theo lợi ích tương ứng của hai người trong liên doanh. Mỗi người trong số quý vị phải khai riêng một Bảng C và một Bảng SE. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Liên Doanh Đủ Điều Kiện* trong Hướng Dẫn về Bảng SE.

Thông Tin Bổ Sung

Những điều quý vị cần biết. Bảng A cung cấp danh sách các câu hỏi cần trả lời để giúp quý vị đáp ứng các nghĩa vụ thuế liên bang của mình. Sau mỗi câu hỏi sẽ là phần cụ thể trong ấn phẩm này nơi quý vị sẽ tìm thấy phần thảo luận liên quan.

Sứ mệnh của Sở Thuế Vụ. Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho người đóng thuế Hoa Kỳ bằng cách giúp họ hiểu

Bảng A. **Những Gì Quý Vị Cần Biết Về Thuế Liên Bang**

(**Lưu ý.** Sau đây là danh sách các câu hỏi quý vị có thể cần trả lời để điền vào tờ khai thuế thu nhập liên bang của mình. Các chương được đưa ra để giúp quý vị tìm thấy phần thảo luận liên quan trong ấn phẩm này.)

Những gì tôi cần phải biết?	Tìm câu trả lời ở đâu
Tôi phải trả những loại thuế liên bang nào? Làm thế nào để tôi trả những khoản này?	Xem chương 1.
Tôi phải nộp những mẫu đơn nào?	Xem chương 1.
Tôi phải làm gì nếu tôi có nhân viên?	Xem *Thuế Việc Làm* trong chương 1.
Tôi có phải bắt đầu niên thuế của mình vào tháng 1 không, hay có thể vào tháng nào khác?	Xem *Chu Kỳ Kế Toán* trong chương 2.
Tôi có thể sử dụng phương pháp nào để hạch toán thu nhập và chi phí của mình?	Xem *Phương Pháp Kế Toán* trong chương 2.
Tôi phải làm gì nếu thanh lý sản nghiệp trong năm?	Xem chương 3.
Tôi phải khai báo những loại thu nhập kinh doanh nào trên tờ khai thuế của mình?	Xem chương 5.
Tôi có thể khấu trừ những loại chi phí kinh doanh nào trên tờ khai thuế của mình?	Xem *Chi Phí Kinh Doanh* trong chương 8.
Những loại chi phí nào không được khấu trừ là chi phí kinh doanh?	Xem *Các Khoản Chi Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ* trong chương 8.
Điều gì xảy ra nếu tôi bị thua lỗ trong việc kinh doanh? Tôi có thể khấu trừ lỗ không?	Xem chương 9.
Tôi được hưởng quyền gì với tư cách là người đóng thuế?	Xem chương 11.
Tôi phải đến đâu nếu cần trợ giúp về các vấn đề liên quan đến thuế liên bang?	Xem chương 12.

rõ và đáp ứng các trách nhiệm về thuế cũng như thực thi pháp luật một cách chính trực và công bằng cho tất cả mọi người.

Ý kiến và đề xuất. Chúng tôi ghi nhận ý kiến của quý vị về ấn phẩm này cũng như những đề xuất cho các ấn bản trong tương lai.

Quý vị có thể gửi ý kiến cho chúng tôi thông qua *IRS.gov/FormComments (tiếng Anh)*. Hoặc quý vị có thể viết thư gửi đến Internal Revenue Service, Tax Forms and Publications, 1111 Constitution Ave. NW, IR-6526, Washington, DC 20224.

Mặc dù chúng tôi không thể trả lời riêng cho từng nhận xét nhưng chúng tôi đánh giá cao phản hồi của quý vị và sẽ xem xét các nhận xét và đề xuất trong quá trình sửa đổi các mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và ấn phẩm. Vui lòng **không** gửi các thắc mắc về thuế, tờ khai thuế hoặc các khoản chi trả đến địa chỉ trên.

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Nếu có thắc mắc về thuế chưa được giải đáp từ thông tin trong ấn phẩm này hoặc phần *Cách Nhận Trợ Giúp Về Thuế* ở cuối ấn phẩm này, hãy truy cập trang Trợ Tá Thuế Tương Tác của Sở Thuế Vụ tại *IRS.gov/Help/ITA (tiếng Anh)* nơi quý vị có thể tìm các chủ đề bằng cách sử dụng tính năng tìm kiếm hoặc xem các danh mục được liệt kê.

Nhận mẫu đơn khai thuế cũng như hướng dẫn và ấn phẩm về thuế. Truy cập *IRS.gov/Forms (tiếng Anh)* để tải xuống các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành và của các năm trước.

Đăng ký nhận mẫu đơn khai thuế cũng như hướng dẫn và ấn phẩm về thuế. Truy cập *IRS.gov/OrderForms* để đăng ký nhận mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành; gọi 800-829-3676 để đăng ký nhận mẫu đơn và hướng dẫn của các năm trước. Sở Thuế Vụ sẽ xử lý yêu cầu của quý vị về các mẫu đơn và ấn phẩm trong thời gian sớm nhất. Không gửi lại yêu cầu mà quý vị đã gửi cho chúng tôi. Quý vị có thể nhận các mẫu đơn và ấn phẩm nhanh hơn qua hình thức trực tuyến.

Có Gì Mới Trong Năm 2021

Sau đây là một số thay đổi về thuế cho năm 2021.

Thu nhập ròng tối đa. Thu nhập ròng tối đa từ công việc tự kinh doanh chịu phần thuế an sinh xã hội của thuế tự kinh doanh là $142.800 cho năm 2021. Không có giới hạn tối đa về thu nhập chịu phần thuế Medicare.

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Đối với năm 2021, mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường đối với chi phí vận hành xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của quý vị với mỗi dặm sử dụng cho mục đích kinh doanh là 56 xu một dặm.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Chi Phí Xe Hơi và Xe Tải* trong chương 8.

Tín thuế liên quan đến COVID-19 cho tiền lương nghỉ bệnh và nghỉ việc gia đình đủ điều kiện. Đạo Luật Ứng Phó với Vi-rút Corona Ưu Tiên Các Gia Đình (FFCRA) đã được sửa đổi theo luật gần đây. Yêu cầu của FFCRA rằng chủ lao động phải cung cấp tiền lương nghỉ ốm và nghỉ gia đình vì những lý do liên quan đến COVID-19 (nhiệm vụ của chủ lao động) đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020; tuy nhiên, Đạo Luật Giảm Thuế liên quan đến COVID năm 2020 kéo dài thời hạn mà chủ lao động cung cấp nghỉ phép đáp ứng các yêu cầu của FFCRA có thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ thuế đối với tiền lương nghỉ bệnh và nghỉ việc gia đình đủ tiêu chuẩn được trả cho những ngày nghỉ phép trước ngày 1 tháng 4 năm 2021.

Đạo Luật Kế Hoạch Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 (ARP) bổ sung mới các đoạn 3131, 3132 và 3133 vào Bộ Luật Thuế Vụ để cung cấp các khoản tín thuế cho mức lương nghỉ ốm và gia đình đủ điều kiện tương tự như các khoản tín thuế đã được ban hành trước đây theo FFCRA và được sửa đổi và mở rộng bởi Đạo Luật Giảm Thuế liên quan đến COVID năm 2020. Các khoản tín thuế này theo đoạn 3131 đến 3133 có sẵn cho các khoản lương nghỉ phép đủ tiêu chuẩn được trả cho những ngày nghỉ phép sau ngày 31 tháng 3 năm 2021 và trước ngày 1 tháng 10 năm 2021.

Khai báo các khoản này như“ other income (thu nhập khác)” trên dòng 6 của Bảng C (Mẫu 1040). Để biết thêm

thông tin về những tín thuế này, xem *Tín Thuế cho việc Nghỉ Có Lương Theo Đạo Luật Ứng Phó với Vi-rút Corona Ưu Tiên Các Gia Đình Trước Ngày 1 Tháng 4, 2021 (tiếng Anh)* và*Tín Thuế cho việc Nghỉ Có Lương Theo Đạo Luật Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 cho Ngày Nghỉ Sau Ngày 31 Tháng 3, 2021* để biết thêm thông tin.

Tín thuế duy trì nhân viên. Khoản khấu trừ được yêu cầu đối với tiền lương đủ tiêu chuẩn, bao gồm cả chi phí chương trình sức khỏe đủ điều kiện, sẽ được giảm bớt theo số tiền tín thuế duy trì nhân viên liên quan đến COVID-19 theo đoạn 2301 của Đạo Luật CARES, hoặc đoạn 3134 (do ARP bổ sung) trong năm có mức lương đủ điều kiện chi phí đã được thanh toán hoặc phát sinh. Xem *Thông Báo 2021-49* để biết thêm thông tin.

Tín thuế cho người tự kinh doanh. Tín thuế có thể hoàn lại cho một số người tự kinh doanh bị ảnh hưởng bởi vi-rút corona. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 7202, Tín Thuế Phép Nghỉ Bệnh và Nghỉ Phép Gia đình cho Một Số Cá Nhân Tự Kinh Doanh, để biết thêm thông tin.

Giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức. Lỗ từ thương mại hoặc kinh doanh của quý vị có thể bị giới hạn. Sử dụng Mẫu 461 để xác định số lỗ kinh doanh vượt mức, nếu có. Khoản lỗ kinh doanh vượt quá của quý vị sẽ được tính vào thu nhập trên dòng 8o của Bảng 1 (Mẫu 1040) và được coi là khoản lỗ hoạt động ròng mà quý vị phải chuyển tiếp và khấu trừ trong năm tính thuế tiếp theo.

Để biết thêm thông tin về giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức, xem hướng dẫn của Mẫu 461.

Chi phí bữa ăn kinh doanh. Trong thời gian giới hạn, các bữa ăn kinh doanh được khấu trừ 100% trong một số điều kiện nhất định. Xem *Bữa ăn và chổ ở*, ở phần sau để biết thêm thông tin.

Cảng an toàn của Chương Trình Bảo Vệ Phiếu Lương (PPP). Quy Trình Thuế Vụ 2021-20 đã cho phép một cảng an toàn cho một số người đóng thuế nhất định không khấu trừ một số chi phí được khấu trừ khác đã thanh toán hoặc phát sinh trong năm tính thuế kết thúc sau ngày 26 tháng 3 năm 2020 và vào hoặc trước ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến, hoặc đã được mong đợi để dẫn đến, sự tha thứ của khoản vay. Để tìm thêm thông tin, bao gồm cả các yêu cầu, về cảng an toàn này, xem *Quy Trình Thuế Vụ 2021-20 (tiếng Anh)*

Quy Định Mới trong năm 2022

Sau đây là một số thay đổi về thuế cho năm 2022. Để biết thông tin về những thay đổi khác, vui lòng truy cập *IRS.gov*.

Thu nhập ròng tối đa. Thu nhập ròng tối đa từ công việc tự kinh doanh chịu phần thuế an sinh xã hội của thuế tự kinh doanh là $147.000 cho năm 2022.

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Đối với năm 2022, mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường đối với chi phí vận hành xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của quý vị cho mỗi dặm sử dụng cho mục đích kinh doanh là 58.5 xu một dặm.

Nhắc nhở

Hoãn trả tiền thuế tự kinh doanh năm 2020. Luật pháp cho phép các cá nhân tự kinh doanh hoãn trả một số loại thuế an sinh xã hội cho năm 2020 trong vòng 2 năm tới. Xem *Cách các cá nhân tự kinh doanh và chủ lao động tại gia hoàn trả khoản thuế An Sinh Xã Hội đã được hoãn lại*.

Mẫu 1099-NEC. Mẫu 1099-NEC, Thù Lao Cho Người Không Phải là Nhân Viên, được sử dụng để khai báo thù lao cho người không phải là nhân viên.

Giao dịch có thể khai báo. Quý vị phải nộp Mẫu 8886, Tuyên Bố Công Bố Giao Dịch Có Thể Khai Báo, để khai báo các giao dịch nhất định. Quý vị có thể phải trả tiền phạt nếu được yêu cầu nộp Mẫu 8886 nhưng không làm theo. Quý vị cũng có thể phải trả lãi suất và tiền phạt đối với bất kỳ sự kê khai không đúng sự thật nào của giao dịch có thể khai báo. Các giao dịch có thể khai báo bao gồm:

1. Các giao dịch giống hoặc về cơ bản là tương tự với các giao dịch tránh thuế được IRS xác định;
2. Các giao dịch được đưa ra cho quý vị theo các điều kiện bảo mật mà quý vị đã trả cho người cố vấn một khoản phí tối thiểu để được tư vấn;
3. Các giao dịch mà quý vị hoặc một bên liên quan có sự bảo vệ theo hợp đồng khỏi việc không được phép hưởng các nguồn lợi từ việc đóng thuế;
4. Các giao dịch gây lỗ ít nhất $2 triệu trong bất kỳ niên thuế nào ($50.000 nếu từ các giao dịch bằng tiền tệ ngoại quốc nhất định) hoặc $4 triệu trong bất kỳ tập hợp niên thuế nào; và
5. Các giao dịch giống hoặc về cơ bản là tương tự với một trong các loại giao dịch mà IRS đã xác định là giao dịch thuộc diện nghi ngờ.

Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8886.

Trung Tâm Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ và Tự Kinh Doanh (SB/SE). Quý vị cần sự trợ giúp về vấn đề thuế hay khai thuế, hoặc cần một ấn phẩm hay mẫu đơn miễn phí? SB/SE phục vụ cho người đóng thuế nộp Mẫu 1040; Mẫu 1040-SR; Bảng C, E, hoặc F; hoặc Mẫu 2106, cũng như những người đóng thuế là doanh nghiệp nhỏ có tài sản dưới $10 triệu. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập Trung Tâm Thuế Doanh Nghiệp Nhỏ và Tự Kinh Doanh tại *IRS.gov/Businesses/Small*.

Trung Tâm Thuế Dành Cho Nền Kinh Tế Gig. Nền kinh tế "gig" (hay còn gọi là nền kinh tế theo yêu cầu, nền kinh tế chia sẻ hoặc nền kinh tế truy cập) là lĩnh vực hoạt động mà mọi người có được thu nhập bằng cách cung cấp công việc, dịch vụ hoặc hàng hóa theo yêu cầu. Truy cập *IRS.gov/Gig* để có thêm thông tin về những hệ quả liên quan đến thuế khi tham gia vào nền kinh tế chia sẻ.

Hình Chụp Trẻ Em Mất Tích

Sở Thuế Vụ tự hào là đối tác của *Trung Tâm Quốc Gia về Trẻ Em Mất Tích và Bị Bóc Lột (National Center for Missing & Exploited Children®, NCMEC) (tiếng Anh)*. Hình chụp trẻ em mất tích do Trung Tâm lựa chọn có thể xuất hiện trên các trang còn trống của ấn phẩm này. Quý vị có thể giúp đưa những đứa trẻ này về nhà bằng cách xem các bức ảnh và gọi cho 1-800-THE-LOST (1-800-843-5678) nếu nhận ra một đứa trẻ.

1.

Khai và Trả Tiền Thuế Kinh Doanh

Giới thiệu

Chương này giải thích về các khoản thuế kinh doanh mà quý vị có thể phải trả và các mẫu đơn quý vị có thể phải nộp. Chương này cũng thảo luận về số nhận dạng người đóng thuế.

Bảng 1-1 liệt kê các những quyền lợi được hưởng của việc khai thuế qua mạng thông tin điện tử.

Bảng 1-2 liệt kê các loại thuế liên bang quý vị có thể phải trả, ngày đến hạn và các mẫu đơn sử dụng để khai báo chúng.

Bảng 1-3 cung cấp những danh sách kiểm tra nêu bật các mẫu đơn và bảng điển hình mà quý vị có thể cần phải khai nếu quý vị ngừng việc kinh doanh.

TIP *Quý vị có thể có nhu cầu nhận Ấn Phẩm 509, Lịch Nộp Thuế. Ấn phẩm có lịch nộp thuế thông báo cho quý vị biết khi nào phải khai thuế và nộp thuế.*

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- ❑ **505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính
- ❑ **535** Chi Phí Kinh Doanh
- ❑ **583** Khởi Nghiệp Kinh Doanh và Lưu Giữ Hồ Sơ

Mẫu (và Hướng Dẫn)

- ❑ **461** Giới Hạn về Lỗ Kinh Doanh
- ❑ **1040** Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân
- ❑ **1040-SR** Tờ Khai Thuế Hoa Kỳ cho Người Cao Niên
- ❑ **1040-ES** Thuế Ước Tính cho Cá Nhân
- ❑ **7202** Tín Thuế Nghỉ Bệnh và Nghỉ Phép Gia Đình cho Cá Nhân Tự Kinh Doanh Nhất Định
- ❑ **Bảng C (Mẫu 1040)** Lợi Nhuận hoặc Lỗ Từ Kinh Doanh
- ❑ **Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế Tự Kinh Doanh

Xem chương 12 để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Số Nhận Dạng

Phần này giải thích ba loại mã số thuế nhận dạng người đóng thuế (TIN), ai cần chúng, khi nào sử dụng và làm thế nào để nhận chúng.

Số An Sinh Xã Hội (SSN). Thông thường, sử dụng SSN của quý vị làm TIN. Quý vị phải ghi số này vào mỗi mẫu đơn khai thuế thu nhập cá nhân của mình, chẳng hạn như Mẫu 1040 và các bảng đi kèm.

Để đăng ký một SSN, sử dụng **Mẫu SS-5**, Đơn Xin Cấp Thẻ An Sinh Xã Hội. Mẫu này có sẵn tại các Cơ Quan Quản Lý An Sinh Xã Hội (SSA) hoặc bằng cách gọi 800-772-1213. Mẫu này cũng có sẵn trên trang web của SSA tại *SSA.gov/forms/ss–5 (tiếng Anh)*.

Mã Số Thuế Cá Nhân (ITIN). IRS sẽ cấp ITIN nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú và không có và không thể đủ điều kiện nhận SSN. ITIN sẽ hết hạn đối với bất kỳ người đóng thuế nào không nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang (hoặc người không được coi là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của một người đóng thuế khác) trong 3 năm liên tiếp. Tóm lại, nếu cần lấy ITIN, quý vị phải đính kèm **Mẫu W-7**, Đơn Xin IRS Cấp Số Nhận Diện Người Đóng Thuế, với bản gốc tờ khai thuế có chữ ký và đã điền đầy đủ thông tin của quý vị cùng bất kỳ tài liệu bắt buộc nào khác và gửi chúng đến địa chỉ trong Hướng Dẫn cho Mẫu W-7. Các trường hợp ngoại lệ đã được đề cập trong hướng dẫn. Nếu quý vị phải bao gồm SSN của người khác trên tờ khai thuế của mình và người đó không có, hay không thể nhận được SSN, vui lòng nhập ITIN của người đó. Đơn này cũng có sẵn bản tiếng Tây Ban Nha. Mẫu này có sẵn tại *IRS.gov/FormW7 (tiếng Anh)*.

CAUTION *ITIN chỉ dành cho mục đích thuế vụ. Không cho phép người có ITIN hưởng các phúc lợi an sinh xã hội hoặc thay đổi tình trạng việc làm hay nhập cư của họ.*

Mã số thuế của chủ lao động (EIN). Quý vị cũng phải có EIN để sử dụng làm TIN nếu thực hiện một trong những việc sau.

- Trả lương cho một hoặc nhiều nhân viên.
- Khai thuế lương hưu hoặc thuế gián thu.

Nếu quý vị phải có EIN, vui lòng ghi EIN cùng với SSN của quý vị trên Bảng C theo hướng dẫn.

Quý vị có thể đăng ký nhận EIN:

- Trực tuyến bằng cách nhấp vào đường dẫn Mã Số Thuế của Chủ Lao Động (EIN) tại *IRS.gov/EIN* miễn là địa điểm kinh doanh chính nằm ở Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ — EIN được cấp ngay sau khi thông tin trên đơn được xác thực;
- Qua điện thoại tại 267-941-1099 (không phải số gọi miễn phí) **chỉ** trong trường hợp doanh nghiệp chính được đặt bên ngoài Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ; hoặc
- Bằng cách gửi thư hoặc fax **Mẫu SS-4**, Đơn Xin Cấp Mã Số Thuế của Chủ Lao Động.

EIN mới. Quý vị có thể cần nhận EIN mới nếu có thay đổi về hình thức hoặc quyền sở hữu doanh nghiệp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 1635, Tìm Hiểu Về EIN của Quý Vị.

Khi quý vị cần số nhận dạng của người khác. Khi điều hành công việc kinh doanh của mình, quý vị có thể sẽ thực hiện một số khoản chi trả nhất định mà phải khai báo trên tờ khai thông tin. Các khoản chi trả này được thảo luận trong

phần *Tờ Khai Thông Tin*, ở phần sau của chương này. Quý vị phải cung cấp cho người nhận các khoản chi trả này (người được trả tiền) một bản kê khai cho biết tổng số tiền đã thanh toán trong năm. Quý vị phải ghi số nhận dạng của người được trả tiền và số nhận dạng của quý vị trên các tờ khai thuế và bản kê khai.

Nhân Viên. Nếu có nhân viên, quý vị phải nhận được SSN từ mỗi người trong số họ. Ghi lại tên và SSN của từng nhân viên chính xác như được ghi trên thẻ an sinh xã hội của nhân viên đó. Nếu tên của nhân viên không đúng như trên thẻ, nhân viên đó nên yêu cầu SSA cấp thẻ mới. Điều này có thể xảy ra nếu tên của nhân viên bị thay đổi do kết hôn hoặc ly hôn.

Mỗi nhân viên hoàn thành Mẫu W-4, Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên, để thuế thu nhập liên bang có thể được khấu lưu một cách chính xác từ lương của họ.

Nếu nhân viên của quý vị không có SSN, họ nên nộp Mẫu SS-5 cho SSA.

Người được trả tiền khác. Nếu quý vị thực hiện chi trả cho một người nào đó không phải là nhân viên của mình và bắt buộc phải khai báo các khoản chi trả này trên tờ khai thông tin, hãy lấy SSN của người đó. Nếu quý vị phải khai báo các khoản chi trả cho một tổ chức, chẳng hạn như công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh, quý vị phải lấy EIN của tổ chức đó.

Để nhận SSN hay EIN của người được trả tiền, hãy sử dụng **Mẫu W-9**, Yêu Cầu Mã Số Nhận Dạng Người Đóng Thuế và Chứng Nhận.

Người được trả tiền không cung cấp cho quý vị mã số nhận dạng người đóng thuế có thể phải chịu khấu lưu dự phòng. Để biết thông tin về khấu lưu dự phòng , xem Hướng dẫn dành cho Người Yêu Cầu Mẫu W-9 và Hướng Dẫn Chung về Tờ Khai Thông Tin.

Thuế Thu Nhập

Phần này giải thích liệu quý vị có phải khai thuế thu nhập hay không và khi nào khai thuế. Phần này cũng giải thích cách quý vị nộp thuế.

Tôi Có Cần Nộp Tờ Khai Thuế Thu Nhập Không?

Quý vị phải nộp tờ khai thuế thu nhập cho năm 2021 nếu có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh là $400 trở lên. Nếu có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh dưới $400, quý vị vẫn phải nộp tờ khai thuế thu nhập nếu đáp ứng bất kỳ yêu cầu khai thuế nào khác được liệt kê trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Tôi Nộp Tờ Khai Thuế Như Thế Nào?

Vui lòng nộp tờ khai thuế thu nhập của quý vị theo **Mẫu 1040** hoặc **Mẫu 1040-SR** và đính kèm **Bảng C.** Nhập lãi ròng hoặc lỗ ròng từ Bảng C trên Bảng 1 (Mẫu 1040). Sử dụng Bảng C để tính toán lãi hoặc lỗ ròng từ hoạt động kinh doanh của quý vị. Nếu điều hành nhiều hơn một công việc kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể, quý vị phải đính kèm riêng Bảng C cho từng doanh nghiệp.

Khai thuế điện tử của IRS (Khai Thuế Bằng Điện Tử)

Quý vị có thể nộp tờ khai thuế điện tử bằng cách sử dụng tùy chọn *hồ sơ khai thuế bằng điện tử* của IRS. Bảng 1-1 liệt kê những quyền lợi được hưởng của *hồ sơ khai thuế bằng điện tử của IRS*. *Hồ sơ khai thuế bằng điện tử của IRS* sử dụng việc tự động hóa để thay thế hầu hết các bước thủ công cần thiết để xử lý thủ tục trên tờ khai thuế bản bằng giấy. Kết quả là quy trình xử lý *hồ sơ khai thuế bằng điện tử* nhanh hơn và chính xác hơn so với quy trình xử lý tờ khai thuế bản bằng giấy. Cũng như với tờ khai thuế bản bằng giấy, quý vị có trách nhiệm bảo đảm rằng tờ khai thuế của mình chứa thông tin chính xác và được nộp đúng hạn.

Sử dụng *hồ sơ khai thuế bằng điện tử* không ảnh hưởng đến xác suất quý vị bị IRS kiểm tra tờ khai thuế của mình.

Quý vị có thể nộp các mẫu đơn kinh doanh được sử dụng phổ biến nhất bằng *hồ sơ khai thuế bằng điện tử của IRS*. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập *IRS.gov*.

Chữ ký điện tử. Việc kê khai không sử dụng giấy dễ dàng hơn quý vị nghĩ và có sẵn cho hầu hết những người đóng thuế khai thuế qua mạng thông tin điện tử — kể cả những người khai lần đầu từ 16 tuổi trở lên vào cuối năm 2021. Nếu khai thuế qua mạng thông tin điện tử bằng phần mềm khai thuế hoặc qua một chuyên gia thuế, quý vị sẽ ký tờ khai của mình bằng Phương Thức PIN (số nhận dạng cá nhân) Tự Chọn cho *hồ sơ khai thuế bằng điện tử*. Nếu quý vị và người phối ngẫu đã kết hôn và khai thuế chung, mỗi người sẽ cần tạo một mã PIN và nhập các mã PIN này như chữ ký điện tử của mình.

Để tạo mã PIN, quý vị phải nắm được tổng thu nhập điều chỉnh (AGI) từ bản gốc tờ khai thuế thu nhập đã nộp năm 2020 (không phải từ tờ khai thuế sửa đổi, Mẫu 1040-X, hoặc sau khi nhận được bất kỳ thông báo lỗi toán học nào từ IRS). Quý vị cũng sẽ cần cung cấp ngày sinh của mình. bảo đảm ngày sinh của quý vị là chính xác và khớp với thông tin trong hồ sơ mà SSA có trước khi quý vị nộp *hồ sơ khai thuế bằng điện tử*. Để thực hiện điều này, hãy kiểm tra Bản Kê Khai An Sinh Xã Hội hàng năm của quý vị.

Với Mã PIN Tự Chọn, không cần phải ký hay gửi thứ gì qua thư — thậm chí kể cả Mẫu W-2 của quý vị. Để biết thêm chi tiết về Phương Pháp Mã PIN Tự Chọn, hãy truy cập *IRS.gov*.

Hồ sơ khai thuế tiểu bang. Ở hầu hết các tiểu bang, quý vị có thể đồng thời nộp cả tờ khai thuế tiểu bang bằng hình thức điện tử lẫn tờ khai thuế liên bang của mình. Để biết thêm thông tin, hãy kiểm tra với cơ quan thuế tiểu bang, chuyên gia thuế của quý vị hoặc *IRS.gov*.

Tiền hoàn thuế. Quý vị có thể nhận được séc tiền hoàn thuế qua đường bưu điện hoặc được ký gửi trực tiếp khoản tiền hoàn thuế vào tài khoản séc hoặc tài khoản tiết kiệm của mình.

Với *hồ sơ khai thuế bằng điện tử,* tiền hoàn thuế của quý vị sẽ được cấp trong thời gian nhanh chỉ bằng một nửa so với khi nộp bản giấy. Hầu hết các khoản tiền hoàn thuế được cấp trong vòng chưa đầy 21 ngày.

Bù trừ các khoản nợ. Cũng như với tờ khai thuế bản giấy, quý vị có thể không nhận được toàn bộ số tiền hoàn thuế nếu nợ một khoản tiền quá hạn nhất định, chẳng hạn như thuế liên bang, thuế tiểu bang, khoản vay sinh viên hoặc trợ cấp con cái. Quý vị sẽ được thông báo nếu khoản tiền hoàn thuế mà quý vị yêu cầu đã được bù trừ vào các khoản nợ của mình.

Thắc mắc về tiền hoàn thuế. Quý vị có thể kiểm tra trạng thái khoản tiền hoàn thuế của mình nếu ít nhất 24 giờ (là 4 tuần nếu gửi tờ khai thuế bản giấy qua đường bưu điện) đã trôi qua kể từ ngày quý vị nộp tờ khai thuế. Hãy nhớ chuẩn bị sẵn bản sao của tờ khai thuế vì quý vị sẽ cần biết tư cách khai thuế, SSN đầu tiên được hiển thị trên tờ khai thuế và số tiền hoàn thuế chính xác được làm tròn đến một đô la. Để kiểm tra khoản tiền hoàn thuế của quý vị, vui lòng thực hiện một trong những thao tác sau.

- Truy cập *IRS.gov/Refunds*.
- Tải ứng dụng IRS2Go miễn phí xuống điện thoại thông minh của quý vị và sử dụng ứng dụng này để kiểm tra trạng thái tiền hoàn thuế.
- Gọi 800-829-1954 để nắm được thông tin tự động về tiền hoàn thuế và làm theo hướng dẫn đã được ghi âm.

IRS không thể cấp tiền hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2022 đối với những tờ khai thuế đã kê khai tín thuế thu nhập kiếm được hoặc tín thuế trẻ em bổ sung. Điều này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, không chỉ phần có liên quan đến các khoản tín thuế này.

Tiền còn thiếu. Nếu tờ khai thuế cho thấy quý vị nợ thuế, quý vị phải trả trước ngày đến hạn của tờ khai thuế (không tính đến bất kỳ sự gia hạn khai thuế nào) để tránh chịu tiền lãi cũng như tiền phạt do đóng thuế trễ hạn. Đối với niên lịch 2021, vui lòng thanh toán trước ngày 18 tháng 4 năm 2022. Quý vị có nhiều tùy chọn để thực hiện nộp thuế, bao gồm lên lịch trích ngân điện tử từ tài khoản séc hoặc tài khoản tiết kiệm hoặc bằng thẻ tín dụng của mình. Để biết thêm thông tin về các tùy chọn nộp thuế, vui lòng truy cập *IRS.gov/Payments*.

Sử dụng Đơn Vị Cung Cấp *khai thuế điện tử* Được Ủy Quyền của IRS

Nhiều chuyên gia thuế có thể khai thuế qua mạng thông tin điện tử mà không cần dùng giấy cho khách hàng của họ. Quý vị có hai tùy chọn.

1. Quý vị có thể chuẩn bị tờ khai thuế của mình, mang nó đến đơn vị cung cấp *khai thuế điện tử* được ủy quyền của IRS và yêu cầu đơn vị cung cấp chuyển nó dưới dạng điện tử tới IRS.
2. Quý vị có thể được một đơn vị cung cấp *khai thuế điện tử* được ủy quyền của IRS chuẩn bị giúp tờ khai thuế của mình và chuyển nó cho quý vị dưới dạng điện tử.

Quý vị sẽ được yêu cầu hoàn thành Mẫu 8879, Ủy Quyền Chữ Ký *Khai Thuế Điện Tử* của IRS, để cho phép đơn vị cung cấp nhập mã PIN tự chọn của mình trên tờ khai thuế.

Tùy thuộc vào đơn vị cung cấp và dịch vụ cụ thể được yêu cầu, một khoản phí có thể được tính. Để tìm một đơn vị cung cấp *khai thuế điện tử* được ủy quyền của IRS gần quý vị, vui lòng truy cập *IRS.gov/Efile/Providers (tiếng Anh)*.

Sử Dụng Vi Tính Cá Nhân của Quý Vị

Một chiếc máy tính được kết nối Internet là tất cả những gì quý vị cần để nộp tờ khai thuế của mình bằng *khai thuế điện tử của IRS*. Với việc sử dụng máy tính cá nhân, quý vị có thể nộp *khai thuế điện tử* từ nhà của mình bất kỳ lúc nào, cả ngày lẫn đêm. Ký vào tờ khai thuế của quý vị dưới định dạng điện tử bằng mã PIN tự chọn để hoàn tất quá trình. Không phải nộp mẫu đơn có chữ ký hay Mẫu W-2.

Các tùy chọn phần mềm miễn phí để khai thuế của quý vị. Nếu có AGI là $73.000 trở xuống trong năm 2021, quý vị có thể sử dụng phần mềm thuế miễn phí để chuẩn bị và nộp *khai thuế điện tử* của mình. Nếu quý vị kiếm được nhiều hơn $73.000, quý vị có thể sử dụng Các Mẫu Free File Tự Điền.

Free File. Mối quan hệ đối tác công-tư giữa IRS và các đơn vị cung cấp phần mềm thuế này tạo ra khoảng một chục sản phẩm phần mềm thương mại có thương hiệu và *khai thuế điện tử* có sẵn miễn phí. Chỉ cần truy cập *IRS.gov/FreeFile* để nắm được thông tin chi tiết. Quý vị có thể xem xét tiêu chí sử dụng miễn phí của từng đơn vị cung cấp phần mềm hoặc sử dụng công cụ trực tuyến để tìm sản phẩm phần mềm miễn phí nào phù hợp với hoàn cảnh bản thân. Một số đơn vị cung cấp phần mềm đưa ra dịch vụ khai thuế tiểu bang miễn phí.

Các Mẫu Free File Tự Điền. IRS cũng đưa ra các phiên bản điện tử cho bản giấy của các mẫu đơn của IRS, những phiên bản này cũng có thể *khai thuế điện tử* miễn phí. Các Mẫu Free File Tự Điền Miễn Phí là lựa chọn tốt nhất cho những người có kinh nghiệm trong việc tự chuẩn bị tờ khai thuế. Không có hạn mức thu nhập khi sử dụng các mẫu đơn này. Các Mẫu Free File Tự Điền thực hiện các phép tính toán học cơ bản. Những mẫu đơn này chỉ hỗ trợ mẫu đơn thuế của liên bang.

Khai Thuế Thông Qua Chủ Lao Động và Tổ Chức Tài Chánh

Một số doanh nghiệp cung cấp *khai thuế điện tử* miễn phí cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng của họ. Những doanh nghiệp khác cung cấp nó đi kèm với một khoản phí. Tìm hiểu xem liệu chủ lao động hoặc tổ chức tài chánh của quý vị có cung cấp *khai thuế điện tử* của IRS như một quyền lợi được hưởng cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng hay không.

Trợ Giúp Miễn Phí Với Tờ Khai Thuế của Quý Vị

Sự trợ giúp miễn phí trong việc khai thuế của quý vị có sẵn trên toàn quốc và đến từ các thiện nguyện viên được IRS đào tạo. Chương trình Tình Nguyện Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập (VITA) được thiết kế để hỗ trợ khai thuế cho những người đóng thuế có thu nhập thấp, cùng với đó là chương trình Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên (TCE) được thiết kế để hỗ trợ khai thuế cho những người đóng thuế từ 60 tuổi trở lên. Một số địa điểm cung cấp dịch vụ khai thuế điện tử miễn phí.

Bảng 1-1. **Lợi ích của *khai thuế điện tử của IRS***

Tính chính xác	• Tỷ lệ nhận được thông báo lỗi từ IRS giảm đáng kể.
Tính bảo mật	• Quyền riêng tư và bảo mật của quý vị được bảo đảm.
Chữ ký điện tử	• Tạo mã số nhận dạng cá nhân (PIN) của riêng quý vị và khai thuế hoàn toàn không cần dùng giấy thông qua phần mềm khai thuế hoặc chuyên gia thuế của quý vị. Không cần gửi thứ gì qua đường bưu điện.
Bằng chứng chấp thuận	• Quý vị sẽ nhận được xác nhận điện tử trong vòng 48 giờ rằng IRS đã chấp thuận và đang xử lý tờ khai thuế của quý vị.
Hoàn thuế nhanh chóng	• Quý vị nhận được tiền hoàn thuế nhanh hơn với dịch vụ ký gửi trực tiếp.
Tùy chọn khai thuế trực tuyến miễn phí	• Sử dụng *IRS.gov* để tiếp cận dịch vụ thương mại cho việc khai và nộp *khai thuế điện tử* có sẵn miễn phí cho người đóng thuế đủ điều kiện.
Các tùy chọn nộp thuế theo hình thức điện tử	• Có sẵn các tùy chọn nộp thuế tiện lợi, an toàn và bảo mật theo hình thức điện tử. *Sử dụng khai thuế điện tử* và nộp thuế của quý vị trong một bước duy nhất. Lên lịch nộp thuế trực tiếp từ tài khoản séc hoặc tài khoản tiết kiệm của quý vị (đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2022) hoặc nộp bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.
Khai thuế liên bang/tiểu bang	• Khai và nộp các tờ khai thuế liên bang và tiểu bang của quý vị cùng nhau và nhân đôi lợi ích nhận được từ *khai thuế điện tử*.

Khi Nào Tờ Khai Thuế của Tôi Đến Hạn?

Đối với niên lịch 2021, Mẫu 1040 và 1040-SR đến hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2022. Nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chánh (được giải thích trong chương 2), tờ khai thuế của quý vị sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chánh. Nếu nộp tờ khai muộn, quý vị có thể phải trả tiền phạt và tiền lãi.

Nếu quý vị không thể nộp tờ khai thuế đúng hạn, vui lòng sử dụng **Mẫu 4868**, Đơn Xin Tự Động Gia Hạn Thời Gian Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân, để yêu cầu tự động gia hạn thêm 6 tháng. Đối với người đóng thuế theo niên lịch, điều này sẽ gia hạn ngày đến hạn khai thuế cho đến ngày 15 tháng 10. Nộp đơn xin gia hạn không kéo dài thời gian nộp thuế của quý vị, chỉ kéo dài thời gian nộp tờ khai thuế.

Làm Thế Nào Để Tôi Trả Tiền Thuế Thu Nhập?

Thuế thu nhập liên bang là loại thuế thực hiện khấu trừ thuế mỗi lần nhận thu nhập. Quý vị phải nộp thuế này khi kiếm được hoặc nhận được thu nhập trong năm đó. Một nhân viên thường bị khấu lưu thuế thu nhập từ lương của họ. Nếu không nộp thuế của mình thông qua khấu lưu, hoặc không nộp đủ thuế theo cách đó, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính.

Thanh toán thuế ước tính. Quý vị thường phải nộp các khoản tiền thuế ước tính nếu quý vị nghĩ rằng mình sẽ có nợ thuế, bao gồm cả thuế tự kinh doanh (được thảo luận ở phần sau) từ $1.000 trở lên khi nộp tờ khai thuế. Sử dụng **Mẫu 1040-ES**, Thuế Ước Tính cho Cá Nhân, để tính toán và nộp thuế. Nếu không phải nộp các khoản tiền thuế ước tính, quý vị có thể nộp bất kỳ khoản thuế nào đến hạn khi nộp tờ khai thuế. Để biết thêm thông tin về thuế ước tính, xem Ấn Phẩm 505.

Tôi có những tùy chọn nào để trả tiền thuế ước tính? Quý vị có thể trả tiền khoản thuế ước tính của mình theo phương thức điện tử bằng nhiều tùy chọn khác nhau. Nếu quý vị nộp thuế điện tử thì không cần phải gửi phiếu thanh toán của Mẫu 1040-ES qua đường bưu điện. Các tùy chọn này bao gồm:

1. Trả tiền thuế điện tử thông qua Hệ Thống Thanh Toán Thuế Liên Bang Bằng Điện Tử (EFTPS),
2. Trả tiền thuế với Direct Pay bằng cách cho phép trích ngân điện tử khi quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR theo định dạng điện tử, hoặc
3. Trả tiền thuế bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ qua điện thoại hoặc qua Internet.

Các tùy chọn khác bao gồm chuyển một khoản trả thừa từ tờ khai thuế năm 2020 của quý vị vào thuế ước tính năm 2021 hoặc gửi séc hoặc lệnh phiếu qua đường bưu điện cùng với phiếu thanh toán của Mẫu 1040-ES.

EFTPS.

1. Để đăng ký EFTPS, truy cập *EFTPS.gov (tiếng Anh)* hoặc gọi 800-555-4477.
2. Khi yêu cầu một EIN mới, quý vị có thể được đăng ký tự động vào EFTPS.
3. Lợi ích của EFTPS bao gồm những điều sau.
   a. Khả năng xảy ra sai sót trong việc thanh toán của quý vị sẽ giảm xuống.
   b. Quý vị nhận được xác nhận ngay lập tức cho mọi giao dịch.

Tiền phạt cho việc trả thiếu tiền thuế. Nếu không trả đủ thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh cho năm 2021 bằng cách khấu lưu hoặc trả các khoản tiền thuế ước tính, quý vị có thể phải trả một khoản tiền phạt cho số tiền chưa thanh toán. IRS sẽ tính tiền phạt và gửi hóa đơn cho quý vị. Hoặc quý vị có thể sử dụng **Mẫu 2210**, Trả Thiếu Thuế Ước Tính đối với Cá Nhân, Di Sản và Quỹ Ủy Thác, để xem mình có phải trả tiền phạt hay không, cũng như tính số tiền phạt. Để biết thêm thông tin, Xem Ấn Phẩm 505.

Thuế Tự Kinh Doanh (SE)

Thuế SE là một loại thuế an sinh xã hội và Medicare chủ yếu dành cho những cá nhân làm việc cho chính họ. Loại thuế này cũng tương tự như thuế an sinh xã hội và Medicare được khấu lưu từ lương của hầu hết những người làm công ăn lương.

CAUTION *Nếu kiếm được thu nhập với tư cách là một nhân viên pháp định, quý vị không phải trả thuế tự kinh doanh cho thu nhập đó. Thuế an sinh xã hội và Medicare đúng ra đã phải được khấu lưu từ những khoản thu nhập đó.*

Bảo hiểm an sinh xã hội. Phúc lợi an sinh xã hội cũng dành cho những người tự kinh doanh giống như những người làm công ăn lương. Các khoản chi trả thuế SE sẽ đóng góp vào bảo hiểm của quý vị trong hệ thống an sinh xã hội. Bảo hiểm an sinh xã hội cung cấp cho quý vị các quyền lợi hưu trí, quyền lợi cho người bị khuyết tật, quyền lợi cho người sống sót và quyền lợi bảo hiểm bệnh viện (Medicare).

CAUTION *Vui lòng bảo đảm khai báo tất cả thu nhập tự kinh doanh của quý vị. Với việc không khai báo đầy đủ, quý vị có thể khiến quyền lợi an sinh xã hội của mình thấp hơn khi nghỉ hưu.*

Làm thế nào để được bảo hiểm theo chế độ an sinh xã hội. Quý vị phải được bảo hiểm theo hệ thống an sinh xã hội trước khi bắt đầu nhận quyền lợi an sinh xã hội. Quý vị được bảo hiểm nếu có đủ số lượng tín thuế cần thiết (còn được gọi là quý bảo hiểm), được thảo luận ở dưới đây.

Thu nhạp được công nhạn cho năm 2021 và 2022. Đối với năm 2021, quý vị được một công nhận, tối đa là bốn công nhận, cho mỗi $1.470 ($1.540 cho năm 2022) thu nhập chịu thuế an sinh xã hội. Do đó, trong năm 2021, nếu quý vị có thu nhập (tự kinh doanh và lương bổng) là $5.880 mà đã phải chịu thuế an sinh xã hội, quý vị sẽ nhận được bốn công nhận($5.880 ÷ $1.470).

Để được giải thích về số lượng công nhận quý vị phải có để được bảo hiểm và những phúc lợi dành cho bản thân và gia đình của quý vị theo chương trình an sinh xã hội, vui lòng xin tư vấn tại văn phòng SSA gần nhất.

CAUTION *Khai báo sai sự thật để nhận hoặc tăng phúc lợi an sinh xã hội có thể khiến quý vị phải chịu hình phạt.*

Thời hạn của SSA cho việc đăng thu nhập tự kinh doanh. Thông thường, SSA sẽ chỉ công nhận thu nhập tự kinh doanh được khai khai báo trên tờ khai thuế đã nộp trong vòng 3 năm, 3 tháng và 15 ngày sau niên thuế mà quý vị kiếm được thu nhập đó. Nếu quý vị khai thuế hoặc khai báo sự thay đổi trong thu nhập tự kinh doanh của mình sau thời hạn này, SSA có thể thay đổi hồ sơ của mình, nhưng chỉ để loại bỏ hoặc giảm số tiền. SSA sẽ không thay đổi hồ sơ của mình để tăng thu nhập tự kinh doanh của quý vị.

Ai phải nộp thuế SE. Quý vị phải nộp thuế SE và nộp Bảng SE (Mẫu 1040) nếu một trong hai điều sau được áp dụng.

1. Thu nhập ròng của quý vị từ công việc tự kinh doanh (không bao gồm thu nhập của nhân viên nhà thờ) là $400 trở lên.
2. Quý vị có thu nhập của nhân viên nhà thờ từ $108,28 trở lên.

CAUTION *Các quy tắc thuế SE được áp dụng bất kể quý vị bao nhiêu tuổi và ngay cả khi quý vị đang nhận phúc lợi an sinh xã hội hoặc Medicare.*

Tỷ suất thuế SE. Tỷ suất thuế SE trên thu nhập ròng là 15,3% (12,4% thuế an sinh xã hội cộng với 2,9% thuế Medicare).

Thu nhập tối đa chịu thuế SE. Chỉ $142.800 đầu tiên trong tổng lương bổng, tiền boa và thu nhập ròng của quý vị vào năm 2021 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE, thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Tổng tất cả lương bổng, tiền boa và thu nhập ròng của quý vị vào năm 2020 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE, thuế Medicare, hoặc phần Medicare trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Nếu lương bổng và tiền boa quý vị nhận được với tư cách là một nhân viên phải chịu thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt, hoặc cả hai và tổng cộng ít nhất là $142.800, vui lòng không nộp phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE đối với bất kỳ khoản thu nhập ròng nào của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải nộp phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE cho toàn bộ thu nhập ròng của quý vị.

TIP *Khấu trừ một nửa thuế tự kinh doanh (SE) của quý vị như một khoản điều chỉnh thu nhập trên dòng 15 của Bảng 1 (Mẫu 1040).*

Thuế Medicare Phụ Trội. Thuế Medicare Phụ Trội 0,9% có thể áp dụng cho quý vị nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh vượt quá một trong những số tiền giới hạn sau (dựa trên tư cách khai thuế của quý vị).

- Đã kết hôn, khai thuế chung — $250.000
- Đã kết hôn, khai thuế riêng — $125.000
- Người độc thân, Chủ gia đình hoặc Người góa vợ/chồng đủ điều kiện — $200.000

Nếu quý vị có cả lương bổng và thu nhập tự kinh doanh, số tiền giới hạn để áp dụng Thuế Medicare Phụ Trội đối với thu nhập tự kinh doanh sẽ được trừ đi (nhưng không xuống dưới 0) khoản lương bổng phải chịu Thuế Medicare Phụ Trội. Sử dụng Mẫu 8959, Thuế Medicare Phụ Trội, để tính toán khoản thuế này.

Thêm thông tin. Để nắm được thông tin về các phương pháp tính thuế SE, xem chương 10.

Bảng 1-2. **Tôi Phải Nộp Những Mẫu Nào?**

NẾU quý vị có trách nhiệm nộp:	**THÌ sử dụng Mẫu:**	**ĐẾN HẠN vào:**[1]
Thuế thu nhập	1040 hoặc 1040-SR và Bảng C[2]	Ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc niên thuế.
Thuế tự kinh doanh	Bảng SE	Nộp cùng Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR.
Thuế ước tính	1040-ES	Ngày 15 của tháng thứ 4, 6 và 9 của niên thuế và ngày 15 của tháng thứ nhất sau khi kết thúc niên thuế.
Thuế an sinh xã hội và Medicare và khấu lưu thuế thu nhập	941 hoặc 944	ngày 30 tháng 4, ngày 31 tháng 7, ngày 31 tháng 10 và ngày 31 tháng 1.[3] Xem Ấn Phẩm 15.
Cung cấp thông tin về thuế an sinh xã hội và Medicare và khấu lưu thuế thu nhập	W-2 (đối với nhân viên) W-2 và W-3 (đối với Cơ Quan Quản Lý An Sinh Xã Hội)	Ngày 31 tháng 1.[3] Ngày 31 tháng 1.[3]
Thuế thất nghiệp liên bang (FUTA)	940	Ngày 31 tháng 1.[3] Ngày 30 tháng 4, ngày 31 tháng 7, ngày 31 tháng 10 và ngày 31 tháng 1, nhưng chỉ khi khoản phải trả cho khoản thuế chưa thanh toán là nhiều hơn $500.
Nộp tờ khai thông tin nhằm khai báo các khoản chi trả cho người không phải nhân viên cũng như các giao dịch với những người khác	Xem *Tờ Khai Thông Tin*	Mẫu 1099 — gửi cho người nhận trước ngày 31 tháng 1 và cho IRS trước ngày 28 tháng 2 (ngày 31 tháng 3 nếu khai thuế điện tử).[4] Các mẫu đơn khác — xem Hướng Dẫn Chung về Một Số Bản Kê Khai Dữ Kiện Để Khai Thuế.
Thuế gián thu	Xem *Thuế Gián Thu*	Xem hướng dẫn cho các mẫu đơn.

[1] Nếu ngày đến hạn rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ được pháp luật quy định, vui lòng nộp trước ngày tiếp theo mà không phải là những ngày trên. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 509, Lịch Nộp Thuế.

[2] Nộp bảng liệt kê riêng cho từng doanh nghiệp.

[3] Xem hướng dẫn của mẫu đơn nếu quý vị ngừng việc kinh doanh, thay đổi hình thức kinh doanh hoặc ngừng trả lương.

[4] Mẫu 1099-NEC — nộp cho IRS trước ngày 31 tháng 1 (ngay cả khi nộp hồ sơ điện tử) nếu quý vị đang khai báo tiền thù lao cho người không phải nhân viên.

Thuế Việc Làm

Nếu có nhân viên, quý vị sẽ cần phải nộp các mẫu đơn để khai báo thuế việc làm. Thuế việc làm bao gồm các hạng mục sau.

- Thuế an sinh xã hội và Medicare.
- Khấu lưu thuế thu nhập liên bang.
- Thuế thất nghiệp liên bang (FUTA).

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 15 (Thông Tư E), Hướng Dẫn Thuế Cho Chủ Lao Động. Ấn phẩm đó giải thích các trách nhiệm thuế của quý vị với tư cách là chủ lao động.

Để giúp quý vị xác định liệu những người đang làm việc cho mình có được tính là nhân viên hay không, vui lòng xem Ấn Phẩm 15-A, Hướng Dẫn Bổ Sung cho Thuế của Chủ Lao Động. Ấn phẩm đó chứa thông tin giúp quý vị xác định xem một cá nhân là nhà thầu độc lập hay nhân viên.

CAUTION *Nếu phân loại sai một nhân viên thành một nhà thầu độc lập, quý vị có thể phải chịu trách nhiệm về thuế lao động cho người lao động đó cộng với tiền phạt.*

Nhà thầu độc lập là người tự kinh doanh. Quý vị thường không phải khấu lưu hoặc nộp bất kỳ khoản thuế nào đối với các khoản chi trả cho một nhà thầu độc lập.

Thuế Gián Thu

Phần này xác định một số loại thuế gián thu cũng như các mẫu đơn mà quý vị phải nộp nếu thực hiện bất kỳ hoạt động nào sau đây.

- Sản xuất hoặc bán một số sản phẩm.
- Vận hành một số loại hình kinh doanh.
- Sử dụng các loại thiết bị, phương tiện hoặc sản phẩm khác nhau.
- Được trả tiền cho một số dịch vụ.

Để biết thêm thông tin về thuế gián thu, xem Ấn Phẩm 510.

Mẫu 720. Thuế gián thu liên bang được khai báo trên Mẫu 720, Tờ Khai Thuế Gián Thu Liên Bang Hàng Quý, bao gồm một vài hạng mục thuế lớn được liệt kê dưới đây.

- Thuế môi trường đối với việc bán hoặc sử dụng hóa chất làm suy giảm tầng ôzôn và sản phẩm nhập khẩu có chứa hoặc sản xuất bằng các hóa chất này.
- Thuế thông tin truyền thông và vận tải hàng không.
- Thuế nhiên liệu.
- Thuế đối với hoạt động bán lẻ cấp 1 xe tải hạng nặng, xe rơ moóc (trailer) và xe đầu kéo (tractor).

- Thuế của nhà sản xuất đối với việc bán hoặc sử dụng nhiều loại vật phẩm khác nhau.
- Thuế đối với dịch vụ rám nắng trong nhà.

Mẫu 2290. Có một loại thuế gián thu liên bang đối với việc sử dụng một số loại xe tải, xe tải kéo và xe buýt trên đường cao tốc công cộng. Thuế này áp dụng cho các loại xe có tổng trọng lượng chịu thuế từ 55.000 pound trở lên. Khai báo thuế trên Mẫu 2290, Tờ Khai Thuế Sử Dụng Xe Hạng Nặng Trên Xa Lộ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Hướng Dẫn cho Mẫu 2290.

Ký gửi thuế gián thu. Nếu phải khai thuế gián thu hàng quý trên Mẫu 720, quý vị có thể phải ký gửi thuế gián thu trước khi tờ khai thuế đến hạn. Để nắm được chi tiết về việc ký gửi thuế gián thu, vui lòng xem Hướng Dẫn cho Mẫu 720.

Tờ Khai Thông Tin

Nếu thực hiện hoặc nhận các khoản chi trả trong hoạt động kinh doanh, quý vị có thể phải khai báo chúng cho IRS trên tờ khai thông tin. IRS so sánh các khoản chi trả trên tờ khai thông tin với tờ khai thuế thu nhập của mỗi người để xem liệu các khoản chi trả có được tính vào thu nhập hay không. Quý vị phải cung cấp một bản sao của tờ khai thông tin mà phải được nộp cho người nhận hoặc người trả tiền. Ngoài các mẫu được mô tả dưới đây, quý vị có thể phải sử dụng tờ khai thuế khác để khai báo một số loại hình chi trả hoặc giao dịch. Để biết thêm chi tiết về tờ khai thông tin cũng như thời điểm phải nộp, xem Hướng Dẫn Chung Cho Một Số Bản Kê Khai Dữ Kiện Để Khai Thuế.

Mẫu 1099-MISC. Sử dụng Mẫu 1099-MISC, Thông Tin Hỗn Hợp, để khai báo một số khoản chi trả mà quý vị thực hiện trong hoạt động kinh doanh của mình. Các khoản chi trả này bao gồm các hạng mục sau.

- Các khoản chi trả tiền thuê từ $600 trở lên, ngoại trừ tiền thuê trả cho các đại lý bất động sản.
- Giải thưởng và phần thưởng trị giá $600 trở lên không dành cho dịch vụ, chẳng hạn như chiến thắng trên các chương trình truyền hình hoặc radio.
- Tiền bản quyền từ $10 trở lên.
- Tiền cho một số thuyền viên của những người chủ hoặc người điều hành tàu đánh cá.
- Số tiền trả cho việc mua cá để bán lại từ bất kỳ người nào tham gia vào hoạt động kinh doanh đánh bắt cá.

Quý vị cũng sử dụng Mẫu 1099-MISC để khai báo doanh số bán sản phẩm tiêu dùng từ $5.000 trở lên của quý vị cho một người để bán lại ở bất kỳ nơi nào khác ngoài cơ sở bán lẻ cố định.

Mẫu 1099-NEC. Nộp Mẫu 1099-NEC, Tiền Thù Lao Cho Người Không Phải Nhân Viên, cho mỗi người trong quá trình kinh doanh của quý vị mà quý vị đã trả ít nhất $600 trong năm cho:

- Những dịch vụ được thực hiện bởi một người nào đó không phải là nhân viên của quý vị (bao gồm các bộ phận và vật liệu) (ô vuông 1),
- Chi trả tiền mặt cho cá (hoặc các loại thủy hải sản khác) mà quý vị mua từ bất kỳ người nào tham gia vào hoạt động thương mại hay kinh doanh đánh bắt cá (ô vuông 1), hoặc
- Các khoản chi trả cho luật sư (ô vuông 1).

Quý vị cũng phải nộp Mẫu 1099-NEC cho từng người mà quý vị đã khấu lưu bất kỳ khoản thuế thu nhập liên bang nào từ họ (khai báo trong ô vuông 4) theo các quy định về số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm bất kể số tiền chi trả là bao nhiêu.

CAUTION *Nếu sử dụng Mẫu 1099-NEC để khai báo doanh số bán các sản phẩm tiêu dùng có tổng trị giá từ $5.000 trở lên, thì quý vị phải nộp Mẫu 1099-NEC cho IRS trước ngày 31 tháng 1.*

Mẫu W-2. Quý vị phải nộp Mẫu W-2 để khai báo các khoản chi trả cho nhân viên của mình, chẳng hạn như lương bổng, tiền boa và các khoản bồi thường, thu nhập sau khi khấu lưu, thuế an sinh xã hội và thuế Medicare khác. Quý vị có thể nộp Mẫu W-2 trực tuyến. Để biết thêm thông tin về Mẫu W-2, xem Hướng Dẫn Chung cho Mẫu W-2 và W-3.

Hình phạt. Pháp luật quy định các hình phạt sau đây nếu quý vị không nộp Mẫu 1099-MISC, Mẫu 1099-NEC, hoặc Mẫu W-2 hoặc không khai báo thông tin một cách chính xác. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm Hướng Dẫn Chung Cho Một Số Bản Kê Khai Dữ Kiện Để Khai Thuế.

- Không nộp tờ khai thông tin. Hình phạt này được áp dụng nếu quý vị không nộp tờ khai thông tin trước ngày đến hạn, không bao gồm đầy đủ thông tin bắt buộc hoặc khai báo thông tin không chính xác.
- Không cung cấp bản kê khai chính xác về người được trả tiền. Hình phạt này được áp dụng nếu quý vị không cung cấp bản kê khai bắt buộc cho người được trả tiền trước ngày được yêu cầu, không bao gồm đầy đủ thông tin được yêu cầu hoặc khai báo thông tin không chính xác.

Bãi miễn hình phạt. Những hình phạt này sẽ không được áp dụng nếu quý vị có thể chứng minh rằng việc không thực hiện là do nguyên nhân hợp lý và không phải do cố ý bỏ qua.

Ngoài ra, không có hình phạt nào trong trường hợp không bao gồm đầy đủ các thông tin được yêu cầu hoặc bao gồm thông tin không chính xác trên một số lượng nhỏ (cực tiểu) các tờ khai thông tin nếu quý vị sửa lỗi trước ngày 1 tháng 8 của năm mà tờ khai thuế đến hạn. (Số lượng cực tiểu của tờ khai thuế là giá trị lớn hơn của 10 hoặc 1/2 1% tổng số tờ khai thuế mà quý vị phải nộp trong năm).

Mẫu 8300. Quý vị phải nộp Mẫu 8300, Báo Cáo Các Khoản Chi Trả Bằng Tiền Mặt Trên $10.000 Nhận Được Trong Hoạt Động Thương Mại hoặc Kinh Doanh, nếu quý vị nhận được hơn $10.000 tiền mặt trong một giao dịch hoặc nhiều hơn một giao dịch kinh doanh có liên quan. Tiền mặt bao gồm tiền xu và tiền tệ của Hoa Kỳ và nước ngoài. Tiền mặt cũng bao gồm một số công cụ tiền tệ như séc ngân hàng có bảo chứng, séc du lịch và lệnh phiếu. Tiền mặt không bao gồm séc được rút từ tài khoản riêng của một cá nhân (séc cá nhân). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 1544, Khai Báo Các Khoản Chi Trả Bằng Tiền Mặt Trên $10.000.

Hình phạt. Có các hình phạt dân sự và hình sự, bao gồm tối đa 5 năm tù giam, cho việc không nộp Mẫu 8300, nộp (hoặc gây ra việc nộp) một Mẫu 8300 sai sự thật hoặc gian lận, hoặc cơ cấu một giao dịch để trốn tránh các yêu cầu khai báo.

Bảng 1-3. **Danh Sách Kiểm Tra Khi Ngừng Kinh Doanh**

(**Lưu ý.** Danh sách kiểm tra sau đây nêu rõ các mẫu đơn và bảng liệt kê cuối cùng điển hình mà quý vị có thể cần phải nộp nếu ngừng kinh doanh. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn cho các mẫu đơn được liệt kê).

NẾU quý vị có trách nhiệm nộp:	**THÌ quý vị có thể cần phải:**
Thuế thu nhập	☐ Nộp Bảng C cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm quý vị ngừng kinh doanh. ☐ Nộp Mẫu 4797 cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho mỗi năm mà quý vị bán hoặc trao đổi tài sản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình hoặc trong đó việc sử dụng cho mục đích kinh doanh của một số tài sản theo đoạn 179 hoặc được liệt kê giảm xuống mức 50% hoặc ít hơn. ☐ Nộp Mẫu 8594 cùng với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR nếu quý vị đã bán doanh nghiệp của mình.
Thuế tự kinh doanh	☐ Nộp Bảng SE với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm quý vị ngừng kinh doanh.
Thuế việc làm	☐ Nộp Mẫu 941 cho mỗi quý (hoặc Mẫu 944 cho mỗi năm) mà quý vị thực hiện khoản chi trả tiền lương cuối cùng. **Lưu ý.** Đừng quên đánh dấu vào ô vuông và nhập ngày mà khoản tiền lương cuối cùng được chi trả trên 17 của Mẫu 941 hoặc dòng 14 của Mẫu 944. ☐ Nộp Mẫu 940 cho niên lịch mà số tiền lương cuối cùng đã được trả. **Lưu ý.** Đừng quên đánh dấu vào ô vuông d, *Cuối cùng: Doanh nghiệp đóng cửa hoặc ngừng trả lương* trong mục *Loại Tờ Khai Thuế*.
Tờ khai thông tin	☐ Cung cấp Mẫu W-2 cho nhân viên của quý vị trong niên lịch mà quý vị thực hiện chi trả số tiền lương cuối cùng. ☐ Nộp Mẫu W-3 để nộp Mẫu W-2. ☐ Cung cấp Mẫu 1099-MISC và 1099-NEC cho mỗi người mà quý vị đã trả ít nhất $600 cho các dịch vụ (bao gồm các bộ phận và vật liệu) trong niên lịch mà quý vị ngừng kinh doanh. ☐ Nộp Mẫu 1096 để nộp Mẫu 1099-MISC và 1099-NEC.

2.

Chu Kỳ và Phương Pháp Kế Toán

Giới thiệu

Quý vị phải tính thu nhập chịu thuế của mình và nộp tờ khai thuế thu nhập theo một chu kỳ kế toán hàng năm được gọi là niên thuế. Ngoài ra, quý vị phải sử dụng một cách nhất quán phương pháp kế toán, qua đó trình bày rõ ràng thu nhập và chi phí của mình trong niên thuế.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

❑ **538** Chu Kỳ và Phương Pháp Kế Toán

Xem chương 12 để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Chu Kỳ Kế Toán

Khi lập bản kê khai thu nhập và chi phí (thường là tờ khai thuế thu nhập của quý vị), quý vị phải sử dụng sổ sách và hồ sơ của mình trong một khoảng thời gian cụ thể được gọi là chu kỳ kế toán. Chu kỳ kế toán hàng năm cho tờ khai thuế thu nhập của quý vị được gọi là **niên thuế**. Quý vị có thể sử dụng một trong các niên thuế sau đây.

- Niên thuế theo lịch.
- Niên thuế theo lịch tài chánh.

Nếu không có niên thuế bắt buộc, quý vị sẽ áp dụng một niên thuế bằng cách nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên của mình sử dụng niên thuế đó. Niên thuế bắt buộc là niên thuế được yêu cầu theo Luật Thuế Vụ hoặc Quy định Về Thuế Thu Nhập.

Niên thuế theo lịch. Một niên thuế theo lịch là 12 tháng liên tục bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12.

Quý vị phải áp dụng niên thuế theo lịch nếu bất kỳ điều nào sau đây được áp dụng.

- Quý vị không giữ sổ sách kế toán.
- Quý vị không có chu kỳ kế toán hàng năm.
- Niên thuế hiện tại của quý vị không hội đủ điều kiện để được xem là năm theo lịch tài chánh.
- Việc sử dụng niên thuế theo lịch của quý vị là bắt buộc theo Luật Thuế Vụ hoặc Quy Định Về Thuế Thu Nhập.

Nếu đã nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên sử dụng niên thuế theo lịch và sau đó bắt đầu kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể, quý vị phải tiếp tục sử dụng niên thuế theo lịch đó trừ khi được IRS chấp thuận để thay đổi hoặc được phép thay đổi mà không cần sự chấp thuận của IRS. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Thay đổi niên thuế*, ở phần sau.

Nếu áp dụng niên thuế theo lịch, quý vị phải duy trì sổ sách và hồ sơ đồng thời khai báo thu nhập và chi phí của mình trong

khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên thuế theo lịch tài chánh. Niên thuế theo lịch tài chánh là 12 tháng liên tục kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào trừ tháng 12. Niên thuế 52-53 tuần là niên thuế theo lịch tài chánh kéo dài từ 52 đến 53 tuần nhưng không nhất thiết phải kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng.

Nếu áp dụng niên thuế theo lịch tài chánh, quý vị phải duy trì sổ sách và hồ sơ của mình đồng thời khai báo thu nhập và chi phí trong cùng một niên thuế.

Để biết thêm thông tin về niên thuế theo lịch tài chánh, bao gồm niên thuế 52-53 tuần, vui lòng xem Ấn Phẩm 538.

Thay đổi niên thuế. Thông thường, quý vị phải nộp **Mẫu 1128**, Đơn Xin Áp Dụng, Thay đổi hoặc Giữ Lại Niên Thuế, để yêu cầu sự chấp thuận từ phía IRS nhằm thay đổi niên thuế của mình. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1128 về các trường hợp ngoại lệ. Nếu đủ điều kiện để có một yêu cầu phê duyệt tự động, quý vị không phải trả phí người dùng. Nếu không đủ điều kiện để được phê duyệt tự động, quý vị phải yêu cầu một quyết định. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1128 để biết thông tin về phí người dùng nếu quý vị đang yêu cầu một quyết định.

Phương Pháp Kế Toán

Phương pháp kế toán là một tập hợp các quy tắc được sử dụng để xác định thời điểm và cách thức khai báo thu nhập và chi phí. Phương pháp kế toán của quý vị không chỉ bao gồm phương pháp kế toán tổng thể được sử dụng mà còn bao gồm cả phương pháp hạch toán được sử dụng cho bất kỳ hạng mục nào.

Quý vị chọn phương pháp kế toán cho doanh nghiệp của mình khi nộp tờ khai thuế thu nhập đầu tiên bao gồm Bảng C cho doanh nghiệp. Sau đó, nếu muốn thay đổi phương pháp kế toán của mình, thông thường quý vị phải được IRS chấp thuận. Xem *Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán*, ở phần sau.

Các loại phương pháp. Thông thường, quý vị có thể sử dụng bất kỳ phương pháp kế toán nào sau đây.

- Phương pháp chi thu bằng tiền mặt.
- Một phương pháp kế toán tích lũy.
- Phương pháp kế toán đặc biệt đối với một số hạng mục thu nhập và chi phí.
- Phương pháp kết hợp sử dụng các yếu tố của hai hoặc nhiều hơn các yếu tố trên.

Quý vị phải sử dụng cùng một phương pháp kế toán để tính thu nhập chịu thuế và lưu giữ sổ sách của mình. Ngoài ra, quý vị phải sử dụng một phương pháp kế toán trình bày rõ ràng thu nhập của mình.

Hạng mục doanh nghiệp và cá nhân. Quý vị có thể hạch toán các hạng mục doanh nghiệp và cá nhân theo các phương pháp kế toán khác nhau. Ví dụ: quý vị có thể tính toán thu nhập kinh doanh của mình theo phương pháp kế toán tích lũy, ngay cả khi sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt để tính các hạng mục cá nhân.

Hai hoặc nhiều doanh nghiệp. Nếu có hai hoặc nhiều doanh nghiệp riêng lẻ và tách biệt, quý vị có thể sử dụng phương pháp kế toán khác nhau cho từng doanh nghiệp nếu phương pháp đó phản ánh rõ ràng thu nhập của từng doanh nghiệp. Những phương pháp này chỉ riêng và tách biệt nếu quý vị duy trì sổ sách cùng với hồ sơ đầy đủ và riêng biệt cho từng doanh nghiệp.

Phương Pháp Chi Thu Bằng Tiền Mặt

Hầu hết các cá nhân và nhiều doanh nghiệp cá thể không có bản kê hàng sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt bởi họ thấy rằng việc lưu giữ hồ sơ với phương pháp chi thu bằng tiền mặt dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nếu bản kê hàng là cần thiết để hạch toán thu nhập của quý vị, thông thường quý vị phải sử dụng phương pháp kế toán tích lũy để hạch toán việc bán hàng và mua hàng, trừ khi quý vị là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ (được định nghĩa ở phần sau của chương này). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Bản kê hàng*, ở phần sau.

Thu nhập

Theo phương pháp chi thu bằng tiền mặt, vui lòng tính mọi khoản thu nhập mà quý vị thực tế nhận được hoặc được coi là đã nhận được trong niên thuế của mình vào tổng thu nhập. Nếu nhận tài sản hoặc dịch vụ, quý vị phải tính cả giá cả phải chăng trên thị trường của chúng vào thu nhập.

Ví dụ. Vào ngày 30 tháng 12 năm 2020, bà Sycamore đã gửi một séc cho quý vị về các dịch vụ trang trí nội thất mà quý vị đã cung cấp cho bà ấy. Quý vị đã nhận được séc vào ngày 4 tháng 1 năm 2021. Quý vị phải tính cả số séc này vào thu nhập cho năm 2021.

Khoản nhận suy định. Quý vị có khoản nhận suy định của thu nhập khi một khoản tiền được ghi có vào tài khoản của quý vị hoặc được cung cấp cho quý vị mà không bị hạn chế. Quý vị không cần phải sở hữu nó. Nếu ủy quyền cho ai đó làm đại lý và nhận thu nhập thay cho mình, quý vị được coi là đã nhận được số tiền khi đại lý nhận được nó.

Ví dụ. Tiền lãi được ghi có vào tài khoản ngân hàng của quý vị vào tháng 12 năm 2021. Quý vị không rút hoặc chuyển khoản tiền này vào sổ tiết kiệm của mình cho đến năm 2022. Quý vị phải tính cả khoản tiền này vào tổng thu nhập của mình cho năm 2021.

Trì hoãn biên nhận thu nhạp. Quý vị không thể giữ séc hoặc hoãn việc sở hữu tài sản tương tự từ niên thuế này sang niên thuế khác để tránh phải trả thuế thu nhập. Quý vị phải khai báo thu nhập trong năm quý vị nhận được hoặc được cung cấp tài sản mà không bị hạn chế.

Ví dụ. Frances Jones, một nhà thầu dịch vụ, có quyền nhận khoản chi trả $10.000 cho một hợp đồng vào tháng 12 năm 2021. Vào tháng 12, cô ấy đã được thông báo rằng khoản chi trả của cô ấy đã có. Theo yêu cầu của cô ấy, khoản tiền đó không được chi trả cho cô ấy cho đến tháng 1 năm 2022. Cô ấy phải tính cả khoản chi trả này vào thu nhập năm 2021 của mình vì số tiền này đã được coi là nhận được vào năm 2021.

Séc. Biên nhận của một séc hợp lệ vào cuối niên thuế là biên nhận bổ trợ của thu nhập trong năm đó, ngay cả khi quý vị không thể rút tiền mặt hoặc ký gửi séc cho đến năm sau.

Ví dụ. Bác sĩ Redd nhận được séc $500 vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 từ một bệnh nhân. Cô không thể ký gửi séc vào tài khoản doanh nghiệp của mình cho đến ngày 3 tháng 1 năm 2022. Cô ấy phải tính khoản phí này vào thu nhập của mình cho năm 2021.

Nợ do người khác trả hoặc được hủy. Nếu có các khoản nợ được trả bởi người khác hoặc được chủ nợ hủy bỏ, quý vị có thể phải khai báo một phần hoặc toàn bộ khoản miễn giảm nợ này dưới dạng thu nhập. Nếu nhận được thu nhập theo cách này, quý vị sẽ được coi là đã nhận được khoản thu nhập này khi khoản nợ được hủy bỏ hoặc chi trả. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Nợ Được Hủy Bỏ* trong mục *Các Hình Thức Thu Nhập* trong chương 5.

Hoàn trả thu nhập. Nếu gộp một khoản tiền vào thu nhập và trong một năm sau đó phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền đó, quý vị thường có thể khấu trừ khoản hoàn trả vào năm thực hiện việc hoàn trả. Nếu số tiền quý vị hoàn trả lớn hơn $3.000, một quy tắc đặc biệt sẽ được áp dụng. Để biết chi tiết về quy tắc đặc biệt, vui lòng xem *Repayments (Khoản hoàn trả)* trong chương 11 của Ấn Phẩm 535.

Chi phí

Theo phương pháp chi thu bằng tiền mặt, quý vị thường khấu trừ các chi phí trong niên thuế mà quý vị thực sự trả chúng. Điều này bao gồm các chi phí kinh doanh mà quý vị phải chịu trách nhiệm về khoản nợ phải trả. Tuy nhiên, quý vị có thể không được khấu trừ một khoản chi phí đã trả trước hoặc quý vị có thể được yêu cầu vốn hóa một số chi phí nhất định, như được giải thích ở phần sau theo *Quy Tắc Vốn Hóa Thống Nhất*.

Các khoản chi phí đã trả trước. Quý vị có thể khấu trừ một khoản chi phí mà quý vị trả trước chỉ trong năm áp dụng chi phí đó.

Ví dụ. Quý vị là người đóng thuế theo niên lịch và trả $1.000 vào năm 2021 cho hợp đồng bảo hiểm kinh doanh có hiệu lực trong 1 năm, tính từ ngày 1 tháng 7. Quý vị có thể khấu trừ $500 vào năm 2021 và $500 vào năm 2022.

Phương Pháp Kế Toán Tích Lũy

Theo phương pháp kế toán tích lũy, quý vị thường khai báo thu nhập trong năm kiếm được thu nhập và khấu trừ hoặc vốn hóa các chi phí trong năm phát sinh. Mục đích của phương pháp kế toán tích lũy là để tính toán thu nhập và chi phí vào năm chính xác.

Thu Nhập — Quy Tắc Chung

Theo phương pháp kế toán tích lũy, quý vị thường tính một khoản tiền vào tổng thu nhập của mình cho niên thuế mà tất cả các sự kiện quyết định quyền nhận thu nhập đã xảy ra đồng thời quý vị có thể xác định khoản tiền này với độ chính xác hợp lý. Đối với người đóng thuế có một bản tường trình tài chánh thích hợp hoặc bản tường trình tài chánh khác mà Bộ Trưởng có thể chỉ định, thì tiêu chuẩn cứu xét "tất cả các sự kiện" cho một hạng mục của tổng thu nhập được coi là được đáp ứng không muộn hơn thời điểm được đưa vào xem xét trong một bản tường trình tài chánh thích hợp hoặc bản tường trình tài chánh tương tự khác.

Ví dụ. Quý vị là người đóng thuế theo niên lịch sử dụng phương pháp kế toán tích lũy. Quý vị đã bán một máy tính vào ngày 28 tháng 12 năm 2021. Quý vị đã lập hóa đơn cho khách hàng vào tuần đầu tiên của tháng 1 năm 2022 nhưng đến tháng 2 năm 2022 quý vị mới nhận được thanh toán. Quý vị phải tính cả số tiền nhận được cho máy tính vào thu nhập năm 2021 của mình.

Thu Nhập — Các Quy Tắc Đặc Biệt

Sau đây là các quy tắc đặc biệt áp dụng cho các khoản trả trước, thu nhập ước tính và thay đổi lịch chi trả cho các dịch vụ.

Thu nhập ước tính. Nếu quý vị gộp một khoản tiền ước tính hợp lý vào tổng thu nhập chưa trừ các chi phí và thuế và sau đó xác định được khoản tiền chính xác khác so với thực tế, vui lòng tính đến khoản chênh lệch trong niên thuế mà quý vị xác định được nó.

Thay đổi lịch chi trả cho các dịch vụ. Nếu thực hiện các dịch vụ với mức giá cơ bản được chỉ định trong hợp đồng, quý vị phải tích lũy thu nhập theo mức giá cơ bản, ngay cả khi đồng ý nhận các khoản chi trả với mức giá thấp hơn cho đến khi quý vị hoàn thành các dịch vụ và sau đó nhận được khoản chênh lệch.

Các khoản trả trước. Thông thường, quý vị khai báo một khoản trả trước dưới dạng thu nhập trong năm nhận được khoản chi trả. Tuy nhiên, nếu nhận được một khoản trả trước, quý vị có thể chọn hoãn tính khoản trả trước này vào thu nhập cho đến niên thuế tiếp theo. Quý vị không thể hoãn việc tính vào bất kỳ khoản chi trả nào vào sau niên thuế đó.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 538 và đoạn 451.

Chi phí

Theo phương pháp kế toán tích lũy, quý vị thường khấu trừ hoặc vốn hóa chi phí kinh doanh khi cả hai điều sau đây được áp dụng.

1. Tiêu chuẩn cứu xét "tất cả các sự kiện" đã được đáp ứng. Tiêu chuẩn cứu xét đã được đáp ứng khi:
   a. Tất cả các sự kiện quyết định thực tế về nợ phải trả đã xảy ra và
   b. Khoản nợ phải trả có thể được xác định với độ chính xác hợp lý.
2. Hoạt động kinh tế đã xảy ra.

Hoạt động kinh tế. Thông thường, quý vị không thể khấu trừ hoặc vốn hóa chi phí kinh doanh cho đến khi hoạt động kinh tế đã xảy ra. Nếu quý vị có chi phí cho tài sản hoặc dịch vụ được cung cấp, hoặc cho việc sử dụng tài sản, thì hoạt động kinh tế xảy ra khi tài sản hoặc dịch vụ được cung cấp hoặc khi tài sản được sử dụng. Nếu quý vị có chi phí cho tài sản hoặc dịch vụ

mà bản thân cung cấp cho người khác, thì hoạt động kinh tế sẽ xảy ra khi quý vị cung cấp tài sản hoặc dịch vụ. Một ngoại lệ cho phép một số hạng mục định kỳ nhất định được coi là phát sinh trong niên thuế ngay cả khi hoạt động kinh tế chưa xảy ra. Để biết thêm thông tin về hoạt động kinh tế, vui lòng xem *Hoạt Động Kinh Tế* trong mục *Phương Pháp Kế Toán Tích Lũy* trong Ấn Phẩm 538.

Ví dụ. Quý vị là người đóng thuế theo niên lịch và sử dụng phương pháp kế toán tích lũy. Quý vị mua thiết bị văn phòng vào tháng 12 năm 2021. Quý vị nhận được thiết bị và hóa đơn vào tháng 12, nhưng lại thanh toán hóa đơn vào tháng 1 năm 2022. Quý vị có thể khấu trừ chi phí vào năm 2021 bởi vì tất cả các sự kiện quyết định thực tế về nợ phải trả đã xảy ra, số nợ phải trả này có thể được tính toán một cách hợp lý đồng thời hoạt động kinh tế đã xảy ra trong năm đó.

Các thiết bị văn phòng của quý vị có thể hội đủ điều kiện để được coi là một khoản chi phí định kỳ. Trong trường hợp đó, quý vị có thể khấu trừ chúng vào năm 2021 ngay cả khi những thiết bị này không được giao cho đến năm 2022 (khi hoạt động kinh tế xảy ra).

Lưu giữ bản kê hàng. Khi việc sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa là một yếu tố tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp, quý vị thường phải tính đến hàng tồn kho vào đầu và cuối niên thuế của mình, trừ khi quý vị là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Nếu phải hạch toán hàng tồn kho, thông thường quý vị phải sử dụng phương pháp kế toán tích lũy cho các giao dịch mua và bán của mình. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Bản kê hàng*, ở phần sau.

Quy tắc đặc biệt cho người có quan hệ liên quan. Quý vị không thể khấu trừ chi phí kinh doanh và tiền lãi nợ một người có quan hệ liên quan sử dụng phương pháp kế toán chi thu bằng tiền mặt cho đến khi quý vị thực hiện chi trả, đồng thời số tiền tương ứng được tính vào tổng thu nhập của người có quan hệ liên quan đó. Đối với quy tắc này, vui lòng xác định mối quan hệ vào cuối niên thuế mà chi phí hoặc tiền lãi sẽ được khấu trừ. Nếu một khoản khấu trừ không được cho phép theo quy tắc này, quy tắc sẽ tiếp tục được áp dụng ngay cả khi mối quan hệ của quý vị với người đó chấm dứt trước khi chi phí hoặc tiền lãi được tính vào tổng thu nhập của người đó.

Những người có quan hệ liên quan bao gồm các thành viên trong gia đình trực hệ, bao gồm anh chị em (cùng hoặc khác cha hoặc mẹ), người phối ngẫu, bố mẹ, ông bà, cụ kị, và hậu duệ trực hệ của quý vị. Để biết danh sách những người có quan hệ liên quan khác, vui lòng xem đoạn 267 của Luật Thuế Vụ .

Phương Pháp Kết Hợp

Thông thường, có thể sử dụng bất kỳ sự kết hợp nào giữa phương pháp kế toán đặc biệt, phương pháp kế toán bằng tiền mặt và phương pháp kế toán tích lũy nếu sự kết hợp này trình bày rõ ràng thu nhập và chi phí của quý vị cũng như quý vị sử dụng nó một cách nhất quán. Tuy nhiên, các hạn chế sau sẽ được áp dụng.

- Nếu cần bản kê hàng cho việc hạch toán thu nhập của bản thân, quý vị thường phải sử dụng phương pháp kế toán tích lũy cho các giao dịch mua và bán. (Vui lòng xem *Bản kê hàng* ở phần sau.) Quý vị có thể sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt cho tất cả các khoản thu nhập và chi phí khác.
- Nếu sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt để tính toán thu nhập, quý vị phải sử dụng phương pháp này để khai báo chi phí của mình.
- Nếu sử dụng phương pháp kế toán tích lũy để khai báo chi phí, quý vị phải sử dụng phương pháp này để tính toán thu nhập của mình.
- Nếu quý vị sử dụng phương pháp kết hợp bao gồm phương pháp chi thu bằng tiền mặt, vui lòng coi phương pháp kết hợp đó là phương pháp chi thu bằng tiền mặt.

Bản kê hàng

Thông thường, nếu sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa khi hoạt động kinh doanh, quý vị phải lưu giữ một bản kê hàng và sử dụng phương pháp kế toán tích lũy cho việc mua và bán hàng hóa.

Ngoại lệ đối với người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Nếu là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ, quý vị có thể chọn không lưu giữ bản kê hàng, nhưng vẫn phải sử dụng phương pháp kế toán phản ánh rõ ràng thu nhập dành cho hàng tồn kho. Nếu chọn không lưu giữ bản kê hàng, quý vị sẽ không bị xem là không phản ánh rõ ràng thu nhập nếu phương pháp hạch toán hàng tồn kho của quý vị coi hàng tồn kho là nguyên liệu hay vật tư quan trọng hoặc tuân theo phương pháp hạch toán kế toán tài chính hàng tồn kho của mình. Tuy nhiên, nếu chọn lưu giữ bản kê hàng, quý vị thường phải sử dụng phương pháp kế toán tích lũy và định giá hàng tồn kho mỗi năm để xác định giá vốn hàng bán trong Phần III của Bảng C.

Người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ. Quý vị hội đủ điều kiện để được xem là người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ nếu (a) có doanh thu gộp (gross receipts) trung bình hàng năm là $26 triệu trở xuống trong 3 niên thuế trước và (b) không phải là cách thức tránh thuế (như được định nghĩa trong mục 448(d)(3)). Nếu doanh nghiệp của quý vị không hoạt động trong toàn bộ khoảng thời gian 3 niên thuế được sử dụng để tính doanh thu gộp trung bình, vui lòng căn cứ mức trung bình tính trên khoảng thời gian nó đã hoạt động và nếu doanh nghiệp của quý vị có một đơn vị tiền thân, hãy tính vào doanh thu gộp của đơn vị này từ khoảng thời gian 3 niên thuế khi tính toán doanh thu gộp trung bình. Nếu doanh nghiệp của quý vị (hoặc đơn vị tiền thân) có niên thuế ngắn trong bất kỳ năm nào của giai đoạn 3 niên thuế, hãy tính doanh thu gộp hàng năm của doanh nghiệp quý vị cho những niên thuế ngắn thuộc khoảng thời gian 3 niên thuế đó. Xem Ấn Phẩm 538 để biết thêm thông tin.

Coi hàng tồn kho là nguyên liệu hoặc vạt tư quan trọng. Nếu hạch toán hàng tồn kho như những nguyên liệu và vật tư quan trọng, quý vị vui lòng khấu trừ số tiền đã chi trả hoặc phát sinh để mua hoặc sản xuất các hạng mục hàng tồn kho được coi như những nguyên liệu và vật tư quan trọng này vào năm mà chúng được sử dụng hoặc tiêu thụ lần đầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Hàng tồn kho được coi là nguyên liệu và vật tư quan trọng được sử dụng hoặc tiêu thụ trong hoạt động kinh doanh của quý vị vào năm mà quý vị cung cấp hàng tồn kho đó cho khách hàng của mình.

Phương pháp hạch toán tài chính hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán tài chính hàng tồn kho của quý vị

được xác định dựa trên phương pháp kế toán mà quý vị sử dụng trong bản tường trình tài chánh thích hợp của mình (như được định nghĩa trong đoạn 451(b)(3)) hoặc, nếu không có bản tường trình tài chánh thích hợp, vui lòng dựa trên phương pháp kế toán quý vị sử dụng trong sổ sách và hồ sơ đã được chuẩn bị theo các thủ tục kế toán của mình.

Thay đổi phương pháp hạch toán hàng tồn kho của quý vị. Nếu muốn thay đổi phương pháp hạch toán hàng tồn kho, quý vị phải nộp Mẫu 3115. Xem *Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán*, ở phần sau.

Các hạng mục bao gồm trong hàng tồn kho. Nếu quý vị được yêu cầu hạch toán hàng tồn kho, vui lòng tính vào các hạng mục sau đây khi hạch toán.

- Hàng trữ trong kho để bán.
- Nguyên liệu thô.
- Bán thành phẩm.
- Thành phẩm.
- Những vật tư trở thành một phần vật chất của hạng mục dự định bán.

Định giá hàng tồn kho. Quý vị phải định giá hàng tồn kho của mình vào đầu và cuối mỗi niên thuế để xác định giá vốn hàng bán (Bảng C, Dòng 42). Để xác định giá trị của hàng tồn kho, quý vị cần có phương pháp xác định các mặt hàng trong kho của mình và phương pháp định giá các mặt hàng này.

Các quy tắc định giá hàng tồn kho không thể giống nhau đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Phương pháp quý vị sử dụng để định giá hàng tồn kho của mình phải tuân theo các nguyên tắc hạch toán được chấp thuận chung cho các doanh nghiệp tương tự và phải phản ánh rõ ràng thu nhập. Các thực hành về hàng tồn kho của quý vị phải nhất quán từ năm này sang năm khác.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về hàng tồn kho, vui lòng xem Ấn Phẩm 538.

Quy Tắc Vốn Hóa Thống Nhất

Theo quy tắc vốn hóa thống nhất, quý vị phải vốn hóa chi phí trực tiếp và một phần chi phí gián tiếp cho các hoạt động sản xuất hoặc bán lại. Gộp các chi phí này trên trị giá cơ bản của tài sản quý vị sản xuất hoặc mua để bán lại, thay vì kê khai chúng như một khoản khấu trừ hiện hành. Quý vị thu hồi các chi phí thông qua khấu hao tài sản cố định hữu hình, khấu hao tài sản cố định vô hình hoặc giá vốn hàng bán khi quý vị sử dụng, bán hoặc xử lý tài sản theo cách khác.

Các hoạt động tuân theo các quy tắc vốn hóa thống nhất. Quý vị có thể phải tuân theo các quy tắc vốn hóa thống nhất nếu thực hiện bất kỳ điều nào sau đây, trừ khi tài sản được sản xuất để quý vị sử dụng ngoài mục đích kinh doanh hay một hoạt động được thực hiện vì lợi nhuận.

- Sản xuất bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu. Vì mục đích này, động sản cá nhân thực hữu bao gồm phim, bản ghi âm, băng video, sách hoặc tài sản tương tự.
- Mua tài sản để bán lại.

Trường hợp ngoại lệ. Những quy tắc này không áp dụng cho những điều sau đây.

1. Người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ được định nghĩa trước đó dưới mục *Bản kê hàng*.
2. Tài sản quý vị sản xuất nếu chi phí gián tiếp để sản xuất tài sản đó từ $200.000 trở xuống.

Phương Pháp Đặc Biệt

Có những phương pháp kế toán đặc biệt cho một số khoản thu nhập hoặc chi phí. Chúng bao gồm những mục sau đây.

- Khấu hao tài sản cố định vô hình, được thảo luận trong chương 8 của Ấn Phẩm 535.
- Nợ khó đòi, được thảo luận trong chương 10 của Ấn Phẩm 535.
- Sự hao hụt, thảo luận trong chương 9 của Ấn Phẩm 535.
- Khấu hao tài sản cố định hữu hình, thảo luận trong Ấn Phẩm 946, Cách Tính Khấu Hao Tài Sản.
- Bán hàng trả góp, được thảo luận trong Ấn Phẩm 537, Bán Hàng Trả Góp.
- Phương pháp hạch toán hợp đồng dài hạn. Xem đoạn 460.

Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán

Khi quý vị đã thiết lập phương pháp kế toán của mình, quý vị thường phải được IRS chấp thuận trước khi có thể thay đổi sang phương pháp khác. Thay đổi phương pháp kế toán của quý vị bao gồm thay đổi về:

1. Phương pháp tổng thể của quý vị, chẳng hạn như từ phương pháp chi thu bằng tiền mặt sang kế toán tích lũy; và
2. Cách xử lý của quý vị đối với bất kỳ hạng mục quan trọng nào.

Để được chấp thuận, quý vị phải nộp **Mẫu 3115**, Đơn Đăng Ký Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán. Quý vị có thể nhận được sự chấp thuận của IRS để thay đổi phương pháp kế toán theo quy trình thay đổi tự động hoặc quy trình yêu cầu chấp thuận trước. Quý vị có thể phải trả phí người dùng. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Hướng Dẫn Cho Mẫu 3115.

Quy trình thay đổi tự động. Một số người đóng thuế nhất định có thể được IRS chấp thuận việc thay đổi phương pháp kế toán của họ. Việc chấp thuận được cấp cho niên thuế mà người đóng thuế yêu cầu thay đổi (năm thay đổi), nếu người đóng thuế tuân thủ đúng quy trình thay đổi tự động. Không yêu cầu phí người dùng đối với đơn đăng ký nộp theo quy trình thay đổi tự động, được đề cập chung trong Quy Trình Thu Thuế 2015-13, 2015-5 I.R.B. 419, có sẵn tại *IRS.gov/IRB/2015-05_IRB#RP-2015-13 (tiếng Anh)*.

Thông thường, quý vị phải sử dụng Mẫu 3115 để yêu cầu thay đổi tự động. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Hướng Dẫn Cho Mẫu 3115.

3.

Thanh Lý Tài Sản Kinh Doanh

Giới thiệu

Nếu thanh lý tài sản kinh doanh, quý vị có thể có lợi nhuận hoặc lỗ và quý vị khai báo chúng trên tờ khai thuế của mình. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, quý vị có thể có một khoản lợi nhuận không phải chịu thuế hoặc một lỗ không được khấu trừ. Chương này thảo luận về việc liệu quý vị có thanh lý tài sản hay không, làm thế nào để tính toán lợi nhuận hoặc lỗ, và nơi khai báo những khoản này.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

❑ **544** Bán và Những Cách Thanh Lý Khác đối với Tài Sản

Mẫu (và Hướng Dẫn)

❑ **4797** Bán Tài Sản Kinh Doanh

❑ **Bảng D (Mẫu 1040)** Lãi Vốn và Lỗ Vốn

Xem chương 12 để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Thanh Lý Tài Sản Là Gì?

Việc thanh lý tài sản bao gồm các giao dịch sau đây.

- Quý vị bán tài sản để lấy tiền mặt hoặc tài sản khác.
- Quý vị đổi tài sản này lấy tài sản khác.
- Quý vị nhận lại tiền với tư cách là người thuê nhà cho việc hủy bỏ hợp đồng thuê mướn.
- Quý vị nhận tiền cho việc cấp quyền sử dụng độc quyền bản quyền trong suốt thời gian tồn tại của tài sản trong một hoàn cảnh cụ thể.
- Quý vị chuyển nhượng tài sản để trả một khoản nợ.
- Quý vị từ bỏ tài sản.
- Ngân hàng hoặc tổ chức tài chánh khác tịch thu tài sản thế chấp hoặc thu hồi tài sản của quý vị.
- Tài sản của quý vị bị hư hỏng, bị phá hủy hoặc bị đánh cắp, và quý vị nhận được chi trả bằng tài sản hoặc tiền.
- Tài sản của quý vị bị tịch thu, hoặc bị thanh lý với nguy cơ bị kết tội, và quý vị nhận được chi trả bằng tài sản hoặc tiền.
- Quý vị cho đi tài sản.

Để biết thông tin chi tiết về tài sản bị hư hỏng, bị phá hủy hoặc bị đánh cắp, vui lòng xem Ấn Phẩm 547. Để biết chi tiết về các cách thanh lý khác, vui lòng xem chương 1 của Ấn Phẩm 544.

Trao đổi không chịu thuế. Một số giao dịch tài sản không phải chịu thuế. Điều này có nghĩa là bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ giao dịch đều không được công nhận và quý vị không thể khấu trừ bất kỳ khoản lỗ nào. Khoản lãi hay lỗ của quý vị sẽ không được ghi nhận cho đến khi quý vị bán hoặc thanh lý tài sản nhận được.

Trao đổi cùng loại. Trao đổi cùng loại là trao đổi tài sản này lấy tài sản cùng loại khác. Đây là loại trao đổi không chịu thuế phổ biến nhất. Để là một trao đổi cùng loại, tài sản được giao dịch và tài sản nhận được phải là **cả** (i) bất động sản và (ii) tài sản kinh doanh hoặc đầu tư.

Khai báo việc trao đổi tài sản cùng loại trên **Mẫu 8824,** Trao Đổi Cùng Loại. Để biết thêm thông tin về trao đổi cùng loại, hãy xem chương 1 của Ấn Phẩm 544.

Bán hàng trả góp. Bán hàng trả góp là việc bán tài sản khi mà quý vị nhận được ít nhất một khoản chi trả sau niên thuế bán tài sản đó. Nếu quý vị tài trợ cho người mua khi mua tài sản của quý vị, thay vì để người mua vay tiền hoặc vay thế chấp từ bên thứ ba, có khả năng quý vị đang thực hiện bán hàng trả góp.

Để biết thêm thông tin về bán hàng trả góp, xem Ấn Phẩm 537.

Bán một doanh nghiệp. Việc bán một doanh nghiệp thường không phải là bán một tài sản. Thay vào đó, tất cả tài sản của doanh nghiệp đều được bán. Thông thường, khi điều này xảy ra, mỗi tài sản được coi là được bán riêng rẽ nhằm xác định mức lãi hoặc lỗ.

Cả người mua và người bán tham gia vào việc bán một doanh nghiệp phải khai báo với IRS về việc phân bổ giá bán giữa các tài sản của doanh nghiệp. Sử dụng **Mẫu 8594**, Bản Kê Khai Mua Tài sản Theo Đoạn 1060, để cung cấp thông tin này. Người mua và người bán phải đính kèm Mẫu 8594 theo tờ khai thuế thu nhập liên bang của họ cho năm mà việc bán hàng diễn ra.

Để biết thêm thông tin về việc bán một doanh nghiệp, xem chương 2 của Ấn Phẩm 544.

Làm Thế Nào Để Tính Toán Lợi Nhuận hay Lỗ?

Bảng 3-1. **Cách Thức Tính Toán Lợi Nhuận hoặc Lỗ**

NẾU quý vị có...	THÌ quý vị có...
trị giá cơ bản điều chỉnh nhiều hơn số tiền thực nhận	lỗ.
số tiền thực nhận nhiều hơn trị giá cơ bản điều chỉnh	lợi nhuận.

Giá gốc, trị giá cơ bản điều chỉnh, số tiền thực nhận, giá cả phải chăng trên thị trường và số tiền ghi nhận được định nghĩa sau đây. Quý vị cần biết những định nghĩa này để tính toán lợi nhuận hoặc lỗ của mình.

Giá gốc. Chi phí hoặc giá mua của bất động sản thường là cơ sở để xác định lợi nhuận hay lỗ từ việc bán hoặc thanh lý khác đối với tài sản đó. Tuy nhiên, nếu có được tài sản từ quà tặng, thừa kế, hoặc theo một cách nào đó khác ngoài việc mua nó, quý vị phải sử dụng trị giá cơ bản khác với chi phí của nó. Để biết thêm thông tin về trị giá cơ bản, xem Ấn Phẩm 551.

Giá gốc điều chỉnh. Giá gốc điều chỉnh của tài sản là giá gốc của quý vị hoặc trị giá cơ bản khác cộng với một số khoản bổ sung và trừ đi một số khoản khấu trừ như khấu hao và lỗ do tai họa. Khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ, những chi phí chuyển nhượng tài sản cho chủ sở hữu mới, chẳng hạn như chi phí bán hàng, được cộng vào trị giá cơ bản điều chỉnh của tài sản.

Số tiền thực nhận. Số tiền thực nhận từ việc thanh lý là tổng số tiền quý vị nhận được cộng với giá cả phải chăng trên thị trường của tất cả tài sản hoặc dịch vụ quý vị nhận được. Số tiền thực nhận cũng bao gồm bất kỳ khoản nợ nào của quý vị được người mua tiếp nhận và bất kỳ khoản nợ phải trả nào mà tài sản quý vị chuyển nhượng phải chịu, chẳng hạn như thuế bất động sản hoặc khoản nợ thế chấp.

Giá cả phải chăng trên thị trường. Giá cả phải chăng trên thị trường là giá mà dựa trên đó tài sản sẽ được trao đổi giữa người mua và người bán, là những người không bắt buộc phải mua hoặc bán, và cả hai người đều có kiến thức về tất cả những thứ cần thực hiện.

Số tiền ghi nhận. Lợi nhuận hoặc lỗ của quý vị thực nhận từ việc thanh lý tài sản thường là khoản tiền lời hoặc lỗ được xác định cho mục tiêu thuế vụ. Khoản tiền lời được xác định phải được tính vào tổng thu nhập. Các khoản lỗ được xác định có thể được khấu trừ vào tổng thu nhập. Tuy nhiên, lợi nhuận hoặc lỗ thu được từ một số hoạt động trao đổi tài sản không được ghi nhận. Vui lòng xem *Trao đổi không chịu thuế* ở phần trước. Ngoài ra, quý vị không thể khấu trừ một khoản lỗ từ việc thanh lý tài sản được nắm giữ cho mục đích sử dụng của cá nhân.

Tôi Có Khoản Lãi hay Lỗ Thuộc loại Thông Thường hay Vốn?

Quý vị phải phân loại khoản lãi và lỗ của mình là lãi hay lỗ thông thường hoặc lãi hay lỗ vốn. Quý vị phải thực hiện việc này để tính toán lãi vốn hoặc lỗ vốn ròng của mình. Thông thường, quý vị sẽ có lãi vốn hoặc lỗ vốn nếu quý vị thanh lý tài sản vốn. Trong phần lớn trường hợp, mọi thứ quý vị sở hữu và sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc đầu tư đều là tài sản vốn.

Một số tài sản quý vị sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình không phải là tài sản vốn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản này là một khoản lãi hoặc lỗ thông thường. Tuy nhiên, nếu nắm giữ tài sản đó lâu hơn 1 năm, quý vị có thể coi khoản lãi hoặc lỗ đó là lãi vốn hoặc lỗ vốn. Các khoản lãi và lỗ này được gọi là lãi và lỗ ở đoạn 1231.

Để biết thêm thông tin về lãi và lỗ thông thường và vốn, xem chương 2 và 3 của Ấn Phẩm 544.

Lãi Vốn hoặc Lỗ Vốn của Tôi Thuộc Loại Ngắn Hạn hay Dài Hạn?

Nếu có một khoản lãi vốn hoặc lỗ vốn, quý vị phải xác định xem nó là dài hạn hay ngắn hạn. Việc khoản lãi hay lỗ là dài hạn hay ngắn hạn tùy thuộc vào thời gian quý vị sở hữu tài sản đó trước khi thanh lý nó. Thời gian quý vị sở hữu tài sản trước khi thanh lý được gọi là thời kỳ nắm giữ chủ quyền.

Bảng 3-2. **Tôi Có Khoản Lãi hay Lỗ thuộc loại Ngắn Hạn hay Dài Hạn?**

NẾU quý vị nắm giữ tài sản đó...	**THÌ quý vị có...**
từ 1 năm trở xuống	một khoản lãi hoặc lỗ vốn ngắn hạn.
hơn 1 năm	một khoản lãi hoặc lỗ vốn dài hạn.

Để biết thêm thông tin về lãi và lỗ vốn ngắn hạn và dài hạn, xem chương 4 của Ấn Phẩm 544.

Tôi Phải Báo Cáo Lãi và Lỗ Ở Đâu?

Khai báo lãi và lỗ từ các hoạt động thanh lý dưới đây trên các mẫu đơn đã chỉ định. Hướng dẫn cho các mẫu đơn giải thích cách điền chúng.

Thanh lý tài sản kinh doanh và tài sản phải khấu hao. Sử dụng **Mẫu 4797**. Nếu có lợi nhuận chịu thuế, quý vị cũng có thể phải sử dụng Bảng D (Mẫu 1040).

Trao đổi cùng loại. Sử dụng **Mẫu 8824**, Trao Đổi Cùng Loại. Quý vị cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797 và Bảng D (Mẫu 1040).

Bán hàng trả góp. Sử dụng **Mẫu 6252**, Thu Nhập Bán Hàng Trả Góp. Quý vị cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797 và Bảng D (Mẫu 1040).

Tai họa và trộm cắp. Sử dụng **Mẫu 4684**, Tai Họa và Trộm Cắp. Quý vị cũng có thể phải sử dụng Mẫu 4797.

Tài sản bị tịch thu. Sử dụng **Mẫu 4797**. Quý vị cũng có thể phải sử dụng Bảng D (Mẫu 1040).

4.

Tín Thuế Kinh Doanh Tổng Quát

Giới thiệu

Tín thuế kinh doanh tổng quát của quý vị trong năm bao gồm việc chuyển tiếp các tín thuế kinh doanh từ những năm trước cộng với tổng tín thuế kinh doanh trong năm hiện tại. Ngoài ra, tín thuế kinh doanh tổng quát của quý vị cho năm hiện tại sau này có thể được tăng lên do việc chuyển lùi các khoản tín thuế kinh doanh từ những năm sau đó. Quý vị trừ khoản tín thuế này trực tiếp vào thuế của mình.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Mẫu (và Hướng Dẫn)

- ❑ **3800** Tín Thuế Kinh Doanh Tổng Quát
- ❑ **6251** Thuế Tối Thiểu Thay Thế — Cá Nhân

Vui lòng xem chương 12 để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Tín Thuế Kinh Doanh

Tất cả các khoản tín thuế dưới đây là một phần của tín thuế kinh doanh tổng quát. Mẫu đơn quý vị sử dụng để tính từng khoản tín thuế được biểu thị trong dấu ngoặc đơn. Quý vị cũng sẽ phải hoàn thành Mẫu 3800.

Một số khoản tín thuế có ngày hết hạn. Kiểm tra hướng dẫn cho từng tín thuế để đảm bảo rằng có các tín thuế đó cho năm 2021.

Tín thuế tài sản dùng nhiên liệu xe thay thế (Mẫu 8911). Khoản tín thuế này áp dụng cho chi phí của bất kỳ tài sản dùng nhiên liệu xe đủ tiêu chuẩn nào. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8911.

Tín thuế xe thay thế khác (Mẫu 8910). Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8910.

Tín thuế nhiên liệu diesel sinh học và nhiên liệu diesel tái tạo (Mẫu 8864). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Mẫu 8864.

Tín thuế đơn vị sản xuất nhiên liệu sinh học (Mẫu 6478). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Mẫu 6478.

Tín thuế cắt giảm khí carbon oxide (Mẫu 8933). Tín thuế này dành cho lượng khí carbon oxide được thu hồi tại cơ sở đủ tiêu chuẩn và được xử lý trong kho lưu trữ địa chất an toàn hoặc được sử dụng trong dự án tăng cường thu hồi dầu hoặc khí tự nhiên đủ tiêu chuẩn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8933.

Tín thuế cho chủ lao động đối với khoản thuế an sinh xã hội và Medicare chi trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên (Mẫu 8846). Khoản tín thuế này thường tương đương với phần thuế an sinh xã hội và thuế Medicare được quý vị (chủ lao động) chi trả cho các khoản tiền boa mà nhân viên nhận được tại các cơ sở kinh doanh thực phẩm và đồ uống của quý vị nơi mà tiền boa là một thông lệ. Khoản tín thuế được áp dụng bất kể thực phẩm đó được tiêu thụ trong hay ngoài cơ sở kinh doanh của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8846.

Tín thuế cho chủ lao động đối với các khoản chi trả lương bổng chênh lệch (Mẫu 8932). Khoản tín thuế này khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục trả lương cho nhân viên đang thực hiện các dịch vụ tại ngũ tại các lực lượng đồng phục Hoa Kỳ trong khoảng thời gian hơn 30 ngày. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8932.

Tín thuế cho cơ sở và dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp (Mẫu 8882). Khoản tín thuế này được áp dụng cho các chi phí đủ tiêu chuẩn quý vị chi trả cho hoạt động chăm sóc trẻ em dành cho nhân viên cũng như cho các dịch vụ hỗ trợ và giới thiệu chăm sóc trẻ em. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8882.

Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu (Mẫu 6765). Khoản tín thuế này được thiết kế để khuyến khích các doanh nghiệp tăng số tiền chi cho các hoạt động nghiên cứu và thử nghiệm, bao gồm cả nghiên cứu năng lượng. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 6765.

Tín thuế cho bảo phí y tế do chủ lao động quy mô nhỏ chi trả (Mẫu 8941). Khoản tín thuế này được áp dụng cho một số chi phí bảo hiểm y tế mà quý vị cung cấp cho một số nhân viên. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8941.

Tín thuế cho chi phí khởi động chương trình hưu trí của chủ lao động quy mô nhỏ (Mẫu 8881). Khoản tín thuế này được áp dụng cho chi phí khởi động chương trình hưu trí của một quyền lợi mới được xác định đủ tiêu chuẩn hoặc kế hoạch đóng góp được xác định (bao gồm chương trình 401(k)), chương trình SIMPLE hoặc chương trình hưu trí nhân viên đơn giản. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 560, Chương Trình Hưu Trí Dành Cho Doanh Nghiệp Nhỏ

Tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật (Mẫu 8826). Khoản tín thuế này là tín thuế không hoàn lại dành cho doanh nghiệp nhỏ đủ tiêu chuẩn mà chi trả hoặc chịu các chi phí để cung cấp các tiện ích cho người khuyết tật. Quý vị phải trả hoặc chịu các chi phí để hoạt động kinh doanh của mình tuân thủ Đạo Luật Người Mỹ Khuyết Tật năm 1990. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8826.

Tín thuế rượu chưng cất (Mẫu 8906). Tín thuế này dành cho những người chưng cất và nhập khẩu rượu chưng cất cũng như những người bán buôn rượu chưng cất đủ tiêu chuẩn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8906.

Tín thuế giữ chân nhân viên (Mẫu 5884-A). Quý vị có thể hội đủ điều kiện cho khoản tín thuế này nếu tiếp tục chi trả hoặc gánh chịu tiền lương sau khi hoạt động kinh doanh của quý vị không thể tiến hành được do thiệt hại gây ra bởi một số

thiên tai được liên bang tuyên bố. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 5884-A.

Tín thuế dành cho chủ lao động chi trả cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế (Mẫu 8994). Khoản tín thuế này được áp dụng cho lương bổng trả cho nhân viên đủ tiêu chuẩn khi họ nghỉ phép gia đình hoặc y tế, phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8994.

Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn (Mẫu 8844). Quý vị có thể hội đủ điều kiện cho khoản tín thuế này nếu có nhân viên và đang tham gia vào một hoạt động kinh doanh trong khu vực kinh tế khó khăn nơi khoản tín thuế có sẵn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8844.

Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng (Mẫu 8908). Tín thuế này có sẵn cho các nhà thầu đủ điều kiện của một số ngôi nhà được bán để sử dụng làm nơi cư trú. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8908.

Tín thuế tuyển dụng người Mỹ bản địa (Mẫu 8845). Khoản tín thuế này áp dụng cho lương bổng và chi phí bảo hiểm y tế đủ tiêu chuẩn mà quý vị đã chi trả hoặc phát sinh dành cho nhân viên đủ tiêu chuẩn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8845.

Tín thuế đầu tư (Mẫu 3468). Tín thuế đầu tư là tổng của một số tín thuế. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 3468.

Tín thuế sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (Mẫu 8896). Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8896.

Tín thuế nhà ở thu nhập thấp (Mẫu 8586). Khoản tín thuế này thường được áp dụng cho mỗi tòa nhà thu nhập thấp đủ tiêu chuẩn được đưa vào hoạt động sau năm 1986. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8586.

Tín thuế huấn luyện đội cứu hộ hầm mỏ (Mẫu 8923). Khoản tín thuế này áp dụng cho chi phí chương trình huấn luyện mà quý vị chi trả hoặc phát sinh cho một số nhân viên của đội cứu hộ hầm mỏ. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8923.

Tín thuế thị trường mới (Mẫu 8874). Khoản tín thuế này dành cho các khoản đầu tư vốn cổ phần đủ tiêu chuẩn được đầu tư vào các tổ chức phát triển cộng đồng đủ tiêu chuẩn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8874.

Tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiếm (Mẫu 8820). Khoản tín thuế này được áp dụng cho các chi phí đủ tiêu chuẩn phát sinh trong việc thử nghiệm một số loại thuốc cho các bệnh lý và tình trạng hiếm gặp. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8820.

Tín thuế cho xe hơi điện cắm sạc đủ tiêu chuẩn (Mẫu 8936). Khoản tín thuế này dành cho một số loại xe hơi điện cắm sạc đủ tiêu chuẩn mới được đưa vào sử dụng trong niên thuế. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8936.

Tín thuế bảo trì đường ray đường sắt đủ tiêu chuẩn (Mẫu 8900). Khoản tín thuế này được áp dụng đối với các khoản chi phí bảo trì đường ray đường sắt đủ tiêu chuẩn được chi trả hoặc phát sinh trong niên thuế. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8900.

Tín thuế sản xuất điện tái tạo, than đá tinh luyện và than của người da đỏ (Mẫu 8835). Khoản tín thuế này dành cho việc bán điện, than tinh luyện hoặc than của người da đỏ được sản xuất tại Hoa Kỳ hoặc các khu vực thuộc sở hữu của Hoa Kỳ từ các nguồn năng lượng đủ tiêu chuẩn tại một cơ sở đủ tiêu chuẩn. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8835.

Tín thuế đăng ký tự động của chủ lao động quy mô nhỏ (Mẫu 8881). Quý vị có thể hội đủ điều kiện cho khoản tín thuế này nếu là một chủ lao động quy mô nhỏ bao gồm và duy trì một thỏa thuận đóng góp tự động trong một chương trình hưu trí do chủ lao động tài trợ. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8881.

Tín thuế cơ hội việc làm (Mẫu 5884). Khoản tín thuế này khuyến khích các doanh nghiệp thuê các cá nhân từ các nhóm mục tiêu có tỷ lệ thất nghiệp đặc biệt cao hoặc các nhu cầu việc làm đặc biệt khác. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 5884.

Làm Thế Nào Để Yêu Cầu Khoản Tín Thuế Này

Để yêu cầu một khoản tín thuế kinh doanh tổng quát, trước tiên quý vị sẽ phải nhận các biểu mẫu cần cho việc yêu cầu các khoản tín thuế kinh doanh của năm hiện tại.

Ngoài mẫu đơn tín thuế, quý vị cũng cần phải nộp Mẫu 3800.

5.

Thu Nhập Kinh Doanh

Giới thiệu

Chương này chủ yếu giải thích thu nhập kinh doanh và cách hạch toán thu nhập đó trên tờ khai thuế của quý vị cũng như những khoản nào không được coi là thu nhập, đồng thời cung cấp hướng dẫn cho một số ngành nghề được chọn.

Nếu có mối liên hệ giữa bất kỳ thu nhập nào quý vị nhận được và hoạt động kinh doanh, thì thu nhập đó là thu nhập kinh doanh. Một mối liên hệ tồn tại trong trường hợp việc chi trả cho khoản thu nhập rõ ràng sẽ không được thực hiện nếu quý vị không có hoạt động kinh doanh.

Quý vị có thể có thu nhập kinh doanh ngay cả khi không thường xuyên tham gia vào hoạt động đó toàn thời gian. Thu nhập từ công việc quý vị làm ngoài, bên cạnh công việc thường xuyên của bản thân, có thể là thu nhập kinh doanh. Ví dụ như quý vị có thể kinh doanh việc cung cấp dịch vụ cho một doanh nghiệp đi chung xe như một công việc thứ hai.

Quý vị khai báo hầu hết thu nhập kinh doanh, chẳng hạn như thu nhập từ việc bán sản phẩm hoặc dịch vụ của mình, trong Bảng C. Tuy nhiên quý vị khai báo thu nhập từ việc bán tài sản kinh doanh, chẳng hạn như đất đai và các tòa nhà văn phòng, trong các mẫu đơn khác thay vì Bảng C. Để biết thông tin về việc bán tài sản kinh doanh, xem chương 3.

Tiền thù lao cho người không phải nhân viên. Thu nhập kinh doanh bao gồm số tiền quý vị nhận được trong hoạt động kinh doanh của mình mà được hiển thị chính xác trên Mẫu 1099-NEC. Thu nhập này bao gồm số tiền được khai báo là tiền thù lao cho người không phải nhân viên trong ô vuông 1 của mẫu đơn. Quý vị có thể tìm thêm thông tin trong hướng dẫn ở mặt sau của Mẫu 1099-NEC đã nhận được.

Thẻ thanh toán và các giao dịch qua mạng của bên thứ ba. Nếu đang hoạt động kinh doanh, quý vị có thể nhận được Mẫu 1099-K thể hiện tổng số tiền (bao gồm thuế, phí) của mọi giao dịch thanh toán có thể khai báo. Đây có thể không phải là số tiền quý vị nên khai báo dưới dạng thu nhập, vì nó có thể không bao gồm tất cả các biên lai và có thể bao gồm các khoản không có trong biên lai của quý vị (chẳng hạn như thuế bán hàng).

Khấu trừ thu nhập kinh doanh. Thu nhập quý vị khai báo trên Bảng C có thể là thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn và cho phép quý vị khấu trừ trên dòng 13 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Xem Mẫu 8995-A hoặc Mẫu 8995 để tính khoản khấu trừ của quý vị, nếu có.

Các Hình Thức Thu Nhập

Quý vị phải khai báo trên tờ khai thuế của mình tất cả thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh của bản thân trừ khi nó được luật pháp loại trừ. Trong hầu hết các trường hợp, thu nhập kinh doanh của quý vị sẽ ở dạng tiền mặt, séc và các khoản thanh toán qua thẻ tín dụng. Nhưng thu nhập kinh doanh có thể ở các dạng khác, chẳng hạn như tài sản hoặc dịch vụ. Những loại hình thu nhập này và những loại hình khác được giải thích dưới đây.

CAUTION *Nếu là công dân Hoa Kỳ có thu nhập kinh doanh từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), quý vị phải khai báo thu nhập đó trên tờ khai thuế của mình trừ khi được miễn thuế theo luật Hoa Kỳ. Nếu sống bên ngoài Hoa Kỳ, quý vị có thể loại trừ một phần hoặc toàn bộ thu nhập kinh doanh có nguồn từ nước ngoài của mình. Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem Ấn Phẩm 54, Hướng Dẫn Về Thuế Cho Công Dân và Ngoại Nhân Thường Trú Hoa Kỳ Ở Nước Ngoài.*

Trao Đổi Hàng Hóa Đối Với Tài Sản hoặc Dịch Vụ

Trao đổi hàng hóa là sự trao đổi tài sản hoặc dịch vụ. Quý vị phải tính vào doanh thu gộp của mình, tại thời điểm nhận được, giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản hoặc dịch vụ quý vị nhận được để đổi lấy thứ khác. Nếu quý vị trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước đó về giá trị của dịch vụ, giá trị đó sẽ được chấp nhận là giá cả phải chăng trên thị trường trừ khi giá trị đó có thể được chứng minh là không hợp lý.

Ví dụ 1. Quý vị là một luật sư tự kinh doanh. Quý vị thực hiện các dịch vụ pháp lý cho một khách hàng là một công ty cổ phần nhỏ. Quý vị được chi trả cho các dịch vụ của mình bằng cách nhận được cổ phần chứng khoán của công ty. Quý vị phải gộp giá cả phải chăng trên thị trường của cổ phiếu vào thu nhập.

Ví dụ 2. Quý vị là một nghệ sĩ và tạo ra một tác phẩm nghệ thuật để bù lại cho việc sử dụng miễn phí căn hộ mà quý vị thuê của chủ nhà. Quý vị phải tính giá cả cho thuê phải chăng của căn hộ vào doanh thu gộp của mình. Chủ nhà của quý vị phải gộp giá cả phải chăng trên thị trường của tác phẩm đó trong thu nhập cho thuê của họ.

Ví dụ 3. Quý vị là một kế toán viên tự kinh doanh. Cả quý vị và thợ sơn nhà đều là thành viên của hội trao đổi hàng hóa, một tổ chức mà mỗi năm cung cấp cho hội viên của mình danh bạ hội viên và các dịch vụ mà mỗi hội viên cung cấp. Các hội viên liên lạc trực tiếp với các hội viên khác và thực hiện việc mặc cả giá trị của các dịch vụ.

Để đổi lại dịch vụ kế toán quý vị đã cung cấp cho doanh nghiệp của thợ sơn nhà, thợ sơn nhà đã sơn nhà cho quý vị. Quý vị phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của các dịch vụ nhận được từ thợ sơn nhà vào doanh thu gộp. Thợ sơn nhà phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của các dịch vụ kế toán của quý vị vào doanh thu gộp của họ.

Ví dụ 4. Quý vị là thành viên của hội trao đổi hàng hóa sử dụng các điểm tín dụng để ghi có hoặc ghi nợ vào tài khoản của các hội viên đối với hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp hoặc nhận. Ngay khi các điểm tín dụng được ghi có vào tài khoản của mình, quý vị có thể sử dụng chúng để mua hàng hóa, dịch vụ hoặc bán hoặc chuyển điểm tín dụng đó cho các hội viên khác.

Quý vị phải tính giá trị của các điểm tín dụng đã nhận được vào doanh thu gộp của mình cho niên thuế mà các điểm tín dụng đó được ghi có vào tài khoản của quý vị.

Giá trị tính bằng USD của các điểm tín dụng nhận được cho các dịch vụ của nhân viên trong hội, người có thể sử dụng các điểm tín dụng đó theo cách giống như các hội viên khác, phải được tính vào tổng thu nhập của nhân viên đó cho niên thuế mà họ nhận được. Đó là lương bổng phải chịu thuế an sinh xã hội và thuế Medicare (FICA), thuế FUTA, cùng với khấu lưu thuế thu nhập. Vui lòng xem Ấn Phẩm 15 (Thông tư E), Hướng Dẫn Thuế cho Chủ Lao Động.

Ví dụ 5. Quý vị điều hành một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sửa chữa cấp thoát nước và sử dụng phương pháp kế toán chi thu bằng tiền mặt. Quý vị tham gia hội trao đổi hàng hóa và đồng ý cung cấp dịch vụ sửa chữa cấp thoát nước cho bất kỳ hội viên nào trong một số khung giờ nhất định. Mỗi hội viên có quyền truy cập vào một danh mục liệt kê các hội viên và những dịch vụ có sẵn.

Các thành viên liên lạc trực tiếp với nhau và yêu cầu các dịch vụ. Quý vị không bắt buộc phải cung cấp dịch vụ trừ khi được thành viên khác yêu cầu, nhưng có thể sử dụng không giới hạn số lượng dịch vụ được cung cấp mà không phải trả phí.

Quý vị phải tính giá cả phải chăng trên thị trường của bất kỳ dịch vụ nào nhận được từ các hội viên vào doanh thu gộp khi nhận được chúng ngay cả khi chưa cung cấp bất kỳ dịch vụ nào cho các hội viên.

Tờ khai thông tin. Nếu tham gia vào một giao dịch trao đổi hàng hóa, quý vị có thể phải nộp một trong các mẫu đơn sau.

- Mẫu 1099-B, Tiền Thu Được Từ Giao Dịch Trao Đổi Hàng Hóa và Môi Giới.
- Mẫu 1099-MISC, Thông Tin Hỗn Hợp.

Để nắm được thông tin về các mẫu đơn này, xem Hướng Dẫn Chung cho Một Số Tờ Khai Thông Tin.

Cho Thuê Bất Động Sản

Nếu quý vị là người buôn bán bất động sản nhận được thu nhập từ việc cho thuê bất động sản hoặc là chủ khách sạn, nhà nghỉ, v.v., người cung cấp dịch vụ (dịch vụ giúp việc, v.v.) cho khách hàng, vui lòng khai báo thu nhập và chi phí cho thuê trong Bảng C. Nếu quý vị không phải là người buôn bán bất động sản hoặc kiểu chủ sở hữu được mô tả trong câu trên, vui lòng khai báo thu nhập và chi phí cho thuê trong Bảng E. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 527, Bất Động Sản Nhà Ở Cho Thuê.

Người buôn bán bất động sản. Quý vị là người buôn bán bất động sản nếu đang tham gia vào hoạt động kinh doanh bán bất động sản cho khách hàng với mục đích kiếm lợi nhuận từ những giao dịch mua bán đó. Tiền thuê quý vị nhận được từ bất động sản được giữ lại để bán cho khách hàng phải chịu thuế tự kinh doanh. Tuy nhiên, tiền thuê quý vị nhận được từ bất động sản được giữ lại để đầu cơ hoặc đầu tư không phải chịu thuế tự kinh doanh.

Chủ bãi đậu xe cho nhà di động. Thu nhập cho thuê từ bãi đậu xe cho nhà di động phải chịu thuế tự kinh doanh nếu quý vị là chủ bãi xe cho nhà di động tự kinh doanh, người cung cấp các mảnh đất và phương tiện cũng như dịch vụ quan trọng để tạo sự thuận tiện cho người thuê.

Quý vị nói chung sẽ được coi là cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người thuê nếu các dịch vụ này chủ yếu hướng đến sự thuận tiện cho họ đồng thời thường không được cung cấp với mục đích duy trì các lô đất trong trạng thái để cho thuê để ở. Các dịch vụ là thiết yếu nếu khoản thù lao cho các dịch vụ này chiếm một phần quan trọng trong các khoản chi trả tiền thuê từ phía người thuê.

Ví dụ về các dịch vụ thường không được cung cấp để tạo sự thuận tiện cho người thuê bao gồm giám sát và bảo trì phòng giải trí được bãi để xe cung cấp, phân phát bản tin hàng tháng cho người thuê, vận hành cơ sở giặt là và giúp người thuê mua hoặc bán nhà di động của họ.

Ví dụ về các dịch vụ thường được cung cấp để duy trì các lô đất trong trạng thái để cho thuê bao gồm hệ thống thoát nước, kết nối lưới điện và đường xá của thành phố.

Khách sạn, nhà trọ và căn hộ. Thu nhập cho thuê quý vị nhận được từ việc cho sử dụng hoặc cho thuê khách sạn, nhà trọ hoặc nhà chung cư phải chịu thuế tự kinh doanh nếu quý vị cung cấp dịch vụ cho người ở.

Thông thường, quý vị được coi là cung cấp dịch vụ cho người ở nếu những dịch vụ này chủ yếu hướng đến sự thuận tiện cho họ và không chỉ đơn thuần là cung cấp dịch vụ cho thuê phòng để ở. Một ví dụ về dịch vụ thường không được cung cấp nhằm tạo sự thuận tiện cho người ở là dịch vụ người giúp việc. Tuy nhiên, việc cung cấp sưởi ấm và ánh sáng, vệ sinh cầu thang và hành lang, cũng như thu gom rác là những dịch vụ thường được cung cấp nhằm tạo sự thuận tiện cho người ở.

Tiền thuê trả trước. Các khoản trả trước nhận được theo hợp đồng thuê mà không bị hạn chế việc hưởng hay sử dụng chúng là thu nhập trong năm quý vị nhận được chúng. Điều này nói chung là luôn đúng cho dù quý vị sử dụng phương pháp hay chu kỳ kế toán nào.

Tiền thuê trả thêm. Một khoản tiền trả thêm quý vị nhận được từ người thuê khi cho họ thuê nhà là một khoản bổ sung vào tiền thuê. Gộp số tiền này vào doanh thu gộp của quý vị trong năm nhận được.

Khoản chi trả vì hủy hợp đồng thuê. Khai báo các khoản chi trả quý vị nhận được từ người thuê khi họ hủy hợp đồng thuê vào doanh thu gộp trong năm nhận được.

Khoản chi trả cho bên thứ ba. Nếu người thuê của quý vị chi trả cho người khác theo một hợp đồng để trả các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của quý vị, vui lòng tính khoản chi trả này vào doanh thu gộp của quý vị khi người thuê thực hiện việc chi trả. Một ví dụ phổ biến của hình thức thu nhập này là việc người thuê chi trả thuế tài sản của quý vị đối với bất động sản cho thuê.

Khoản chi trả dàn xếp. Các khoản chi trả mà quý vị nhận được để giải quyết nghĩa vụ của bên thuê trong việc khôi phục tài sản cho thuê về tình trạng ban đầu là thu nhập tính cho số tiền mà các khoản chi trả vượt quá trị giá cơ bản điều chỉnh của việc tu sửa tài sản cho thuê bị bên thuê phá hủy, làm hư hỏng, loại bỏ hoặc chia tách.

Cho Thuê Động Sản

Nếu quý vị đang kinh doanh cho thuê động sản (thiết bị, xe cộ, quần áo lễ phục, v.v.), vui lòng tính số tiền cho thuê quý vị nhận được vào doanh thu gộp trong Bảng C. Tiền thuê trả trước và các khoản chi trả khác được mô tả trong mục thảo luận *Cho Thuê Bất Động Sản* ở phần trước cũng có thể được nhận khi cho thuê động sản. Nếu quý vị nhận được bất kỳ khoản chi trả nào trong số đó, hãy tính chúng vào các khoản thu gộp của mình như được giải thích trong phần thảo luận đó.

Thu Nhập từ Cổ Tức và Tiền Lãi

Tiền lãi và cổ tức có thể được coi là thu nhập từ hoạt động kinh doanh.

Tiền lãi. Tiền lãi nhận được trên các thương phiếu phải thu mà quý vị đã chấp nhận trong quá trình kinh doanh thông thường là thu nhập từ hoạt động kinh doanh. Tiền lãi nhận được từ các khoản cho vay là thu nhập kinh doanh nếu quý vị đang kinh doanh cho vay tiền.

Khoản cho vay không có khả năng thu hồi. Nếu một khoản vay phải trả cho quý vị trở nên không thể thu hồi được trong niên thuế đồng thời quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền lãi tích lũy đến thời điểm khoản vay trở nên không thể thu hồi. Nếu tiền lãi tích lũy sau đó không thể thu hồi được, quý vị có thể được khấu trừ cho khoản nợ khó đòi. Xem *Nợ Khó Đòi* trong chương 8.

Tiền lãi không ghi trong hợp đồng. Nếu ít hoặc không có tiền lãi được tính khi bán hàng trả góp, quý vị có thể phải coi một phần của mỗi khoản chi trả là tiền lãi không ghi trong hợp đồng. Xem *Tiền Lãi Không Ghi Trong Hợp Đồng và Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)* trong Ấn Phẩm 537.

Cổ tức. Thông thường, cổ tức là thu nhập kinh doanh của người buôn bán chứng khoán. Tuy nhiên, đối với hầu hết các doanh nghiệp cá thể và nhân viên pháp định, cổ tức là thu nhập phi kinh doanh. Nếu quý vị nắm giữ cổ phần như một khoản đầu tư cá nhân tách biệt với hoạt động kinh doanh của bản thân, cổ tức từ cổ phần là thu nhập phi kinh doanh.

Nếu nhận được cổ tức từ phí mua bảo hiểm kinh doanh mà bản thân đã khấu trừ trong một năm trước đó, quý vị phải khai báo toàn bộ hoặc một phần cổ tức dưới dạng thu nhập kinh doanh trên tờ khai thuế của mình. Để biết số tiền quý vị phải khai báo, xem
Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó trong phần *Các Thu Nhập Khác,* ở phần sau.

Nợ được hủy bỏ

Phần này giải thích quy tắc chung để tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập cũng như các trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc chung.

Quy Tắc Chung

Thông thường, nếu khoản nợ của quý vị được hủy bỏ hoặc miễn trừ, ngoại trừ trường hợp đó là một quà tặng hoặc tài sản để lại, quý vị phải gộp số tiền được hủy bỏ vào tổng thu nhập của mình cho mục tiêu thuế vụ. Khai báo số tiền được hủy bỏ trên dòng 6 của Bảng C nếu quý vị phải chịu khoản nợ đó trong hoạt động kinh doanh của mình. Nếu là khoản nợ phi kinh doanh, vui lòng khai báo số tiền được hủy bỏ trên dòng 8c của Bảng 1 (Mẫu 1040).

Trường Hợp Ngoại Lệ

Phần thảo luận dưới đây bao gồm một số trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc chung về khoản nợ được hủy bỏ.

Giảm giá sau khi mua. Nếu quý vị nợ người bán một khoản cho một tài sản quý vị mua và người bán giảm số tiền quý vị nợ, quý vị thường không có thu nhập từ việc giảm giá. Trừ khi quý vị bị phá sản hoặc vỡ nợ, vui lòng coi số tiền giảm giá như một khoản điều chỉnh giá mua và giảm trị giá cơ bản của quý vị trong tài sản.

Nợ được khấu trừ. Quý vị không thực nhận thu nhập từ một khoản nợ được hủy bỏ trong trường hợp khoản trả nợ đó sẽ dẫn đến việc khấu trừ.

Ví dụ. Quý vị nhận được các dịch vụ kế toán cho hoạt động kinh doanh của mình theo hình thức mua chịu (chưa phải trả tiền). Sau đó, quý vị gặp khó khăn trong việc chi trả các khoản nợ kinh doanh, nhưng không bị phá sản hay vỡ nợ. Kế toán viên của quý vị miễn trừ một phần số tiền quý vị nợ cho các dịch vụ kế toán. Cách quý vị xử lý khoản nợ được hủy bỏ tùy thuộc vào phương pháp kế toán của mình.

- Phương pháp chi thu bằng tiền mặt — Quý vị không tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập vì việc chi trả khoản nợ sẽ được khấu trừ như một chi phí kinh doanh.
- Phương pháp kế toán tích lũy — Quý vị tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập vì chi phí đã được khấu trừ tại thời điểm khoản nợ phát sinh.

Để nắm được thông tin về các phương pháp kế toán tích lũy và chi thu tiền mặt, vui lòng xem chương 2.

Các mục loại trừ

Không tính khoản nợ được hủy bỏ vào thu nhập trong các trường hợp sau. Tuy nhiên, quý vị có thể được yêu cầu nộp **Mẫu 982**, Giảm Thuế Do Được Xóa Nợ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Mẫu 982.

1. Việc hủy bỏ diễn ra trong một trường hợp phá sản theo Tiêu Mục 11 của Bộ luật Hoa Kỳ (liên quan đến phá sản). Xem Ấn Phẩm 908, Hướng Dẫn Thuế Khi Phá Sản.
2. Việc hủy bỏ diễn ra khi quý vị vỡ nợ. Quý vị có thể loại trừ khoản nợ được hủy bỏ trong trường hợp vỡ nợ. Xem Ấn Phẩm 4681, Các Khoản Nợ Được Hủy Bỏ, Tịch Biên, Thu Hồi và Từ Bỏ.
3. Nợ được hủy bỏ là khoản nợ nông nghiệp đủ tiêu chuẩn có chủ nợ là một người đủ tiêu chuẩn. Xem chương 3 của Ấn Phẩm 225, Hướng Dẫn Thuế Cho Nông Dân.
4. Khoản nợ được hủy bỏ là khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn. Tình huống này được giải thích ở phần sau.
5. Khoản nợ được hủy bỏ là khoản nợ nơi cư trú chính đủ tiêu chuẩn được xóa sau năm 2006. Vui lòng xem Hướng Dẫn cho Mẫu 982 để biết thêm thông tin về mục loại trừ này.

Nếu một khoản nợ được hủy bỏ được loại trừ khỏi thu nhập vì nó phát sinh trong một trường hợp phá sản, thì các mục loại trừ trong các tình huống từ 2 đến 5 không được áp dụng. Nếu khoản nợ được hủy bỏ này phát sinh khi quý vị vỡ nợ, thì các mục loại trừ trong tình huống 3 và 4 không được áp dụng cho trường hợp quý vị vỡ nợ.

Nợ. Để phục vụ cho mục đích của phần thảo luận này, khoản nợ ở đây bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà quý vị phải chịu hoặc gắn liền với tài sản quý vị nắm giữ.

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn. Quý vị có thể chọn loại trừ (trong hạn mức nhất định) việc hủy bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn. Nếu thực hiện lựa chọn này, quý vị phải trừ đi số tiền được loại trừ vào trị giá cơ bản của bất động sản phải khấu hao của mình. Thực hiện phép giảm này vào đầu niên thuế ngay sau niên thuế diễn ra việc hủy bỏ. Tuy nhiên, nếu thanh lý tài sản trước thời điểm đó, thì quý vị phải giảm trị giá cơ bản của tài sản ngay trước khi thanh lý.

Huỷ bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn. Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn là

khoản nợ (không phải nợ nông nghiệp đủ tiêu chuẩn) đáp ứng tất cả các điều kiện sau.

1. Khoản nợ phát sinh hoặc được tiếp nhận liên quan đến bất động sản sử dụng trong thương mại hay kinh doanh. Bất động sản sử dụng trong thương mại hay kinh doanh không bao gồm bất động sản được xây dựng và nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng trong quá trình kinh doanh thông thường.
2. Khoản nợ được bảo đảm bằng những bất động sản như vậy.
3. Khoản nợ phát sinh hoặc được tiếp nhận tại một trong hai thời điểm sau đây.
   a. Trước ngày 1 tháng 1 năm 1993.
   b. Sau ngày 31 tháng 12 năm 1992, nếu phát sinh hoặc được tiếp nhận để mua lại, xây dựng hoặc tu sửa phần lớn bất động sản đó.
4. Đó là khoản nợ mà quý vị chọn áp dụng các quy tắc này.

Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn bao gồm việc tái tài trợ nợ được mô tả trong (3) ở trên, nhưng chỉ trong phạm vi không vượt quá khoản nợ được tái tài trợ.

TIP *Nếu quý vị là chủ sở hữu của một cơ quan không được xét (ví dụ: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn một thành viên), vui lòng xem* Nợ Kinh Doanh Bất Động Sản Đủ Tiêu Chuẩn *trong chương 1 của Ấn Phẩm 4681 để xem liệu quý vị có hội đủ điều kiện cho việc loại trừ này hay không.*

Quý vị không thể loại trừ nhiều hơn một trong số hai khoản tiền sau.

1. Sự vượt quá (nếu có) của:
   a. Vốn gốc chưa trả của khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn (ngay trước khi được hủy bỏ); so với
   b. Giá cả phải chăng trên thị trường (ngay trước khi được hủy bỏ) của bất động sản kinh doanh mà bảo đảm cho khoản nợ, đã trừ đi vốn gốc chưa trả của bất kỳ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn nào khác được bảo đảm bằng tài sản này ngay trước khi được hủy bỏ.
2. Tổng trị giá cơ bản điều chỉnh của bất động sản phải khấu hao mà quý vị nắm giữ ngay trước khi hủy bỏ. Các trị giá cơ bản điều chỉnh này được xác định dựa theo bất kỳ mức giảm trị giá cơ bản nào do việc hủy bỏ do phá sản hoặc vỡ nợ, hoặc của các khoản nợ nông nghiệp đủ tiêu chuẩn. Vui lòng không tính đến bất động sản phải khấu hao có được khi dự kiến hủy bỏ.

Lựa chọn. Để thực hiện lựa chọn này, vui lòng hoàn thành Mẫu 982 và đính kèm vào tờ khai thuế thu nhập của quý vị cho niên thuế diễn ra việc hủy bỏ. Quý vị phải nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (đã bao gồm thời gian gia hạn). Nếu kịp thời nộp tờ khai thuế trong năm mà không thực hiện lựa chọn, quý vị vẫn có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nộp tờ khai thuế sửa đổi trong vòng 6 tháng kể từ ngày đến hạn nộp đơn khai thuế (không bao gồm thời gian gia hạn). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Thời Điểm Khai Thuế* trong hướng dẫn của mẫu đơn.

Các Thu Nhập Khác

Phần thảo luận sau đây giải thích cách xử lý các loại thu nhập kinh doanh khác mà quý vị có thể nhận được.

Tài sản bị hạn chế. Tài sản bị hạn chế là tài sản có giá trị bị ảnh hưởng bởi một số hạn chế. Nếu quý vị nhận được cổ phiếu hạn chế hoặc tài sản khác cho những dịch vụ đã thực hiện, phần giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản vượt quá chi phí sẽ được gộp vào thu nhập của quý vị trong Bảng C khi hạn chế được dỡ bỏ. Tuy nhiên, quý vị có thể chọn bị đánh thuế vào năm nhận tài sản đó. Để biết thêm thông tin về việc gộp tài sản bị hạn chế vào thu nhập, vui lòng xem Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế.

Lợi Nhuận và Lỗ. Không khai báo trong Bảng C lợi nhuận hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản không phải là hàng trữ trong kho để bán hoặc được nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng. Thay vào đó, quý vị phải khai báo những lợi nhuận và lỗ này trên các mẫu đơn khác. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem chương 3.

Giấy Khất Nợ. Khai báo giấy khất nợ và các bằng chứng khác về khoản nợ đã phát hành cho quý vị trong một giao dịch mua bán hoặc trao đổi tài sản là hàng trữ trong kho để bán hoặc được giữ chủ yếu để bán cho khách hàng trong Bảng C. Thông thường, quý vị khai báo chúng với số tiền gốc đã nêu trong hợp đồng của khoản vay (trừ đi bất kỳ khoản tiền lãi không ghi trong hợp đồng nào) khi nhận được chúng.

Các khoản chi trả cho thu nhập bị mất. Nếu quý vị giảm hoặc ngừng các hoạt động kinh doanh của mình, vui lòng khai báo trong Bảng C bất kỳ khoản chi trả nào cho thu nhập bị mất của hoạt động kinh doanh mà quý vị nhận được từ bảo hiểm hoặc các nguồn khác. Khai báo khoản đó trong Bảng C ngay cả khi doanh nghiệp của quý vị không hoạt động tại thời điểm được chi trả.

Thiệt hại. Quý vị phải gộp khoản bồi thường tổng thu nhập nhận được trong niên thuế đến từ bất kỳ lỗ nào sau đây liên quan đến doanh nghiệp của mình.

- Vi phạm bằng sáng chế.
- Vi phạm hợp đồng hoặc trách nhiệm ủy thác.
- Tổn thất từ việc chống độc quyền.

Tổn thất kinh tế. Quý vị có quyền khấu trừ vào thu nhập nếu khoản khấu trừ bù đắp được lỗ kinh tế thực tế. Khoản khấu trừ của quý vị nhỏ hơn những khoản sau đây.

- Số tiền quý vị nhận được hoặc tích lũy đối với thiệt hại trong niên thuế trừ đi số tiền quý vị phải trả hoặc phải chịu trong niên thuế để thu hồi số tiền đó.
- Lỗ từ lỗ đó mà quý vị chưa được khấu trừ.

Bồi thường trừng phạt. Quý vị cũng phải gộp các khoản bồi thường trừng phạt vào thu nhập.

Tiền lại quả. Nếu quý vị nhận được bất kỳ khoản tiền lại quả nào, vui lòng gộp chúng vào thu nhập trong Bảng C. Tuy nhiên, không gộp chúng vào thu nhập nếu quý vị có thể hợp lý coi chúng như khoản giảm trừ của một khoản chi phí liên quan, một khoản chi cho đầu tư dài hạn hoặc giá vốn hàng bán.

Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó. Nếu quý vị thu hồi được một khoản nợ khó đòi hoặc bất kỳ khoản nào khác được khấu trừ trong năm trước, hãy bao gồm cả khoản thu hồi đó vào thu nhập trong Bảng C. Tuy nhiên, nếu tất cả hoặc một phần khoản khấu trừ trong những năm trước đó không làm giảm thuế của quý vị, quý vị có thể loại trừ phần không làm giảm thuế của mình. Nếu loại trừ một phần của khoản thu hồi khỏi thu nhập, quý vị phải bao gồm trong tờ khai thuế của mình một phép tính cho thấy quý vị đã tính toán khoản loại trừ như thế nào.

Ngoại lệ đối với khấu hao. Quy tắc này không áp dụng cho khấu hao. Quý vị thu hồi khấu hao bằng cách sử dụng các quy tắc được giải thích ở phần tiếp theo.

Thu hồi khấu hao. Trong các trường hợp sau, quý vị phải thu hồi khoản khấu trừ khấu hao. Điều này có nghĩa là quý vị bao gồm trong thu nhập một phần hoặc toàn bộ khấu hao mà quý vị đã khấu trừ trong những năm trước.

Tài sản được liệt kê. Nếu việc sử dụng tài sản được liệt kê trong công việc kinh doanh của quý vị (được giải thích trong chương 8 ở phần *Khấu hao*) giảm xuống còn 50% hoặc thấp hơn trong một niên thuế sau niên thuế đưa tài sản này vào sử dụng, quý vị có thể phải thu hồi một phần của khoản khấu trừ khấu hao. Quý vị thực hiện điều này bằng cách gộp vào thu nhập trong Bảng C phần khấu hao quý vị đã khấu trừ trong những năm trước. Sử dụng Phần IV của **Mẫu 4797** để tính toán số tiền cần gộp vào trên Bảng C. Để biết thêm thông tin, xem *Yêu Cầu của Việc Sử Dụng Cho Mục Đích Kinh Doanh là gì?* trong chương 5 của Ấn Phẩm 946. Chương này giải thích cách xác định xem tài sản có được sử dụng hơn 50% trong hoạt động kinh doanh của quý vị hay không.

Tài sản theo đoạn 179. Nếu quý vị thực hiện một khoản khấu trừ theo đoạn 179 (được giải thích trong chương 8 ở phần *Khấu hao*) đối với một tài sản và trước khi kết thúc thời gian trích khấu hao của tài sản, tỷ lệ phần trăm sử dụng cho mục đích kinh doanh giảm xuống còn 50% hoặc ít hơn, quý vị phải thu hồi một phần của khoản khấu trừ theo đoạn 179. Quý vị thực hiện điều này bằng cách gộp vào thu nhập trong Bảng C một phần của khoản khấu trừ mà quý vị đã thực hiện. Sử dụng Phần IV của Mẫu 4797 để xác định số tiền cần gộp vào trong Bảng C. Xem Chương 2 của Ấn Phẩm 946 để nắm được thời điểm thu hồi khoản khấu trừ.

Bán hay trao đổi tài sản phải khấu hao. Nếu bán hay trao đổi tài sản phải khấu hao mà có lãi, quý vị có thể phải coi toàn bộ hoặc một phần khoản lãi do khấu hao là thu nhập thông thường. Quý vị tính toán thu nhập từ việc thu hồi khấu hao trong Phần III của Mẫu 4797. Để biết thêm thông tin, xem chương 4 của Ấn Phẩm 544.

Các Khoản Không Phải Thu Nhập

Trong một số trường hợp, tài sản hoặc tiền quý vị nhận được không phải là thu nhập.

Tăng giá trị. Sự tăng giá trị của tài sản của quý vị không phải là thu nhập cho đến khi quý vị thực nhận giá trị tăng thêm đó thông qua việc bán hoặc các hình thức thanh lý chịu thuế khác.

Ký gửi. Ký gửi hàng hóa cho người khác để bán thay cho quý vị không phải là bán hàng. Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về quý vị (người ký gửi) ngay cả sau khi người nhận hàng đã sở hữu hàng hóa đó. Do đó, nếu vận chuyển hàng hóa theo diện ký gửi, quý vị không có lợi nhuận hoặc lỗ cho đến khi người nhận hàng bán được hàng hóa đó. Hàng hóa mà quý vị đã vận chuyển để ký gửi được tính vào hàng tồn kho của quý vị cho đến khi được bán.

Không tính hàng hóa mà quý vị nhận được theo hình thức ký gửi vào hàng tồn kho của quý vị. Vui lòng tính lợi nhuận hoặc tiền hoa hồng đối với hàng hóa được ký gửi cho quý vị vào thu nhập của bản thân khi quý vị bán hàng hóa đó hoặc khi quý vị nhận được lợi nhuận hay hoa hồng của mình, tùy thuộc vào phương pháp kế toán mà quý vị sử dụng.

Phụ cấp xây dựng. Nếu ký hợp đồng thuê sau ngày 5 tháng 8 năm 1997, quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập khoản phụ cấp xây dựng nhận được (bằng tiền mặt hoặc hình thức giảm tiền thuê) từ chủ đất nếu nhận được phụ cấp với cả hai điều kiện sau.

- Theo hợp đồng thuê mặt bằng bán lẻ ngắn hạn.
- Với mục đích xây dựng hoặc cải tạo bất động sản dài hạn đủ tiêu chuẩn để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của quý vị tại mặt bằng bán lẻ đó.

Số tiền quý vị có thể loại trừ. Quý vị có thể loại trừ khoản phụ cấp xây dựng trong phạm vi không vượt quá số tiền bản thân đã chi cho việc xây dựng hoặc tu sửa.

Hợp đồng thuê ngắn hạn. Hợp đồng thuê ngắn hạn là hợp đồng cho thuê (hoặc thỏa thuận khác về việc sử dụng) mặt bằng bán lẻ có thời hạn từ 15 năm trở xuống. Những quy tắc sau đây được áp dụng để xác định xem liệu hợp đồng thuê có thời hạn từ 15 năm trở xuống hay không.

- Vui lòng tính đến các tùy chọn gia hạn khi xác định xem liệu hợp đồng thuê có thời hạn từ 15 năm trở xuống hay không. Tuy nhiên vui lòng không tính đến bất kỳ tùy chọn nào để gia hạn theo giá cả phải chăng trên thị trường được xác định tại thời điểm gia hạn.
- Hai hoặc nhiều hợp đồng thuê liên tiếp mà là một phần của cùng một giao dịch (hoặc một loạt các giao dịch có liên quan) đối với mặt bằng bán lẻ giống nhau hoặc cơ bản giống nhau được xem là một hợp đồng thuê.

Mặt bằng bán lẻ. Mặt bằng bán lẻ là bất động sản được quý vị cho thuê, hoặc sử dụng với tư cách là người thuê trong hoạt động kinh doanh bán động sản cá nhân thực hữu hoặc dịch vụ công cộng.

Bất động sản dài hạn đủ tiêu chuẩn. Bất động sản dài hạn đủ tiêu chuẩn là bất động sản không cư trú vốn là một phần của mặt bằng bán lẻ hoặc hiện hữu tại mặt bằng bán lẻ của quý vị và sẽ được hoàn lại cho chủ đất khi hợp đồng thuê kết thúc.

Trao đổi tài sản cùng loại. Thông thường, nếu quý vị trao đổi bất động sản được sử dụng cho kinh doanh hoặc được nắm giữ như một khoản đầu tư chỉ để đổi lấy bất động sản đầu tư hoặc kinh doanh khác thuộc cùng loại, thì không có lợi nhuận hoặc lỗ nào được ghi nhận. Điều này có nghĩa là lợi nhuận không phải chịu thuế và lỗ không được khấu trừ. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 8824.

Tu sửa tài sản cho thuê. Nếu người thuê xây dựng các tòa nhà hoặc tu sửa tài sản của quý vị, thì phần gia tăng giá trị của tài sản đến từ việc tu sửa không phải là thu nhập đối với quý vị. Tuy nhiên, nếu thực tế chỉ ra rằng việc tu sửa là một khoản tiền thuê chi trả cho quý vị, thì phần tăng giá trị sẽ là thu nhập.

Các khoản vay. Tiền được vay thông qua một khoản vay có thiện chí (bona fide) không phải là thu nhập.

Thuế bán hàng. Thuế bán hàng của tiểu bang và địa phương áp dụng đối với người mua, mà quý vị phải thu và nộp cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương, không phải là thu nhập.

Hướng dẫn đối với các ngành nghề được chọn

Phần này cung cấp thông tin để xác định liệu thu nhập của quý vị có cần được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040) hay không.

Người bán hàng trực tiếp. Quý vị phải khai báo tất cả thu nhập nhận được với tư cách là người bán hàng trực tiếp trong Bảng C. Điều này bao gồm bất kỳ khoản nào dưới đây.

- Thu nhập từ bán hàng — Các khoản chi trả nhận được từ khách hàng cho các sản phẩm họ mua từ quý vị.
- Tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc phần trăm quý vị nhận được cho doanh số bán hàng và doanh số bán hàng của những người khác làm việc dưới quyền mình.
- Giải thưởng, phần thưởng và quà tặng quý vị nhận được từ doanh nghiệp bán hàng của mình.

Quý vị phải khai báo khoản thu nhập này bất kể khoản thu nhập này có được khai báo cho quý vị trong tờ khai thông tin hay không.

Quý vị là người bán hàng trực tiếp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau.

1. Quý vị đang tham gia vào một trong các hoạt động thương mại hay kinh doanh dưới đây.
   a. Bán hoặc chào hàng các sản phẩm tiêu dùng tại nhà hoặc địa điểm khác mà không phải là cơ sở bán lẻ cố định hoặc cho bất kỳ người mua nào trên cơ sở mua-bán hoặc cơ sở tiền đặt cọc-tiền hoa hồng với mục đích bán lại tại nhà hoặc địa điểm kinh doanh khác mà không phải là cơ sở bán lẻ cố định.
   b. Cung cấp hoặc phân phối báo hoặc tin tức mua sắm (bao gồm bất kỳ dịch vụ nào liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc kinh doanh đó).
2. Về cơ bản, tất cả các khoản chi trả quý vị nhận được (dù được trả bằng tiền mặt hay không) cho các dịch vụ được mô tả ở trên đều liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác (bao gồm cả việc thực hiện dịch vụ) hơn là thời gian làm việc.
3. Những dịch vụ được quý vị thực hiện theo một hợp đồng bằng văn bản giữa quý vị và người mà quý vị cung cấp dịch vụ, đồng thời hợp đồng quy định rằng quý vị sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Người thi hành hoặc quản trị viên. Nếu quý vị quản lý tài sản của một người đã qua đời, các khoản phí của quý vị được khai báo trong Bảng C nếu quý vị làm một trong những nghề dưới đây.

1. Người được ủy thác quản lý chuyên nghiệp.
2. Người được ủy thác quản lý không chuyên (đại diện cá nhân) và cả hai điều sau đây đều được áp dụng.
   a. Di sản bao gồm một hoạt động thương mại hoặc kinh doanh còn hoạt động mà quý vị tích cực tham gia.
   b. Khoản phí của quý vị có liên quan đến hoạt động thương mại hay kinh doanh đó.
3. Người được ủy thác quản lý không chuyên đối với một di sản đơn lẻ mà đòi hỏi quý vị phải có các hoạt động quản lý bao quát trong một thời gian dài, với điều kiện những hoạt động này đủ để được coi là hoạt động thương mại hay kinh doanh.

Nếu các khoản phí không đáp ứng các yêu cầu trên, vui lòng khai báo chúng trong dòng 8z của Bảng 1 (Mẫu 1040).

Thuyền viên tàu cá. Nếu quý vị là thành viên của thuyền đánh bắt cá hoặc những sinh vật sống dưới nước khác, thu nhập của quý vị được khai báo trong Bảng C nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu trong chương 10 ở phần *Thuyền viên tàu cá*.

Đại lý bảo hiểm, trước đây. Các khoản chi trả chấm dứt hợp đồng mà quý vị nhận được với tư cách là người đã từng là đại lý bảo hiểm tự kinh doanh từ một công ty bảo hiểm cho những dịch vụ quý vị đã thực hiện cho công ty đó không được khai báo trong Bảng C nếu tất cả các điều kiện sau được đáp ứng.

- Quý vị đã nhận được các khoản chi trả sau khi thỏa thuận thực hiện dịch vụ cho công ty kết thúc.
- Quý vị đã không thực hiện bất kỳ dịch vụ nào cho công ty sau khi thỏa thuận dịch vụ kết thúc và trước khi kết thúc năm quý vị nhận được khoản chi trả.
- Quý vị đã ký một giao ước không cạnh tranh với công ty trong thời gian ít nhất 1 năm bắt đầu từ ngày thỏa thuận dịch vụ kết thúc.
- Số tiền chi trả chủ yếu phụ thuộc vào các hợp đồng bảo hiểm do quý vị bán hoặc được ghi có vào tài khoản của quý vị trong năm cuối cùng của thỏa thuận dịch vụ hoặc phạm vi mà các hợp đồng bảo hiểm đó vẫn có hiệu lực trong một khoảng thời gian sau khi thỏa thuận dịch vụ kết thúc hoặc cả hai điều kiện trên.
- Số tiền chi trả không phụ thuộc vào bất kì phạm vi nào trong thời gian thực hiện dịch vụ hoặc tổng thu nhập từ các dịch vụ đã thực hiện cho công ty (bất kể khả năng đủ điều kiện nhận các khoản chi trả có phụ thuộc vào thời gian thực hiện dịch vụ hay không).

Đại lý bảo hiểm, đã nghỉ hưu. Thu nhập do công ty bảo hiểm trả cho một đại lý bảo hiểm tự kinh doanh đã nghỉ hưu dựa trên tỷ lệ phần trăm tiền hoa hồng nhận được trước khi nghỉ hưu được khai báo trong Bảng C. Ngoài ra, tiền hoa hồng gia hạn cũng như tiền hoa hồng được hoãn đối với doanh số

bán hàng có được trước khi nghỉ hưu cũng thường được khai báo trên Bảng C.

Tuy nhiên, tiền hoa hồng gia hạn trả hợp đồng trả cho người sống sót của một đại lý bảo hiểm không được khai báo trong Bảng C.

Người vận chuyển hoặc phân phát báo. Quý vị là người bán hàng trực tiếp và thu nhập của quý vị được khai báo trong Bảng C nếu tất cả các điều kiện sau được áp dụng.

- Quý vị đang kinh doanh giao hoặc phát báo hoặc tin tức mua sắm (bao gồm các dịch vụ liên quan trực tiếp như mời chào khách hàng và thu thập hóa đơn).
- Về cơ bản, tất cả các khoản chi trả mà quý vị nhận được cho các dịch vụ này liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác hơn là số giờ làm việc.
- Quý vị thực hiện các dịch vụ theo một hợp đồng bằng văn bản tuyên bố rằng quý vị sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Quy tắc này được áp dụng cho dù quý vị có thuê người khác giúp quý vị giao hàng hay không. Quy tắc này cũng được áp dụng cho dù quý vị mua báo từ nhà xuất bản hay được trả tiền dựa trên số lượng báo quý vị giao được.

Chủ sạp báo hoặc tạp chí. Nếu quý vị từ 18 tuổi trở lên và bán báo hoặc tạp chí, thu nhập của quý vị được khai báo trong Bảng C nếu tất cả các điều kiện sau được áp dụng.

- Quý vị bán báo hoặc tạp chí cho người tiêu dùng cuối cùng.
- Quý vị bán chúng với một mức giá cố định.
- Thu nhập của quý vị dựa trên chênh lệch giữa giá bán và giá vốn hàng bán của quý vị.

Quy tắc này được áp dụng cho dù quý vị có được bảo đảm số tiền thu nhập tối thiểu hay không. Quy tắc này cũng được áp dụng cho dù quý vị nhận được khoản ghi có cho những tờ báo hoặc tạp chí chưa bán được mà quý vị trả lại cho nhà cung cấp của mình hay không.

Công chứng viên. Những khoản phí quý vị nhận được cho dịch vụ mà bản thân thực hiện với tư cách là một công chứng viên được khai báo trong Bảng C. Các khoản chi trả này không phải chịu thuế tự kinh doanh (xem Hướng dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040)).

Công chức. Công chức nhà nước nói chung không khai báo những gì họ kiếm được khi phục vụ tại công sở trong Bảng C. Quy tắc này áp dụng cho các khoản chi trả mà một nhân viên thu thuế được bầu nhận được từ ngân quỹ nhà nước trên cơ sở tỷ lệ phần trăm cố định của số thuế thu được. Công sở bao gồm bất kỳ văn phòng được bầu hoặc bổ nhiệm nào của Hoa Kỳ hoặc các khu vực thuộc sở hữu của Hoa Kỳ, Đặc Khu Columbia, một tiểu bang hoặc các phân khu chính trị của nó, hoặc một phương tiện hoàn toàn thuộc sở hữu của bất kỳ văn phòng nào trong số này.

Công chức nhà nước của chính phủ tiểu bang hoặc địa phương khai báo những khoản phí của họ trong Bảng C nếu họ chỉ được trả trên cơ sở các khoản phí và nếu dịch vụ của họ đủ điều kiện để hưởng (nhưng không được chi trả bởi) an sinh xã hội theo một thỏa thuận liên bang-tiểu bang.

Đại lý bất động sản hoặc người bán hàng trực tiếp. Nếu quý vị là đại lý bất động sản được cấp phép hoặc người bán hàng trực tiếp, thu nhập của quý vị được khai báo trên Bảng C nếu cả hai điều sau được áp dụng.

- Về cơ bản, tất cả các khoản chi trả mà quý vị nhận được cho các dịch vụ với tư cách là đại lý bất động sản hoặc người bán hàng trực tiếp có liên quan trực tiếp đến doanh số bán hàng hoặc sản lượng khác hơn là số giờ làm việc.
- Quý vị thực hiện các dịch vụ theo một hợp đồng bằng văn bản tuyên bố rằng quý vị sẽ không được coi là một nhân viên cho mục tiêu thuế vụ liên bang.

Nhà thầu mua bán hợp đồng trong đoạn 1256. Nếu quý vị là nhà thầu mua bán quyền chọn hoặc hàng hóa, thì lãi và lỗ của quý vị khi mua bán hoặc đầu cơ theo các hợp đồng theo đoạn 1256 (hợp đồng kỳ hạn được quy định, hợp đồng ngoại tệ, quyền chọn phi vốn chủ sở hữu, quyền chọn vốn chủ sở hữu đại lý và hợp đồng kỳ hạn chứng khoán của đại lý) hoặc tài sản liên quan đến những hợp đồng đó (chẳng hạn như cổ phần được sử dụng để bảo đảm quyền chọn) được khai báo trong Bảng C. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem đoạn 1256 và 1402(i).

Nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa. Quý vị là một nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa nếu đang tham gia vào hoạt động kinh doanh mua và bán chứng khoán hoặc hàng hóa cho tài khoản của chính mình. Với tư cách là một nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa, lãi hoặc lỗ của quý vị từ việc thanh lý chứng khoán hoặc hàng hóa không được khai báo trong Bảng C. Để biết thêm thông tin về nhà đầu cơ chứng khoán hoặc hàng hóa, xem Ấn Phẩm 550.

Hạch Toán Thu Nhập của Quý Vị

Việc hạch toán thu nhập của quý vị cho mục tiêu tính toán thuế thu nhập đôi khi có sự khác biệt so với hạch toán cho các mục đích tài chính. Đoạn này thảo luận về một số điểm khác biệt phổ biến hơn có thể ảnh hưởng đến các giao dịch kinh doanh.

Tính toán thu nhập kinh doanh của quý vị trên cơ sở của một niên thuế và theo phương pháp kế toán thông thường của quý vị (xem chương 2). Nếu việc bán sản phẩm là một yếu tố tạo ra thu nhập trong hoạt động kinh doanh của quý vị, quý vị thường phải sử dụng bản kê hàng để trình bày thu nhập của mình một cách rõ ràng. Nhà thầu mua bán bất động sản không được phép sử dụng bản kê hàng. Để biết thêm thông tin về bản kê hàng, vui lòng xem chương 2.

Thu nhập chi trả cho bên thứ ba. Tất cả thu nhập quý vị kiếm được đều phải chịu thuế đối với quý vị. Quý vị không thể tránh thuế bằng cách chi trả thu nhập cho bên thứ ba.

Ví dụ. Quý vị cho thuê tài sản của mình và hợp đồng cho thuê chỉ định người thuê trả tiền thuê cho con trai quý vị. Số tiền trả cho con trai của quý vị là tổng thu nhập của quý vị.

Chiết khấu tiền mặt. Đây là số tiền mà người bán cho phép quý vị khấu trừ vào giá trên hóa đơn giao hàng khi quý vị trả tiền sớm. Quý vị có thể sử dụng một trong hai phương pháp sau để tính chiết khấu tiền mặt cho mục tiêu tính toán thuế thu nhập.

1. Khấu trừ chiết khấu tiền mặt vào chi phí mua hàng (xem *Dòng 36, Chi Phí Mua Hàng Trừ Đi Chi Phí Các Mặt Hàng Được Rút Lại để Sử Dụng cho Mục Đích Cá Nhân* trong chương 6).
2. Ghi có chiết khấu tiền mặt vào tài khoản thu nhập chiết khấu.

Quý vị phải sử dụng phương pháp đã chọn hàng năm cho tất cả các khoản chiết khấu mua hàng của mình.

Nếu quý vị sử dụng phương pháp thứ hai, số dư có trong tài khoản vào cuối niên thuế của quý vị là thu nhập kinh doanh. Theo phương pháp này, quý vị không trừ các khoản chiết khấu tiền mặt mà quý vị nhận được vào giá vốn hàng bán. Khi định giá hàng tồn kho cuối kỳ, quý vị không thể trừ khoản chiết khấu trung bình hoặc ước tính nhận được đối với hàng hóa có sẵn tại thời điểm cuối niên thuế vào giá trên hóa đơn giao hàng của hàng hóa đó.

Chiết khấu thương mại. Đây là những khoản giảm trừ so với giá niêm yết hoặc giá trong ca-ta-lô và thường không được ghi vào hóa đơn giao hàng hoặc tính phí cho khách hàng. Không nhập những khoản chiết khấu này vào sổ sách kế toán của quý vị. Thay vào đó, chỉ sử dụng số tiền thực làm giá vốn của hàng hóa đã mua. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Chiết khấu thương mại* trong chương 6.

Khoản chi trả được đặt vào cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng. Nếu người mua tài sản của quý vị đặt một phần hoặc toàn bộ giá mua vào cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, quý vị sẽ không tính bất kỳ phần nào của khoản tiền đó vào tổng doanh thu bán hàng (gross sales) cho đến khi thực sự hoặc được coi là đã nhận được nó. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành các điều khoản của hợp đồng và thỏa thuận của cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, quý vị sẽ có thu nhập chịu thuế, ngay cả khi quý vị chưa chấp nhận khoản tiền đó cho đến năm sau.

Hàng trả lại và khoản giảm giá khi bán. Các khoản ghi có mà quý vị cho phép khách hàng có được đối với hàng hóa bị trả lại và bất kỳ khoản giảm giá nào khác được quý vị thực hiện khi bán hàng đều là khoản khấu trừ vào tổng doanh thu bán hàng (gross sales) khi tính toán doanh thu thuần từ bán hàng (net sales).

Các khoản trả trước. Các quy tắc đặc biệt áp dụng với phương pháp kế toán tích lũy cho các khoản chi trả nhận trước được thảo luận trong chương 2 trong phần *Phương Pháp Kế Toán Tích Lũy*.

Tiền bồi thường bảo hiểm. Nếu nhận được bảo hiểm hoặc một hình thức bồi hoàn trả cho một lỗ do tai họa hoặc trộm cắp, quý vị phải trừ nó vào lỗ khi tính khoản khấu trừ của mình. Quý vị không thể khấu trừ phần lỗ do tai họa hoặc trộm cắp mà đã được bồi hoàn.

Để nắm được thông tin về lỗ do tai họa hoặc trộm cắp, xem Ấn Phẩm 547.

6.

Cách Tính Giá Vốn Hàng Bán

Giới thiệu

Nếu sản xuất hoặc mua hàng hóa để bán, quý vị có thể khấu trừ giá vốn hàng bán vào doanh thu gộp của mình trong Bảng C. Tuy nhiên, để xác định các chi phí này, quý vị phải định giá hàng tồn kho của mình vào đầu và cuối mỗi niên thuế.

Chương này áp dụng cho quý vị nếu quý vị là nhà sản xuất, bán buôn hoặc bán lẻ hoặc nếu quý vị tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào mà sản xuất, mua hoặc bán hàng hóa để tạo ra thu nhập. Chương này không áp dụng cho kinh doanh dịch vụ cá nhân, chẳng hạn như nghề bác sĩ, luật sư, thợ mộc hoặc họa sĩ. Tuy nhiên, nếu quý vị làm việc trong một cơ sở kinh doanh dịch vụ cá nhân và cũng bán hoặc tính phí các nguyên liệu và vật tư thường được sử dụng trong doanh nghiệp của mình, thì chương này áp dụng cho quý vị.

CAUTION *Có ngoại lệ đối với người đóng thuế doanh nghiệp nhỏ mà có thể thay đổi cách quý vị tính giá vốn hàng bán cho hoạt động kinh doanh của mình. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem chương 2.*

Tính Giá Vốn Hàng Bán trong Bảng C, Dòng 35 Đến Dòng 42

Tính giá vốn hàng bán của quý vị bằng cách điền vào dòng 35 đến dòng 42 của Bảng C. Những dòng này được mô tả lại ở dưới đây và được giải thích trong phần thảo luận sau đó.

35	Hàng tồn kho đầu năm. Nếu có sự chênh lệch so với hàng tồn kho vào cuối năm ngoái, vui lòng đính kèm giải trình . . .	_____
36	Chi phí mua hàng trừ đi chi phí các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân	_____
37	Chi phí lao động. Vui lòng không bao gồm bất kỳ số tiền nào trả cho chính quý vị	_____
38	Nguyên liệu và vật tư	_____
39	Các chi phí khác	_____
40	Tổng từ dòng 35 đến dòng 39	_____
41	Hàng tồn kho cuối năm	_____
42	**Giá vốn hàng bán.** Lấy dòng 40 trừ đi dòng 41. Nhập kết quả vào đây và trên dòng 4	_____

Dòng 35 Hàng Tồn Kho Đầu Năm

Nếu quý vị là một thương gia, hàng tồn kho đầu kỳ là giá vốn của hàng hóa có sẵn vào đầu năm mà quý vị sẽ bán cho khách

hàng. Nếu quý vị là chủ xí nghiệp hoặc nhà sản xuất, hàng tồn kho đầu kỳ bao gồm tổng chi phí của nguyên vật liệu thô, bán thành phẩm, thành phẩm cùng với nguyên liệu và vật tư được sử dụng để sản xuất hàng hóa (xem *Hàng Tồn Kho* trong chương 2).

Hàng tồn kho đầu kỳ thường sẽ giống với hàng tồn kho cuối kỳ của năm trước. Quý vị phải giải thích bất kỳ mức chênh lệch nào trong một bảng được đính kèm cùng tờ khai thuế của mình.

Tặng biếu hàng tồn kho. Nếu quý vị đóng góp hàng tồn kho (tài sản mà quý vị bán trong quá trình kinh doanh của mình), số tiền quý vị có thể yêu cầu như một khoản khấu trừ đóng góp sẽ là giá trị nhỏ hơn giữa giá cả phải chăng trên thị trường của nó vào ngày quý vị đóng góp và trị giá cơ bản của nó. Giá gốc của hàng tồn kho được tặng biếu là bất kỳ chi phí nào phát sinh cho hàng tồn kho trong một năm trước đó mà nếu không tặng biếu sẽ được quý vị tính vào hàng tồn kho đầu kỳ của mình cho năm đóng góp. Quý vị phải loại bỏ số tiền khấu trừ đóng góp của mình khỏi hàng tồn kho đầu kỳ của mình. Nó không phải là một phần của giá vốn hàng bán.

Nếu chi phí của hàng tồn kho được tặng biếu không được tính vào hàng tồn kho đầu kỳ của quý vị, thì trị giá cơ bản của hàng tồn kho là bằng 0, đồng thời quý vị không thể yêu cầu khoản khấu trừ đóng góp thiện nguyện. Xử lý chi phí của hàng tồn kho như cách quý vị thường xử lý theo phương pháp kế toán của mình. Ví dụ như gộp giá mua của hàng tồn kho được mua và tặng biếu trong cùng một năm vào giá vốn hàng bán của năm đó.

Một quy tắc đặc biệt có thể áp dụng cho một số hoạt động tặng biếu hàng tồn kho là thực phẩm. Xem Ấn Phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện.

Ví dụ 1. Quý vị là người đóng thuế theo niên lịch sử dụng phương pháp kế toán tích lũy. Vào năm 2021, quý vị đã đóng góp tài sản từ hàng tồn kho cho một nhà thờ. Tài sản đó có giá cả phải chăng trên thị trường là $600. Hàng tồn kho cuối kỳ vào cuối năm 2020 đã bao gồm đúng $400 chi phí mua tài sản đó, đồng thời vào năm 2020, quý vị đã khấu trừ hợp lý $50 chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến tài sản đó dưới dạng chi phí kinh doanh. Khoản đóng góp từ thiện được cho phép cho năm 2021 là $400 ($600 - $200). $200 là số tiền sẽ trở thành thu nhập thông thường nếu quý vị đã bán hàng tồn kho đóng góp đó theo giá cả phải chăng trên thị trường vào ngày diễn ra việc tặng quà. Giá vốn hàng bán mà quý vị sử dụng để xác định tổng thu nhập cho năm 2021 không được bao gồm khoản tiền $400 này. Quý vị loại bỏ số tiền đó khỏi hàng tồn kho đầu kỳ cho năm 2021.

Ví dụ 2. Nếu, trong *Ví dụ 1*, quý vị mua tài sản đã đóng góp vào năm 2021 với chi phí $400, quý vị sẽ bao gồm chi phí $400 của tài sản này khi tính giá vốn hàng bán cho năm 2021 và khấu trừ $50 chi phí hành chính và những chi phí khác có liên quan đến tài sản này cho năm đó. Quý vị sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ khoản khấu trừ đóng góp từ thiện nào cho tài sản đã đóng góp.

Dòng 36
Chi Phí Mua Hàng Trừ Đi Chi Phí Các Mặt Hàng Được Rút Lại Để Sử Dụng Cho Mục Đích Cá Nhân

Nếu quý vị là thương gia, vui lòng sử dụng chi phí của tất cả hàng hóa quý vị đã mua để bán. Nếu quý vị là chủ xí nghiệp hoặc nhà sản xuất, chi phí này bao gồm chi phí của tất cả các nguyên vật liệu thô hoặc các bộ phận được mua để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh.

Chiết khấu thương mại. Sự chênh lệch giữa giá được nêu của các mặt hàng với giá thực tế quý vị phải trả cho chúng được gọi là chiết khấu thương mại. Quý vị phải sử dụng giá mà bản thân phải trả (không phải giá được nêu) để xác định chi phí mua hàng của mình. Vui lòng không trình bày số tiền chiết khấu một cách riêng biệt như một khoản trong tổng thu nhập.

Một người buôn bán ô tô phải ghi lại chi phí của một chiếc ô tô tồn kho sau khi trừ đi bất kỳ khoản tiền hoàn lại nào của nhà sản xuất mà là chiết khấu thương mại .

Chiết khấu tiền mặt. Chiết khấu tiền mặt là số tiền mà nhà cung cấp của quý vị cho phép quý vị khấu trừ vào hóa đơn mua hàng của mình khi quý vị trả tiền sớm. Có hai phương pháp kế toán đối với chiết khấu tiền mặt. Quý vị có thể ghi có chúng vào một tài khoản chiết khấu riêng biệt hoặc khấu trừ chúng vào tổng chi phí mua hàng trong năm. Cho dù sử dụng phương pháp nào, quý vị phải nhất quán. Nếu muốn thay đổi phương pháp tính toán chi phí hàng tồn kho, quý vị phải nộp Mẫu 3115. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán* trong chương 2.

Nếu ghi có chiết khấu tiền mặt vào một tài khoản riêng, quý vị phải tính số dư có này vào thu nhập kinh doanh của mình vào cuối niên thuế. Nếu quý vị sử dụng phương pháp này, vui lòng không trừ các khoản chiết khấu tiền mặt vào giá vốn hàng bán của quý vị.

Hàng trả lại và khoản giảm giá khi mua. Quý vị phải khấu trừ tất cả hàng trả lại và khoản giảm giá khi mua vào tổng số tiền mua hàng của mình trong năm.

Hàng hóa rút lại không bán. Nếu rút lại hàng hóa để sử dụng cho mục đích cá nhân hoặc gia đình, quý vị phải loại trừ chi phí này khỏi tổng chi phí cho hàng hóa quý vị đã mua để bán. Thực hiện điều này bằng cách ghi có vào tài khoản mua hàng hoặc bán hàng với chi phí cho hàng hóa mà quý vị rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân. Quý vị cũng phải tính số tiền này vào tài khoản rút tiền của mình.

Tài khoản rút tiền là một tài khoản riêng biệt mà quý vị nên nắm giữ để ghi chép thu nhập kinh doanh mà bản thân rút ra để chi trả cho các chi phí cá nhân và gia đình. Như đã nêu ở trên, quý vị cũng sử dụng nó để ghi chép việc rút lại hàng hóa cho mục đích cá nhân hoặc gia đình. Tài khoản này còn được gọi là tài khoản rút tiền hoặc tài khoản cá nhân.

Dòng 37
Chi Phí Lao Động

Chi phí lao động thường là một phần trong giá vốn hàng bán, nhưng điều này chỉ đúng trong doanh nghiệp sản xuất hoặc

khai thác mỏ. Tiểu thương (bán buôn, bán lẻ, v.v.) thường không có chi phí lao động mà có thể được tính vào giá vốn hàng bán một cách hợp lý. Trong một doanh nghiệp sản xuất, chi phí lao động được phân bổ một cách hợp lý vào giá vốn hàng bán bao gồm cả lao động trực tiếp và lao động gián tiếp được sử dụng để chế tạo nguyên vật liệu thô thành sản phẩm hoàn chỉnh và có thể bán được.

Lao động trực tiếp. Chi phí lao động trực tiếp là lương bổng quý vị trả cho những nhân viên toàn thời gian làm việc trực tiếp trên sản phẩm đang được sản xuất. Những chi phí này cũng bao gồm một phần lương bổng quý vị trả cho nhân viên bán thời gian làm việc trực tiếp trên sản phẩm nếu quý vị có thể xác định được phần lương bổng đó của họ.

Lao động gián tiếp. Chi phí lao động gián tiếp là lương bổng quý vị trả cho nhân viên thực hiện một chức năng phổ thông của nhà máy vốn không có bất kỳ mối liên hệ trực tiếp hoặc tức thời nào với việc tạo ra sản phẩm có thể bán được, nhưng là một phần cần thiết của quá trình sản xuất.

Lao động khác. Các chi phí lao động khác không được tính vào giá vốn hàng bán có thể được trừ vào chi phí bán hàng hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp. Thông thường, các loại chi phí lao động duy nhất có thể được tính hợp lý vào giá vốn hàng bán của quý vị là chi phí lao động trực tiếp hoặc gián tiếp và một số chi phí khác mà được coi là chi phí chung được tính hợp lý vào quy trình sản xuất như đã được thảo luận tại *Dòng 39, Chi Phí Khác*.

Dòng 38
Nguyên Liệu và Vật Tư

Nguyên liệu và vật tư, chẳng hạn như phần cứng và hóa chất, được sử dụng trong sản xuất hàng hóa được tính vào giá vốn hàng bán. Những thứ không được sử dụng trong quá trình sản xuất được coi là khoản phí trả chậm. Quý vị khấu trừ chúng như một chi phí kinh doanh khi sử dụng chúng. Chi phí kinh doanh được thảo luận trong chương 8.

Dòng 39
Các Chi Phí Khác

Dưới đây là ví dụ về các chi phí khác phát sinh trong quá trình sản xuất hoặc khai thác mỏ mà quý vị tính vào giá vốn hàng bán của mình.

Hộp đựng. Những hộp đựng và bao bì vốn là một bộ phận cấu thành của sản phẩm được sản xuất ra chiếm một phần trong giá vốn hàng bán của quý vị. Nếu chúng không phải là một bộ phận cấu thành của sản phẩm được sản xuất, thì chi phí của chúng là chi phí vận chuyển hoặc chi phí bán hàng.

Chi phí vận chuyển hàng mua. Chi phí vận chuyển, chuyển phát nhanh và chuyển phát đường bộ đối với nguyên liệu thô và vật tư quý vị sử dụng trong sản xuất cũng như hàng hóa quý vị mua để bán đều là một phần của giá vốn hàng bán.

Chi phí chung. Chi phí chung bao gồm các chi phí như tiền thuê, sưởi ấm, ánh sáng, điện, bảo hiểm, khấu hao, thuế, bảo trì, lao động và giám sát. Những chi phí chung quý vị phải trả như chi phí trực tiếp và cần thiết của hoạt động sản xuất được tính vào giá vốn hàng bán của quý vị.

Dòng 40
Tổng từ dòng 35 đến dòng 39

Tổng từ dòng 35 đến dòng 39 là giá vốn hàng bán của hàng hóa có sẵn để bán trong năm.

Dòng 41
Hàng Tồn Kho Cuối Năm

Lấy giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ của quý vị (tính cả các phần có thể phân bổ của chi phí nguyên liệu và vật tư, lao động trực tiếp và chi phí chung nếu thích hợp) trừ vào dòng 40. Hàng tồn kho cuối năm còn được gọi là hàng tồn kho cuối kỳ. Hàng tồn kho cuối kỳ của quý vị thường sẽ trở thành hàng tồn kho đầu kỳ trong niên thuế tiếp theo.

Dòng 42
Giá Vốn Hàng Bán

Khi quý vị lấy hàng tồn kho cuối kỳ (hàng tồn kho cuối năm) trừ vào giá vốn hàng bán có sẵn để bán, hiệu của phép tính này là giá vốn hàng bán của quý vị trong niên thuế.

7.

Tính Toán Lợi Nhuận Gộp

Giới thiệu

Sau khi đã tính toán doanh thu gộp từ hoạt động kinh doanh của mình (chương 5) và giá vốn hàng bán (chương 6), quý vị đã sẵn sàng để tính toán lợi nhuận gộp (gross profit) của mình. Quý vị phải xác định lợi nhuận gộp trước khi có thể khấu trừ bất kỳ chi phí kinh doanh nào. Những chi phí này được thảo luận trong chương 8.

Hoạt động kinh doanh bán sản phẩm. Tính lợi nhuận gộp của quý vị bằng cách tính toán doanh thu thuần (net receipts) trước tiên. Tính toán doanh thu thuần (dòng 3) trong Bảng C bằng cách trừ đi bất kỳ hàng trả lại và khoản giảm giá nào (dòng 2) từ doanh thu gộp (dòng 1). Hàng trả lại và khoản giảm giá bao gồm các khoản bồi hoàn bằng tiền mặt hoặc ghi có mà quý vị thực hiện cho khách hàng, tiền hoàn lại và các khoản giảm giá khác ngoài giá bán thực tế.

Tiếp theo, trừ giá vốn hàng bán (dòng 4) vào doanh thu thuần (dòng 3). Kết quả là lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của quý vị.

Hoạt động kinh doanh bán dịch vụ. Quý vị không phải tính giá vốn hàng bán nếu việc bán hàng hóa không phải là yếu tố tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp của quý vị. Lợi nhuận gộp của quý vị tương đương với doanh thu thuần (doanh thu gộp

trừ đi bất kỳ khoản hoàn trả, tiền hoàn lại hay khoản giảm giá khác nào). Hầu hết các ngành nghề và hoạt động kinh doanh bán dịch vụ chứ không phải sản phẩm có thể tính toán lợi nhuận gộp trực tiếp từ doanh thu thuần theo cách này.

Ví dụ minh họa. Ví dụ minh họa về phần lợi nhuận gộp có trong khai báo thu nhập của một doanh nghiệp bán lẻ trình bày cách tính lợi nhuận gộp.

Báo Cáo Thu Nhập
Kết Thúc Năm vào Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Doanh thu gộp	$400.000
Trừ đi: Hàng trả lại và khoản giảm giá	14.940
Doanh thu thuần	$385.060
Trừ đi: Giá vốn hàng bán	288.140
Lợi nhuận gộp	**$96.920**

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp này được tính như sau.

Hàng tồn kho đầu năm		$37.845
Cộng với: Chi phí mua hàng	$285.900	
Trừ đi: Các mặt hàng được rút lại để sử dụng cho mục đích cá nhân	2.650	283.250
Hàng hóa có sẵn để bán		$321.095
Trừ đi: Hàng tồn kho cuối năm		32.955
Giá vốn hàng bán		**$288.140**

Các Mục Cần Kiểm Tra

Vui lòng xem xét các mục sau đây trước khi tính toán lợi nhuận gộp của quý vị.

Doanh thu gộp. Vào cuối mỗi ngày hoạt động kinh doanh, vui lòng bảo đảm rằng sổ sách của quý vị cân bằng với các khoản thu bằng tiền mặt và được ghi có thực tế trong ngày. Quý vị có thể thấy hữu ích khi sử dụng máy tính tiền để theo dõi các khoản thu. Quý vị cũng nên sử dụng hệ thống lập hóa đơn phù hợp và nắm giữ một tài khoản ngân hàng riêng cho doanh nghiệp của mình.

Thuế bán hàng đã thu. Kiểm tra để bảo đảm rằng văn kiện của quý vị biểu diễn đúng khoản thuế bán hàng đã thu.

Nếu thu thuế bán hàng của tiểu bang và địa phương áp dụng cho quý vị với tư cách là người bán hàng hóa hoặc dịch vụ từ người mua, quý vị phải bao gồm số tiền thu được trong doanh thu gộp.

Nếu được yêu cầu thu thuế của tiểu bang và địa phương áp dụng cho người mua và chuyển chúng cho chính phủ tiểu bang hoặc địa phương, quý vị thường không tính những khoản này vào thu nhập.

Hàng tồn kho đầu năm. So sánh con số này với hàng tồn kho cuối kỳ của năm ngoái. Hai con số này thường phải giống nhau.

Chi phí mua hàng. Nếu quý vị lấy bất kỳ mặt hàng nào trong kho để sử dụng cho mục đích cá nhân của mình (sử dụng cho bản thân, cung cấp cho gia đình hoặc làm quà tặng cá nhân, v.v.), vui lòng bảo đảm loại bỏ chúng khỏi giá vốn hàng bán. Để nắm được chi tiết về cách điều chỉnh giá vốn hàng bán, xem *Hàng hóa rút lại không bán* trong chương 6.

Hàng tồn kho cuối năm. Kiểm tra để bảo đảm rằng những thủ tục của quý vị kiểm kê hàng tồn kho là đầy đủ. Những thủ tục này phải bảo đảm tất cả các mặt hàng đã được tính vào hàng tồn kho và các kỹ thuật định giá phù hợp đã được sử dụng.

Sử dụng mẫu đơn cho hàng tồn kho và giấy cuộn máy cộng làm bằng chứng duy nhất cho hàng tồn kho của quý vị. Mẫu đơn cho hàng tồn kho có sẵn tại các cửa hàng cung cấp thiết bị văn phòng. Các mẫu đơn này có các cột để ghi chép mô tả, số lượng, đơn giá và giá trị của từng mặt hàng tồn kho. Mỗi trang đều có khoảng trống để ghi lại ai là người thực hiện kiểm kê, người định giá các mặt hàng, người thực hiện phép tính nhân số lượng và đơn giá và người đã hiệu đính các phép tính. Các mẫu đơn này sẽ làm hài lòng quý vị với việc tổng chi phí cho hàng tồn kho được tính toán chính xác. Chúng cũng sẽ cung cấp cho quý vị một văn kiện bền vững nhằm củng cố giá trị pháp lý của nó.

Hàng tồn kho được thảo luận trong chương 2.

Kiểm Tra Độ Chính Xác của Lợi Nhuận Gộp

Nếu đang kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn, quý vị có thể kiểm tra tính chính xác của việc tính toán lợi nhuận gộp của mình. Đầu tiên, chia lợi nhuận gộp cho doanh thu thuần. Tỷ lệ phần trăm thu được là thước đo mức chênh lệch trung bình giữa giá vốn hàng bán và giá bán.

Tiếp theo, so sánh tỷ lệ phần trăm này với chính sách định mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của quý vị. Việc không có chênh lệch hoặc có sự chênh lệch nhỏ giữa hai tỷ lệ phần trăm này cho thấy rằng con số lợi nhuận gộp của quý vị là chính xác. Mức chênh lệch lớn giữa các tỷ lệ phần trăm này có thể cho thấy rằng quý vị đã không tính toán chính xác doanh số bán hàng, chi phí mua hàng, hàng tồn kho hoặc các hạng mục chi phí khác. Quý vị nên xác định lý do cho sự chênh lệch đó.

Ví dụ. Joe Able điều hành một doanh nghiệp bán lẻ. Trung bình, anh ấy định mức giá bán cao hơn giá vốn của hàng hóa sao cho lợi nhuận gộp thực nhận là 33 1/3% doanh số bán hàng. doanh thu thuần (doanh thu gộp trừ đi khoản hàng trả lại và khoản giảm giá) được thể hiện trên khai báo thu nhập của anh ấy là $300.000. Giá vốn hàng bán của anh ấy là $200.000. Điều này dẫn đến lợi nhuận gộp là $100.000 ($300.000 – $200.000). Để kiểm tra độ chính xác của kết quả năm nay, Joe chia lợi nhuận gộp ($100.000) cho doanh thu thuần (300.000 đô la). Kết quả là 33 1/3% xác nhận mức phần trăm định mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn là 33 1/3% của anh ấy là chính xác.

Các Khoản Bổ Sung vào Lợi Nhuận Gộp

Nếu doanh nghiệp của quý vị có thu nhập từ một nguồn khác với hoạt động kinh doanh thông thường của nó, vui lòng nhập khoản thu nhập đó vào dòng 6 của Bảng C và cộng nó vào lợi

nhuận gộp. Kết quả là tổng thu nhập kinh doanh. Một số ví dụ bao gồm thu nhập từ tài khoản séc trả lãi, thu nhập từ bán phế liệu, thu nhập từ một số khoản tín thuế và hoàn thuế nhiên liệu, cũng như số tiền được thu hồi từ các khoản nợ khó đòi.

8.

Chi Phí Kinh Doanh

Giới thiệu

Quý vị có thể khấu trừ chi phí điều hành hoạt động kinh doanh của mình. Những chi phí này được gọi là chi phí kinh doanh. Đây là những chi phí mà quý vị không phải vốn hóa hoặc tính vào giá vốn hàng bán nhưng có thể khấu trừ trong năm hiện tại.

Để được khấu trừ, một khoản chi phí kinh doanh phải là cần thiết theo thông lệ. Một khoản chi phí thông thường là một khoản chi phổ biến và được chấp nhận trong lĩnh vực kinh doanh của quý vị. Một khoản chi phí cần thiết là một khoản chi hữu ích và phù hợp với doanh nghiệp của quý vị. Một khoản chi không nhất thiết phải mang tính bắt buộc để được coi là cần thiết.

Để biết thêm thông tin về các quy tắc chung cho việc khấu trừ chi phí kinh doanh, xem chương 1 của Ấn Phẩm 535.

CAUTION *Nếu quý vị có một khoản chi mà một phần của nó được dành cho hoạt động kinh doanh và một phần cho mục đích cá nhân, vui lòng tách phần chi cho mục đích cá nhân ra khỏi phần kinh doanh. Phần chi phí cá nhân không được khấu trừ.*

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- ❑ **463** Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Ô Tô
- ❑ **535** Chi Phí Kinh Doanh
- ❑ **946** Cách Tính Khấu Hao Tài Sản

Xem chương 12 để nắm được thông tin về việc nhận các ấn phẩm và mẫu đơn.

Nợ Khó Đòi

Nếu có người nợ quý vị một khoản tiền mà quý vị không thể truy thu, quý vị có một khoản nợ khó đòi. Có hai loại nợ khó đòi — nợ khó đòi kinh doanh và nợ khó đòi phi kinh doanh.

Nợ khó đòi kinh doanh nói chung là một khoản nợ đến từ hoạt động thương mại hay kinh doanh của quý vị. Quý vị có thể khấu trừ các khoản nợ khó đòi kinh doanh như một khoản chi phí trên tờ khai thuế kinh doanh của mình.

Nợ khó đòi kinh doanh. Một khoản nợ khó đòi kinh doanh là khoản lỗ phát sinh từ sự vô giá trị của một trong hai khoản nợ dưới đây.

1. Được tạo ra hoặc mua lại trong quá trình kinh doanh của quý vị.
2. Liên quan mật thiết đến hoạt động kinh doanh của quý vị tại thời điểm nó trở nên vô giá trị một phần hoặc toàn bộ.

Một khoản nợ có liên quan mật thiết đến hoạt động kinh doanh của quý vị nếu động cơ chính khiến quý vị phát sinh khoản nợ là một lý do về kinh doanh.

Nợ khó đòi kinh doanh chủ yếu là kết quả của việc bán chịu cho khách hàng. Nợ khó đòi kinh doanh cũng có thể là kết quả của các khoản vay cho nhà cung cấp, khách hàng, nhân viên hoặc nhà phân phối. Hàng hóa và dịch vụ mà khách hàng chưa thanh toán được trình bày trong sổ sách của quý vị dưới dạng khoản phải thu hoặc thương phiếu phải thu. Nếu quý vị không thể truy thu bất kỳ phần nào của những khoản phải thu hoặc thương phiếu phải thu này, phần không thể truy thu được là nợ khó đòi kinh doanh.

CAUTION *Quý vị có thể khấu trừ khoản nợ khó đòi cho những khoản phải thu và thương phiếu phải thu này chỉ khi số tiền nợ được tính vào tổng thu nhập của quý vị cho năm yêu cầu khấu trừ hoặc cho một năm trước đó.*

Phương pháp kế toán tích lũy. Nếu sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, thông thường quý vị sẽ khai báo thu nhập khi kiếm được nó. Quý vị có thể khấu trừ nợ khó đòi cho một khoản phải thu không thể thu hồi nếu đã gộp số tiền không thể truy thu vào thu nhập.

Phương pháp chi thu bằng tiền mặt. Nếu sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt, quý vị thường khai báo thu nhập khi nhận được khoản chi trả. Quý vị không thể khấu trừ nợ khó đòi cho những khoản nợ chưa nhận được và không thể truy thu nếu quý vị chưa bao giờ tính những khoản đó vào thu nhập.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về nợ khó đòi kinh doanh, xem chương 10 của Ấn Phẩm 535.

Nợ khó đòi phi kinh doanh. Tất cả các khoản nợ khó đòi khác là nợ khó đòi phi kinh doanh và được khấu trừ vào khoản lỗ vốn ngắn hạn trên Mẫu 8949 và Bảng D (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về nợ khó đòi phi kinh doanh, xem Ấn Phẩm 550.

Chi Phí Xe Hơi và Xe Tải

Nếu sử dụng xe hơi hoặc xe tải trong hoạt động kinh doanh của mình, quý vị có thể được khấu trừ chi phí vận hành và bảo dưỡng xe. Quý vị cũng có thể khấu trừ chi phí vận tải địa phương cũng như chi phí công tác xa nhà qua đêm khác.

Chi phí vận tải địa phương. Chi phí vận tải địa phương bao gồm những chi phí cần thiết theo thông lệ cho tất cả các hoạt động sau.

- Di chuyển từ nơi làm việc này đến nơi làm việc khác trong quá trình hoạt động kinh doanh hoặc làm việc khi đi lại trong phạm vi thành phố hoặc khu vực là nơi chọn để khai

thuế của quý vị. Nơi chọn để khai thuế được định nghĩa ở phần sau.

- Gặp mặt khách hàng hoặc người tiêu dùng.
- Đi lại để tham dự những cuộc họp kinh doanh ở xa nơi làm việc thường ngày của quý vị.
- Đi từ nhà đến nơi làm việc tạm thời khi quý vị có một hoặc nhiều nơi làm việc thường ngày. Những nơi làm việc tạm thời này có thể nằm trong hoặc nằm ngoài phạm vi nơi chọn để khai thuế của quý vị.

Chi phí vận tải kinh doanh địa phương không bao gồm các chi phí phát sinh khi đi công tác xa nhà qua đêm. Những chi phí đó được khấu trừ như chi phí đi lại và được thảo luận ở phần sau trong mục *Đi Lại và Ăn Uống*. Tuy nhiên, nếu quý vị sử dụng xe hơi khi đi công tác xa nhà qua đêm, vui lòng sử dụng các quy tắc trong phần này để tính khoản khấu trừ chi phí xe hơi của mình.

Thông thường, nơi chọn để khai thuế là địa điểm kinh doanh thường ngày của quý vị, bất kể nơi ở của gia đình quý vị ở đâu. Nơi chọn để khai thuế bao gồm toàn bộ thành phố hoặc khu vực nói chung mà doanh nghiệp hoặc cơ quan của quý vị đặt trụ sở.

Ví dụ. Quý vị vận hành hoạt động kinh doanh in ấn tại một không gian văn phòng đi thuê. Quý vị sử dụng xe van của mình để vận chuyển thành phẩm tới khách hàng. Quý vị có thể khấu trừ chi phí vận chuyển khứ hồi giữa khách hàng và cửa hàng in ấn của mình.

CAUTION *Quý vị không thể khấu trừ chi phí di chuyển giữa nhà ở với nơi làm việc chính hoặc thường ngày của mình bằng xe hơi hoặc xe tải. Những chi phí này là chi phí đi lại giữa nhà và nơi làm việc của riêng cá nhân.*

Văn phòng tại nhà. Nơi làm việc có thể là nhà của quý vị nếu quý vị có một văn phòng trong nhà hội đủ điều kiện làm trụ sở chính cho hoạt động kinh doanh của mình. Để biết thêm thông tin, xem *Sử Dụng Nhà Ở Vào Mục Đích Kinh Doanh* ở phần sau.

Ví dụ. Quý vị là một nhà thiết kế đồ họa. Quý vị vận hành hoạt động kinh doanh có phạm vi nằm ngoài ngôi nhà của mình. Nhà của quý vị hội đủ điều kiện làm trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh. Đôi khi quý vị phải lái xe để giao thành phẩm của mình cho khách hàng. Quý vị có thể khấu trừ chi phí vận chuyển khứ hồi từ nhà ở đến khách hàng của mình.

Phương Pháp Khấu Trừ Chi Phí Xe Hơi và Xe Tải

Đối với vận tải địa phương hoặc đi công tác qua đêm bằng xe hơi hoặc xe tải, quý vị thường có thể sử dụng một trong các phương pháp sau để tính toán chi phí của mình.

- Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường.
- Chi phí thực tế.

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Quý vị có thể sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường để tính chi phí được khấu trừ khi di chuyển bằng xe hơi, xe van, xe bán tải hoặc xe tải của mình cho mục đích kinh doanh. Đối với năm 2021, mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường là 56 xu trên một dặm.

CAUTION *Nếu chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường trong một năm, quý vị không thể khấu trừ chi phí thực tế của mình cho năm đó ngoại trừ phí đậu xe và lệ phí xa lộ có liên quan đến việc kinh doanh.*

Lựa chọn mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Nếu muốn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường cho một chiếc xe hơi hoặc xe tải mà bản thân sở hữu, quý vị phải chọn sử dụng mức đó trong năm đầu tiên chiếc xe đó có thể dùng trong hoạt động kinh doanh của mình. Trong những năm sau đó, quý vị có thể chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường hoặc chi phí thực tế.

Nếu chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường cho một chiếc xe hơi mà bản thân thuê, quý vị phải sử dụng nó cho toàn bộ thời gian thuê (bao gồm cả gia hạn).

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường không được cho phép. Không thể sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường nếu quý vị:

1. Vận hành 5 xe hơi trở lên cùng một lúc;
2. Đã yêu cầu một khoản khấu trừ khấu hao bằng cách sử dụng bất kỳ phương pháp nào khác ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, ví dụ như ACRS hoặc MACRS;
3. Đã yêu cầu một khoản khấu trừ theo đoạn 179 cho chiếc xe đó;
4. Đã yêu cầu khoản phụ cấp khấu hao đặc biệt cho chiếc xe đó;
5. Đã kê khai chi phí xe hơi thực tế cho một chiếc xe mà mình thuê; hoặc
6. Là một người đưa thư vùng nông thôn đã nhận được một khoản hoàn trả đủ tiêu chuẩn.

Phí đạu xe và lệ phí xa lộ. Ngoài việc sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường, quý vị có thể khấu trừ bất kỳ khoản phí đậu xe và lệ phí xa lộ nào liên quan đến việc kinh doanh. (Khoản phí quý vị trả để đậu xe tại nơi làm việc là chi phí đi lại giữa nhà và nơi làm việc không được khấu trừ.)

Chi phí thực tế. Nếu không chọn sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường, quý vị có thể được khấu trừ chi phí thực tế cho xe hơi hoặc xe tải của mình.

TIP *Nếu quý vị hội đủ điều kiện để sử dụng cả hai phương pháp, vui lòng tính khoản khấu trừ của mình theo cả hai cách để xem cách nào mang lại khoản khấu trừ lớn hơn.*

Chi phí xe hơi thực tế bao gồm chi phí cho các khoản sau đây.

Khấu hao	Tiền thuê	Đăng kiểm
Thuê ga-ra để xe	Giấy phép	Sửa chữa
Xăng	Dầu	Lốp xe
Bảo hiểm	Phí đậu xe	Lệ phí xa lộ

Nếu sử dụng phương tiện của mình cho cả mục đích kinh doanh và mục đích cá nhân, quý vị phải phân chia chi phí của mình giữa hai mục đích sử dụng trên. Quý vị có thể phân chia

chi phí của mình dựa trên số dặm đường đã lái cho từng mục đích.

Ví dụ. Quý vị là chủ sở hữu duy nhất của một cửa hàng hoa. Quý vị đã lái chiếc xe van của mình 20.000 dặm trong năm. 16.000 dặm dành cho việc giao hoa cho khách hàng và 4.000 dặm dành cho mục đích cá nhân (bao gồm cả số dặm đi lại giữa nhà và nơi làm việc). Quý vị chỉ có thể kê khai 80% (16.000 ÷ 20.000) chi phí vận hành xe van của mình như một chi phí kinh doanh.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về các quy tắc khi kê khai chi phí xe hơi và xe tải, xem Ấn Phẩm 463.

Hoàn Trả Chi phí Cho Nhân Viên của Quý Vị

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ số tiền mà bản thân hoàn trả cho nhân viên của mình đối với chi phí xe hơi và xe tải. Khoản hoàn trả mà quý vị khấu trừ và cách thức khấu trừ phụ thuộc một phần vào việc quý vị hoàn trả các chi phí theo chương trình trách nhiệm hay chương trình không chịu trách nhiệm. Để biết thêm chi tiết, xem chương 11 của Ấn Phẩm 535. Chương này giải thích các chương trình trách nhiệm cũng như chương trình không chịu trách nhiệm và cho quý vị biết liệu có nên khai các khoản hoàn trả trong Mẫu W-2 của nhân viên của mình hay không.

Khấu hao

Nếu tài sản mà quý vị mua để sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình được dự kiến sẽ tồn tại hơn 1 năm, quý vị thường không thể khấu trừ toàn bộ chi phí như một khoản chi phí kinh doanh trong năm quý vị mua tài sản đó. Quý vị phải dàn trải chi phí trong hơn 1 niên thuế và khấu trừ một phần chi phí đó mỗi năm trong Bảng C. Phương pháp khấu trừ giá trị tài sản kinh doanh này được gọi là khấu hao.

Sau đây là một cái nhìn tổng quan ngắn gọn. Quý vị sẽ tìm thấy thêm thông tin về khấu hao trong Ấn Phẩm 946.

Những tài sản nào có thể được khấu hao? Quý vị có thể khấu hao tài sản nếu nó đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Tài sản đó phải thuộc sở hữu của quý vị.
- Tài sản đó phải được sử dụng trong hoạt động kinh doanh hoặc được nắm giữ để tạo ra thu nhập. Quý vị không bao giờ có thể khấu hao hàng tồn kho (đã được giải thích trong chương 2) vì nó không được nắm giữ để sử dụng trong hoạt động kinh doanh của quý vị.
- Tài sản đó phải có thời gian sử dụng kéo dài đáng kể sau năm được đưa vào sử dụng.
- Tài sản đó phải có thời gian sử dụng có thể xác định, có nghĩa là tài sản này phải là thứ có khả năng bị hao mòn, mục nát, bị sử dụng hết, trở nên lỗi thời hoặc mất giá trị do các nguyên nhân tự nhiên. Quý vị không bao giờ có thể khấu hao giá đất vì đất không bị hao mòn, lỗi thời hoặc bị sử dụng đến kiệt quệ.
- Tài sản đó không phải là tài sản bị loại trừ. Mục này bao gồm tài sản được đưa vào sử dụng và được thanh lý trong cùng một năm.

Sửa chữa. Thông thường, quý vị không khấu hao chi phí sửa chữa hoặc bảo trì nếu những chi phí này không cải tiến tài sản của quý vị. Thay vào đó, quý vị khấu trừ những số tiền này ở dòng 21 của Bảng C. Chi phí cải tiến là số tiền được trả cho những cải tiến đối với tài sản, phục hồi tài sản hoặc công việc khiến tài sản của quý vị trở nên phù hợp với mục đích sử dụng mới hoặc khác.

Lựa chọn vốn hóa chi phí sửa chữa và bảo trì, với điều kiện chúng không cải tiến tài sản của quý vị. Quý vị có thể đưa ra lựa chọn coi một số sửa chữa hoặc thay thế nhất định trong hoạt động thương mại hay kinh doanh của mình là những cải tiến phải khấu hao. Lựa chọn này có thể được thực hiện nếu quý vị coi số tiền này là khoản chi cho đầu tư dài hạn trên sổ sách và hồ sơ thường xuyên được sử dụng để tính toán thu nhập và chi phí của mình. Việc lựa chọn vốn hóa chi phí sửa chữa và bảo trì được thảo luận trong chương 1 của Ấn Phẩm 535.

Phương pháp khấu hao. Phương pháp áp dụng cho việc khấu hao hầu hết các tài sản đầu tư và kinh doanh được đưa vào sử dụng sau năm 1986 được gọi là Hệ Thống Phục Hồi Giá Tăng Cao Được Sửa Đổi (MACRS). MACRS được thảo luận chi tiết trong Ấn Phẩm 946.

Khoản khấu trừ theo đoạn 179. Quý vị có thể lựa chọn khấu trừ một số tiền có hạn mức đối với giá cả của một tài sản phải khấu hao trong năm quý vị đưa tài sản này vào sử dụng. Khoản khấu trừ này được gọi là khoản khấu trừ theo đoạn 179. Số tiền tối đa quý vị có thể chọn để khấu trừ trong năm 2021 thường là $1.050.000 (hạn mức cao hơn được áp dụng cho một số tài sản nhất định).

Hạn mức này thường được trừ đi số tiền dư ra khi chi phí của tài sản được đưa vào sử dụng trong niên thuế vượt quá $2.620.000. Tổng số tiền khấu hao (bao gồm khoản khấu trừ theo đoạn 179) mà quý vị có thể tính cho một chiếc xe ô-tô chở khách sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình và đưa vào sử dụng lần đầu tiên vào năm 2021 là $10.200 ($18.200 nếu quý vị tính cả phụ cấp khấu hao đặc biệt cho những chiếc xe ô-tô chở khách đủ điều kiện được đưa vào phục vụ năm 2021). Các quy tắc đặc biệt áp dụng cho xe tải và xe van. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 946. Ấn phẩm này giải thích tài sản nào đủ tiêu chuẩn để được khấu trừ, những hạn mức nào áp dụng cho khoản khấu trừ, cũng như khi nào và làm cách nào để thu hồi khoản khấu trừ.

CAUTION *Lựa chọn theo đoạn 179 của quý vị cho chi phí của xe thể thao đa dụng (SUV) và một số loại xe khác được giới hạn ở mức $26.200. Để biết thêm thông tin, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 4562 hoặc Ấn Phẩm 946.*

Tài sản được liệt kê. Quý vị phải tuân theo các quy tắc và những yêu cầu về sổ sách kế toán đặc biệt khi khấu hao tài sản được liệt kê. Tài sản được liệt kê bao gồm bất kỳ mục nào sau đây.

- Hầu hết các loại xe ô-tô chở khách.
- Hầu hết những tài sản được sử dụng vào việc vận chuyển khác.

- Bất kỳ tài sản nào thường được sử dụng vào việc giải trí, vui chơi hoặc tiêu khiển.

Để biết thêm thông tin về tài sản được liệt kê, xem Ấn Phẩm 946.

Mẫu 4562. Sử dụng Mẫu 4562, Khấu Hao Tài Sản Cố Định Hữu Hình và Khấu Hao Tài Sản Cố Định Vô Hình, nếu quý vị yêu cầu bất kỳ khoản nào dưới đây.

- Khoản khấu hao đối với tài sản được đưa vào sử dụng trong niên thuế hiện hành.
- Một khoản khấu trừ theo đoạn 179.
- Khoản khấu hao đối với bất kỳ tài sản được liệt kê nào (bất kể thời điểm nó được đưa vào sử dụng).

Khoản Chi Trả Cho Nhân Viên

Quý vị thường có thể khấu trừ trong Bảng C khoản chi trả mà quý vị chi trả cho nhân viên của mình đối với những dịch vụ mà họ đã thực hiện cho doanh nghiệp. Khoản chi trả có thể bằng tiền mặt, tài sản hoặc dịch vụ.

Để được khấu trừ, khoản chi trả cho nhân viên của quý vị phải là một khoản chi phí cần thiết theo thông lệ, đồng thời quý vị phải chi trả hoặc phải chịu khoản chi trả đó trong niên thuế. Ngoài ra, khoản chi trả phải đáp ứng cả hai điều kiện sau đây.

- Khoản chi trả phải hợp lý.
- Khoản chi trả phải là cho những dịch vụ đã thực hiện.

Chương 2 của Ấn Phẩm. 535 giải thích và xác định những yêu cầu này.

Quý vị không thể khấu trừ lương bổng của chính mình hoặc bất kỳ khoản rút tiền nào từ hoạt động kinh doanh của mình cho mục đích cá nhân. Với tư cách là doanh nghiệp cá thể, quý vị không phải là nhân viên của doanh nghiệp.

Các hình thức chi trả. Một số cách quý vị có thể chi trả cho nhân viên của mình được liệt kê dưới đây. Để được giải thích cho từng mục ở đây, xem Chương 2 của Ấn Phẩm 535.

- Phần thưởng.
- Tiền thưởng.
- Chi phí giáo dục.
- Quyền lợi phụ (được thảo luận ở phần sau).
- Các khoản cho vay hoặc ứng trước mà quý vị không mong đợi nhân viên sẽ trả lại nếu chúng được dành cho các dịch vụ cá nhân đã thực sự được thực hiện.
- Tài sản quý vị chuyển giao cho một nhân viên như một khoản chi trả cho các dịch vụ.
- Các khoản hoàn trả cho chi phí công việc của nhân viên.
- Tiền lương trả khi nghỉ bệnh.
- Tiền lương nghỉ phép.

Quyền lợi phụ. Quyền lợi phụ là một hình thức chi trả cho việc thực hiện dịch vụ. Sau đây là những ví dụ về quyền lợi phụ.

- Những quyền lợi được hưởng theo các chương trình quyền lợi của nhân viên đủ tiêu chuẩn.
- Bữa ăn và chỗ ở.
- Sử dụng một chiếc xe hơi.
- Các chuyến bay.
- Giảm giá tài sản hoặc dịch vụ.

Các chương trình quyền lợi của nhân viên bao gồm những mục sau đây.

- Gói bảo hiểm y tế và tai nạn.
- Hỗ trợ nhận con nuôi.
- Chương trình phúc lợi tự chọn “cafeteria”.
- Hỗ trợ chăm sóc người phụ thuộc.
- Hỗ trợ giáo dục.
- Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn.
- Quỹ trợ cấp phúc lợi.

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ chi phí của những quyền lợi phụ mà bản thân cung cấp trong Bảng C bất kể chi phí này thuộc loại nào. Ví dụ như, nếu quý vị cho phép nhân viên sử dụng xe hơi hoặc tài sản khác mà bản thân thuê, vui lòng khấu trừ giá thuê dưới dạng chi phí thuê. Nếu quý vị sở hữu tài sản, vui lòng bao gồm khoản khấu trừ cho nguyên giá hoặc trị giá cơ bản khác của tài sản đó như một khoản khấu trừ theo đoạn 179 hoặc khoản khấu trừ khấu hao.

TIP *Quý vị có thể loại trừ khỏi lương bổng của nhân viên tất cả hoặc một phần những quyền lợi phụ mà bản thân cung cấp. Để biết thêm thông tin về quyền lợi phụ và loại trừ quyền lợi, xem Ấn Phẩm 15-B.*

Bảo hiểm

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ phí mua bảo hiểm mà quý vị chi trả cho các loại bảo hiểm liên quan đến doanh nghiệp của mình dưới đây.

1. Bảo hiểm hỏa hoạn, trộm cắp, lũ lụt, hoặc các loại bảo hiểm tương tự.
2. Bảo hiểm tín dụng bao gồm lỗ từ nợ khó đòi kinh doanh.
3. Bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh tập thể cho nhân viên, bao gồm cả bảo hiểm chăm sóc dài hạn.
4. Bảo hiểm trách nhiệm.
5. Bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp bao gồm trách nhiệm cá nhân của quý vị đối với sơ suất nghề nghiệp dẫn đến thương tích hoặc thiệt hại cho bệnh nhân hoặc khách hàng.
6. Khoản bảo hiểm bồi thường cho người lao động do luật pháp ở tiểu bang quy định bảo hiểm cho bất kỳ yêu cầu bồi thường nào đối với thương tích cơ thể hoặc bệnh tật liên quan đến công việc mà nhân viên trong doanh nghiệp của quý vị phải chịu, bất kể sai sót dẫn đến sự cố là gì.
7. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp của tiểu bang được khấu trừ dưới dạng thuế nếu chúng được coi là thuế theo luật tiểu bang.

8. Khoản bảo hiểm tổng thể trả cho những chi phí chung trong kinh doanh mà quý vị phải chịu trong thời gian dài bị thương tật do ốm đau hoặc thương tích.
9. Khoản bảo hiểm xe hơi và các phương tiện khác bảo hiểm cho các phương tiện được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của quý vị trước trách nhiệm pháp lý, thiệt hại và những lỗ khác. Nếu quý vị sử dụng một phương tiện một phần cho mục đích cá nhân, vui lòng chỉ khấu trừ phần phí mua bảo hiểm tương ứng với việc sử dụng xe cho mục đích kinh doanh. Nếu sử dụng mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường để tính toán chi phí xe hơi của mình, quý vị không thể khấu trừ bất kỳ khoản phí mua bảo hiểm xe hơi nào.
10. Bảo hiểm nhân thọ dành cho nhân viên nếu quý vị không phải trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng theo hợp đồng.
11. Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh chi trả cho lợi nhuận bị mất nếu doanh nghiệp của quý vị buộc phải ngừng hoạt động do hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khác.

Phí mua bảo hiểm không được khấu trừ. Quý vị không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho các loại bảo hiểm sau đây.

1. Quỹ dự phòng tự bảo hiểm. Quý vị không thể khấu trừ số tiền được ghi có vào khoản dự phòng được thiết lập cho mục đích tự bảo hiểm. Điều này được áp dụng ngay cả khi quý vị không thể nhận được bảo hiểm kinh doanh cho một số rủi ro kinh doanh. Tuy nhiên, các lỗ thực tế của quý vị có thể được khấu trừ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 547, Tai Họa, Thiên Tai và Trộm Cắp.
2. Mất thu nhập. Quý vị không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho một hợp đồng chi trả cho khoản thu nhập bị mất của bản thân do ốm đau hoặc thương tật. Tuy nhiên, xem mục (8) trong danh sách trước.
3. Một số bảo hiểm nhân thọ và niên kim.
   a. Đối với các hợp đồng được ban hành trước ngày 9 tháng 6 năm 1997, quý vị không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm vào hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bản thân hoặc nhân viên hay bất kỳ người nào có quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp của mình nếu quý vị trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng hợp đồng đó. Quý vị có khả năng nằm trong số những người thụ hưởng hợp đồng nếu chủ sở hữu hợp đồng có nghĩa vụ hoàn trả khoản vay từ quý vị bằng số tiền thu được từ hợp đồng. Một người có quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp của quý vị nếu người đó là chủ sở hữu hay người đồng sở hữu của doanh nghiệp hoặc đã cho doanh nghiệp vay tiền.
   b. Đối với các hợp đồng được ban hành sau ngày 8 tháng 6 năm 1997, quý vị thường không được khấu trừ phí mua bảo hiểm trên bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp hoặc hợp đồng bảo hiểm niên kim nếu bản thân trực tiếp hoặc gián tiếp là người thụ hưởng. Việc bác bỏ được áp dụng mà không liên quan đến đối tượng của hợp đồng.
4. Bảo hiểm đảm bảo khoản vay. Nếu ký một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bản thân hoặc một người khác với quyền lợi tài chính trong doanh nghiệp để nhận hoặc bảo đảm một khoản vay kinh doanh, quý vị không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm dưới dạng chi phí kinh doanh. Quý vị cũng không thể khấu trừ phí mua bảo hiểm dưới dạng tiền lãi của các khoản vay kinh doanh hoặc chi phí của các khoản vay tài trợ. Trong trường hợp qua đời, số tiền thu được từ hợp đồng không bị đánh thuế như thu nhập ngay cả khi chúng được sử dụng để thanh lý khoản nợ.

Khoản khấu trừ bảo hiểm y tế tự kinh doanh. Quý vị có thể khấu trừ số tiền đã chi trả cho bảo hiểm y tế và nha khoa cũng như bảo hiểm chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn cho bản thân và gia đình.

Cách tính khoản khấu trừ. Thông thường, quý vị có thể sử dụng tờ lược toán trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 để tính khoản khấu trừ của mình. Tuy nhiên, nếu bất kỳ điều nào dưới đây được áp dụng, quý vị phải sử dụng tờ lược toán trong chương 6 của Ấn Phẩm. 535.

- Quý vị có nhiều hơn một nguồn thu nhập phải chịu thuế tự kinh doanh.
- Quý vị đã nộp Mẫu 2555 (liên quan đến thu nhập kiếm được ở nước ngoài).
- Quý vị đang sử dụng số tiền đã trả cho bảo hiểm chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn để tính toán khoản khấu trừ.

Sử dụng Ấn Phẩm 974 thay vì tờ lược toán trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 nếu chương trình bảo hiểm mà được xác lập, hoặc được coi là đã được xác lập, trong hoạt động kinh doanh của quý vị được tiếp nhận thông qua Thị Trường Bảo Hiểm Sức Khỏe, đồng thời quý vị đang yêu cầu tín thuế bảo phí.

Trả trước. Quý vị không thể khấu trừ trước các chi phí trả trước, ngay cả khi đã trả trước. Quy tắc này được áp dụng cho bất kỳ khoản chi phí nào được chi trả trước đủ sớm để, về cơ bản, tạo ra một tài sản có thời gian sử dụng kéo dài đáng kể sau khi kết thúc niên thuế hiện hành.

Ví dụ. Năm 2021, quý vị ký hợp đồng bảo hiểm 3 năm. Mặc dù đã đóng phí mua bảo hiểm cho các năm 2021, 2022 và 2023 khi ký hợp đồng, nhưng quý vị chỉ có thể khấu trừ phí mua bảo hiểm cho năm 2021 trên tờ khai thuế năm 2021 của mình. Quý vị có thể khấu trừ vào năm 2022 và 2023 phí mua bảo hiểm được dùng cho những năm đó.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ bảo hiểm, xem chương 6 của Ấn Phẩm. 535.

Tiền lãi

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ dưới dạng chi phí kinh doanh một số hoặc tất cả tiền lãi mà bản thân chi trả hoặc tích lũy trong niên thuế đối với các khoản nợ liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình. Tiền lãi liên quan đến hoạt động kinh doanh của quý vị nếu quý vị sử dụng khoản vay để chi trả chi phí kinh doanh. Không quan trọng khoản vay đó được đảm bảo bởi loại tài sản nào. Quý vị chỉ có thể khấu trừ tiền lãi của một khoản nợ nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Quý vị phải chịu trách nhiệm pháp lý về khoản nợ đó.

- Cả quý vị và người cho vay tiền đều có ý định rằng khoản nợ phải được trả.
- Quý vị và người cho vay thực sự có mối quan hệ bên vay-bên cho vay.

Một số người đóng thuế được yêu cầu giới hạn khoản khấu trừ chi phí tiền lãi kinh doanh của họ. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8990 để xác định xem liệu quý vị có được yêu cầu giới hạn khoản khấu trừ chi phí tiền lãi kinh doanh của mình hay không, ai được yêu cầu nộp Mẫu 8990 và cách một số doanh nghiệp có thể lựa chọn không giới hạn chi phí tiền lãi kinh doanh.

Quý vị không thể khấu trừ trong Bảng C khoản tiền lãi đã trả cho các khoản vay cá nhân. Nếu khoản vay là một phần cho mục đích kinh doanh và một phần cho mục đích cá nhân, quý vị phải phân chia tiền lãi giữa hai phần.

Ví dụ. Vào năm 2021, quý vị đã trả $600 tiền lãi cho một khoản vay mua xe hơi. Trong năm 2021, quý vị đã sử dụng chiếc xe với tỉ lệ 60% cho mục đích kinh doanh và 40% cho mục đích cá nhân. Quý vị đang kê khai chi phí thực tế cho chiếc xe. Quý vị chỉ có thể khấu trừ $360 (60% (0,60) × $600) cho năm 2021 trong Bảng C. Số tiền lãi $240 còn lại là các chi phí của riêng cá nhân không thể khấu trừ.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về khấu trừ tiền lãi, xem chương 4 của Ấn Phẩm 535. Chương đó giải thích các mục sau đây.

- Tiền lãi quý vị có thể khấu trừ.
- Tiền lãi quý vị không được khấu trừ.
- Cách phân bổ tiền lãi giữa mục đích cá nhân và mục đích kinh doanh.
- Giới hạn tiền lãi kinh doanh.
- Thời điểm khấu trừ tiền lãi.
- Các quy tắc cho khoản vay có lãi suất thấp hơn so với thị trường. (Đây thường là một khoản cho vay không lãi suất hoặc có lãi suất với tỷ lệ thấp hơn lãi suất liên bang hiện hành.)

Chi Phí Pháp Lý và Chi Phí Dịch Vụ Chuyên Môn

Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn, chẳng hạn như phí trả cho kế toán viên, là những chi phí cần thiết theo thông lệ liên quan trực tiếp đến việc vận hành hoạt động kinh doanh của quý vị được khấu trừ trong Bảng C. Tuy nhiên, quý vị thường không thể khấu trừ các khoản chi phí pháp lý dành cho việc mua lại tài sản kinh doanh. Cộng các khoản phí này vào trị giá cơ bản của tài sản.

Nếu khoản phí bao gồm các khoản chi trả cho công việc mang tính chất cá nhân (chẳng hạn như lập di chúc), quý vị chỉ có thể khấu trừ như chi phí kinh doanh đối với phần của khoản phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình.

Phí khai thuế. Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C chi phí chuẩn bị phần đó trên tờ khai thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhân viên pháp định.

Quý vị cũng có thể khấu trừ trong Bảng C số tiền phải trả hoặc phải chịu khi giải quyết số tiền thuế thiếu đã được xác nhận cho doanh nghiệp của mình với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhân viên pháp định.

Chương trình hưu trí

Quý vị có thể thiết lập và duy trì các chương trình hưu trí cho doanh nghiệp quy mô nhỏ dưới đây cho bản thân cũng như nhân viên của mình.

- Chương Trình SEP (Hưu Trí Nhân Viên Đơn Giản).
- Chương Trình SIMPLE (Kết Hợp Khuyến Khích Tiết Kiệm Cho Nhân Viên).
- Chương trình đủ điều kiện (bao gồm chương trình Keogh hoặc H.R. 10).

Chương trình SEP và SIMPLE cũng như chương trình đủ điều kiện cung cấp cho quý vị và nhân viên của mình một phương thức được ưu đãi về thuế để tiết kiệm cho việc nghỉ hưu. Quý vị có thể khấu trừ những khoản đóng góp của bản thân cho chương trình dành cho nhân viên của mình tại dòng 19 của Bảng C. Nếu là doanh nghiệp cá thể, quý vị có thể khấu trừ các khoản đóng góp của bản thân cho chương trình dành cho chính mình tại dòng 16 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Quý vị cũng có thể khấu trừ các khoản phí của người được ủy thác nếu chúng không được tính vào những khoản đóng góp cho chương trình. Thu nhập từ những khoản đóng góp thường được miễn thuế cho đến khi quý vị hoặc nhân viên của quý vị nhận được các khoản phân phối từ chương trình. Quý vị cũng có thể yêu cầu một khoản tín thuế nếu khởi động một chương trình phúc lợi được xác định hoặc chương trình đóng góp được xác định đủ tiêu chuẩn (bao gồm chương trình 401(k)), chương trình SIMPLE hoặc chương trình SEP. Khoản tín thuế này tương đương 50% chi phí thiết lập và quản lý chương trình cũng như tăng cường hiểu biết cho nhân viên về chương trình này, tối đa là $500 mỗi năm trong 3 năm đầu tiên của chương trình.

Theo một số chương trình nhất định, nhân viên có thể yêu cầu quý vị đóng góp những khoản tiền có giới hạn mà là một phần trong số tiền chưa tính thuế mà họ trả cho một chương trình. Những số tiền này (và thu nhập từ chúng) thường được miễn thuế cho đến khi nhân viên của quý vị nhận được khoản phân phối từ chương trình.

Để biết thêm thông tin về chương trình hưu trí cho doanh nghiệp nhỏ, xem Ấn Phẩm 560.

TIP *Ấn Phẩm 590-A, Khoản Đóng Góp cho Sắp Xếp Hưu Trí Cá Nhân (IRA), thảo luận về những phương thức khác được ưu đãi về thuế để tiết kiệm cho thời kỳ nghỉ hưu.*

Chi Phí Tiền Thuê

Tiền thuê là bất kỳ số tiền nào quý vị trả cho việc sử dụng tài sản mà bản thân không sở hữu. Thông thường, quý vị chỉ có thể khấu trừ tiền thuê như một chi phí kinh doanh nếu khoản tiền thuê đó là cho tài sản quý vị sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình. Nếu sở hữu tài sản hoặc sẽ nhận vốn sở hữu

hay quyền sở hữu đối với tài sản đó, quý vị không thể khấu trừ tiền thuê.

Tiền thuê không hợp lý. Quý vị không thể khấu trừ tiền thuê cho những khoản tiền thuê không hợp lý. Thông thường, vấn đề về tính hợp lý chỉ nảy sinh khi quý vị và người cho thuê có quan hệ liên quan với nhau. Khoản tiền thuê trả cho một người có quan hệ liên quan là hợp lý nếu nó bằng với số tiền quý vị sẽ trả cho một người lạ để sử dụng cùng một tài sản đó. Tiền thuê không được xem là không hợp lý chỉ vì nó được tính theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu gộp.

Những người có quan hệ liên quan bao gồm các thành viên trong gia đình trực hệ, bao gồm anh chị em (cùng hoặc khác cha hoặc mẹ), người phối ngẫu, bố mẹ, ông bà, cụ kị, và hậu duệ trực hệ của quý vị. Để nắm được danh sách những người có quan hệ liên quan khác, xem đoạn 267 của Luật Thuế Vụ.

Tiền thuê nhà của chính quý vị. Nếu thuê nhà và sử dụng một phần ngôi nhà của chính mình làm địa điểm kinh doanh, quý vị có thể khấu trừ tiền thuê nhà phải trả cho phần đó. Quý vị phải đáp ứng các yêu cầu của việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh. Để biết thêm thông tin, xem *Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh* ở phần sau.

Tiền thuê trả trước. Thông thường, tiền thuê được chi trả trong hoạt động kinh doanh của quý vị được khấu trừ vào năm mà khoản tiền đó được trả hoặc tích lũy. Nếu trả trước tiền thuê, quý vị chỉ có thể khấu trừ số tiền áp dụng cho việc sử dụng tài sản thuê của mình trong niên thuế. Quý vị chỉ có thể khấu trừ phần còn lại của khoản chi trả của mình trong khoảng thời gian áp dụng cho khoản tiền này.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về tiền thuê, xem chương 3 của Ấn Phẩm 535.

Thuế

Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C các loại thuế liên bang, tiểu bang, địa phương cũng như thuế đánh trên thu nhập kiếm được từ nước ngoài mà được gán trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của mình.

Thuế Thu Nhập. Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C một loại thuế của tiểu bang đối với tổng thu nhập (gross income) (phân biệt với thu nhập ròng (net income)) được gán trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của mình. Quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập khác của tiểu bang và địa phương trong Bảng A (Mẫu 1040) nếu liệt kê các khoản khấu trừ của mình. Vui lòng không khấu trừ thuế thu nhập liên bang.

Thuế việc làm. Quý vị có thể khấu trừ các khoản thuế an sinh xã hội, thuế Medicare, và thuế FUTA mà bản thân đã chi trả từ quỹ riêng của mình với tư cách là chủ lao động. Thuế lao động được thảo luận ngắn gọn trong chương 1. Quý vị cũng có thể khấu trừ các khoản chi trả mà bản thân đã thực hiện với tư cách là chủ lao động vào quỹ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang hoặc vào quỹ phúc lợi tàn tật của tiểu bang. Vui lòng khấu trừ các khoản chi trả này dưới dạng thuế.

Thuế SE. Quý vị có thể khấu trừ một nửa thuế tự kinh doanh của mình tại dòng 15 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Thuế tự kinh doanh được thảo luận trong chương 1 và chương 10.

Thuế động sản. Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C bất kỳ loại thuế nào do chính quyền tiểu bang hoặc địa phương áp đặt đối với động sản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình.

Quý vị cũng có thể khấu trừ phí đăng ký quyền sử dụng tài sản trong phạm vi của một tiểu bang hoặc khu vực địa phương.

Ví dụ. May và Julius Winter đã di chuyển 7.000 dặm bằng xe của họ cho mục đích kinh doanh trên tổng số 10.000 dặm. Họ phải trả $25 hàng năm cho biển số xe của tiểu bang và $20 cho nhãn dán đăng kiểm của thành phố của mình. Họ cũng đã trả $235 tiền thuế đánh trên giá trị của các loại động sản của thành phố cho chiếc xe, tổng cộng là $280. Họ đang kê khai chi phí xe hơi thực tế của mình. Do đã sử dụng chiếc xe 70% cho mục đích kinh doanh, họ có thể khấu trừ 70% của $280, tức là $196, dưới dạng chi phí kinh doanh.

Thuế bất động sản. Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C thuế bất động sản mà quý vị chi trả cho tài sản kinh doanh của mình. Thuế bất động sản có thể khấu trừ là bất kỳ khoản thuế nào của tiểu bang, địa phương hoặc thuế đánh trên thu nhập kiếm được từ nước ngoài áp dụng cho bất động sản được dành cho phúc lợi công nói chung. Cơ quan thuế phải định mức các loại thuế này một cách thống nhất trên cùng một tỉ lệ đối với mọi bất động sản thuộc thẩm quyền của mình đồng thời số tiền thu được phải dành cho những mục đích chung của cộng đồng hoặc chính phủ.

Để biết thêm thông tin về thuế bất động sản, xem chương 5 của Ấn Phẩm 535. Chương đó giải thích các quy tắc đặc biệt cho việc khấu trừ các khoản sau đây.

- Thuế thụ hưởng phúc lợi ở địa phương, chẳng hạn như thuế cho vỉa hè, đường xá, đường ống dẫn nước và đường cống thoát nước.
- Thuế bất động sản khi quý vị mua hoặc bán tài sản trong năm.
- Thuế bất động sản nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy và lựa chọn cộng dồn thuế bất động sản có liên quan đến một giai đoạn được xác định rõ ràng trong khoảng thời gian đó.

Thuế bán hàng. Vui lòng coi bất kỳ khoản thuế bán hàng nào mà quý vị phải trả cho một dịch vụ hoặc cho việc mua hay sử dụng tài sản như một phần chi phí của dịch vụ hoặc tài sản đó. Nếu dịch vụ hoặc chi phí hay việc sử dụng tài sản là một khoản chi phí kinh doanh có thể khấu trừ, quý vị có thể khấu trừ thuế như một phần của dịch vụ hoặc chi phí đó. Nếu tài sản là hàng hóa được mua để bán lại, thuế bán hàng là một phần chi phí của hàng hóa đó. Nếu tài sản đó có thể khấu hao, vui lòng cộng thuế bán hàng vào trị giá cơ bản để tính khấu hao. Để nắm được thông tin về trị giá cơ bản của tài sản, xem Ấn Phẩm 551, Trị Giá Cơ Bản của Tài Sản.

CAUTION *Không khấu trừ khoản thuế bán hàng của tiểu bang và địa phương được đánh vào người mua mà quý vị phải truy thu và nộp cho tiểu bang hoặc chính quyền địa phương. Không tính các khoản thuế này vào doanh thu gộp hoặc tổng doanh thu bán hàng.*

Thuế gián thu. Quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C tất cả những thuế gián thu mà là chi phí cần thiết theo thông lệ để

triển khai hoạt động kinh doanh của mình. Thuế gián thu được thảo luận ngắn gọn trong chương 1.

Thuế nhiên liệu. Thuế đánh vào xăng, dầu diesel và các nhiên liệu cho động cơ khác mà quý vị sử dụng trong hoạt động kinh doanh của mình thường gộp vào như một phần của chi phí nhiên liệu. Vui lòng không khấu trừ các khoản thuế này theo từng khoản riêng biệt.

Quý vị có thể được trả một khoản tín dụng hoặc hoàn thuế cho thuế gián thu liên bang mà bản thân đã trả cho nhiên liệu được sử dụng cho một số mục đích cụ thể. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 510, Thuế Gián Thu.

Đi Lại và Bữa Ăn

Phần này giải thích ngắn gọn các loại chi phí đi lại và ăn uống mà quý vị có thể khấu trừ trong Bảng C.

Chi phí đi lại. Đây là những chi phí cần thiết theo thông lệ khi đi công tác xa nhà phục vụ cho hoạt động kinh doanh của quý vị. Quý vị được xem là đang đi công tác xa nhà nếu đáp ứng đủ cả hai điều kiện sau.

1. Nhiệm vụ của quý vị yêu cầu quý vị phải ở xa khu vực của nơi chọn để khai thuế của mình (được xác định ở phần sau) lâu hơn đáng kể so với một ngày làm việc bình thường.
2. Quý vị cần ngủ hoặc nghỉ ngơi để đáp ứng nhu cầu công việc khi công tác xa nhà.

Thông thường, **nơi chọn để khai thuế** là địa điểm kinh doanh thường ngày của quý vị, bất kể nơi ở của gia đình quý vị ở đâu. Nơi chọn để khai thuế bao gồm toàn bộ thành phố hoặc khu vực lân cận mà doanh nghiệp của quý vị đặt trụ sở. Xem Ấn Phẩm 463 để biết thêm thông tin.

Dưới đây là một phần thảo luận ngắn gọn về các chi phí mà quý vị có thể khấu trừ.

Vạn tải. Quý vị có thể khấu trừ chi phí đi lại bằng máy bay, tàu hỏa, xe buýt hoặc xe hơi giữa nhà và địa điểm hoạt động kinh doanh của mình.

Taxi, xe buýt đưa đón và xe limousine. Quý vị có thể khấu trừ tiền vé cho những loại phương tiện này cũng như các loại khác khi di chuyển giữa sân bay hay nhà ga và khách sạn, hoặc giữa khách sạn và địa điểm làm việc xa nhà của mình.

Hành lý và vạn chuyển. Quý vị có thể khấu trừ chi phí vận chuyển hành lý và vật liệu mẫu hoặc vật liệu trưng bày giữa các địa điểm làm việc thường xuyên và tạm thời của mình.

Xe hơi hoặc xe tải. Quý vị có thể khấu trừ chi phí vận hành và bảo dưỡng phương tiện khi đi công tác xa cho mục đích kinh doanh. Quý vị có thể khấu trừ chi phí thực tế hoặc mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường (được thảo luận ở phần trước trong *Chi Phí Xe Hơi và Xe Tải*), cũng như lệ phí xa lộ và đậu xe liên quan đến kinh doanh. Nếu thuê một chiếc xe hơi khi đi công tác xa nhà cho mục đích kinh doanh , quý vị chỉ có thể khấu trừ phần chi phí sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Bữa ăn và chỗ ở. Quý vị có thể khấu trừ chi phí ăn uống và chỗ ở nếu chuyến công tác là qua đêm hoặc đủ dài mà bản thân cần dừng lại ngủ hoặc nghỉ ngơi để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Quý vị có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc phụ cấp ăn uống tiêu chuẩn để tính khoản khấu trừ của mình. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị chỉ có thể khấu trừ 50% chi phí ăn uống của mình. Tuy nhiên, các bữa ăn kinh doanh được khấu trừ 100% nếu bữa ăn là đồ ăn và thức uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trước ngày 1 tháng 1 năm 2023. Xem Ấn Phẩm 463 để biết thêm thông tin.

Giặt là. Quý vị có thể khấu trừ chi phí giặt khô và giặt ướt khi đi công tác.

Gọi điện thoại. Quý vị có thể khấu trừ chi phí của các cuộc gọi mang tính chất công việc khi đang đi công tác, bao gồm cả việc liên lạc về công việc bằng máy fax hoặc các thiết bị liên lạc khác.

Tiền boa. Quý vị có thể khấu trừ tiền boa bản thân phải trả cho bất kỳ khoản chi phí nào trong danh sách này.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về chi phí đi lại, xem Ấn Phẩm 463.

Hoàn trả chi phí cho nhân viên của quý vị. Thông thường, quý vị có thể khấu trừ số tiền bản thân hoàn trả cho nhân viên của mình đối với chi phí đi lại và ăn uống. Khoản hoàn trả mà quý vị khấu trừ và cách thức khấu trừ phụ thuộc một phần vào việc quý vị hoàn trả các chi phí theo chương trình trách nhiệm hay chương trình không chịu trách nhiệm. Để biết thêm chi tiết, xem chương 11 của Ấn Phẩm 535. Chương này giải thích các chương trình trách nhiệm cũng như chương trình không chịu trách nhiệm và cho quý vị biết liệu có nên khai báo khoản hoàn trả trong Mẫu W-2 của nhân viên của mình hay không.

Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh

Để khấu trừ chi phí liên quan đến phần nhà của quý vị được sử dụng cho mục đích kinh doanh, quý vị phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể. Ngay cả khi đó, khoản khấu trừ của quý vị có thể bị hạn chế.

Nếu muốn hội đủ điều kiện để kê khai chi phí cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh, quý vị phải đáp ứng những tiêu chuẩn cứu xét dưới đây.

1. Việc sử dụng nhà ở cho mục đích kinh doanh của quý vị phải có tính:
   a. Độc quyền (tuy nhiên, xem *Ngoại lệ đối với việc sử dụng độc quyền* ở phần sau),
   b. Thường xuyên và
   c. Phục vụ hoạt động kinh doanh của quý vị.
2. Phần nhà ở của quý vị được sử dụng cho mục đích kinh doanh phải là:
   a. Địa điểm kinh doanh chính của quý vị (được định nghĩa ở phần sau);

b. Nơi quý vị gặp gỡ hoặc giao dịch với bệnh nhân, khách hàng hoặc người tiêu dùng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường của mình; hoặc

c. Một cấu trúc riêng biệt (không gắn liền với nhà của quý vị) được quý vị sử dụng liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình.

Sử dụng độc quyền. Để hội đủ điều kiện dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền, quý vị phải sử dụng một khu vực cụ thể trong nhà của mình chỉ dành cho việc buôn bán hoặc kinh doanh của bản thân. Khu vực được sử dụng cho mục đích kinh doanh có thể là một căn phòng hoặc không gian được tách biệt một cách rõ ràng khác. Không gian đó không nhất thiết phải luôn được chia tách ra bằng vách ngăn.

Quý vị không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền nếu sử dụng khu vực không rõ ràng cho cả mục đích kinh doanh và mục đích cá nhân.

Ví dụ. Quý vị là một luật sư và sử dụng một căn phòng nhỏ trong nhà mình để viết hồ sơ pháp lý cũng như chuẩn bị tờ khai thuế cho khách hàng. Gia đình quý vị cũng sử dụng căn phòng đó để giải trí. Căn phòng đó không được sử dụng riêng cho nghề nghiệp của quý vị, vì vậy quý vị không thể yêu cầu khấu trừ chi phí kinh doanh cho việc sử dụng nó.

Ngoại lệ đối với việc sử dụng độc quyền. Quý vị không nhất thiết phải đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng độc quyền trong trường hợp sử dụng một phần ngôi nhà của mình theo một trong hai cách sau đây.

1. Sử dụng để lưu trữ hàng tồn kho hoặc mẫu sản phẩm.
2. Sử dụng như một cơ sở chăm sóc trẻ em.

Để được giải thích về những ngoại lệ này, xem Ấn Phẩm 587, Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh.

Sử dụng thường xuyên. Để hội đủ điều kiện dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về sử dụng thường xuyên, quý vị phải thường xuyên sử dụng một khu vực cụ thể trong nhà cho mục đích kinh doanh. Quý vị không đạt tiêu chuẩn cứu xét này nếu việc sử dụng cho mục đích kinh doanh của khu vực đó chỉ là thỉnh thoảng hoặc ngẫu nhiên, ngay cả khi quý vị không sử dụng khu vực đó cho bất kỳ mục đích nào khác.

Trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh. Quý vị có thể có nhiều địa điểm hoạt động kinh doanh, bao gồm cả nhà của bản thân, cho duy nhất một hoạt động thương mại hay kinh doanh. Nếu muốn hội đủ điều kiện để khấu trừ chi phí cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh dựa theo tiêu chuẩn cứu xét về trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh, nhà của quý vị phải là địa điểm kinh doanh chính của hoạt động kinh doanh đó. Để xác định địa điểm hoạt động kinh doanh chính của mình, quý vị phải xem xét tất cả các dữ kiện và hoàn cảnh.

Văn phòng tại gia của quý vị sẽ hội đủ điều kiện để được khấu trừ chi phí cho việc sử dụng như địa điểm kinh doanh chính nếu quý vị đáp ứng các yêu cầu sau.

- Quý vị sử dụng nó thường xuyên và chỉ dành riêng cho các hoạt động quản lý hoặc hành chính trong quá trình kinh doanh của mình.
- Quý vị không có địa điểm cố định nào khác để tiến hành các hoạt động quản lý hoặc hành chính quan trọng trong quá trình kinh doanh mình.

Ngoài ra, nếu quý vị sử dụng nhà thường xuyên và dành riêng cho hoạt động kinh doanh của mình, nhưng văn phòng tại gia của quý vị không hội đủ điều kiện để được xem là địa điểm kinh doanh chính dựa trên các quy tắc trước, vui lòng xác định địa điểm kinh doanh chính của mình dựa trên các yếu tố sau.

- Mức độ quan trọng tương đối của các hoạt động được thực hiện tại mỗi địa điểm.
- Nếu yếu tố mức độ quan trọng tương đối không xác định địa điểm kinh doanh chính của quý vị, quý vị cũng có thể xét tới thời gian dành cho từng địa điểm.

Nếu sau khi xem xét các địa điểm kinh doanh của mình, nhà của quý vị không thể được xác định là địa điểm kinh doanh chính của quý vị, thì quý vị không thể khấu trừ chi phí văn phòng tại gia. Tuy nhiên, để nắm được những cách khác để hội đủ điều kiện khấu trừ chi phí văn phòng tại gia, xem Ấn Phẩm 587.

Hạn mức khấu trừ. Nếu có tổng thu nhập từ việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh bằng hoặc vượt quá tổng chi phí kinh doanh (bao gồm cả khấu hao), quý vị có thể khấu trừ tất cả các chi phí kinh doanh liên quan đến việc sử dụng nhà của mình. Nếu tổng thu nhập của quý vị từ việc sử dụng cho mục đích kinh doanh nhỏ hơn tổng chi phí kinh doanh, thì khoản khấu trừ của quý vị cho một số chi phí cho việc sử dụng nhà của bản thân sẽ bị hạn chế.

Khoản khấu trừ cho những chi phí không thể khấu trừ khác của quý vị, chẳng hạn như bảo hiểm, các tiện ích công cộng và khấu hao (với khấu hao được áp dụng sau cùng), mà có thể phân bổ cho hoạt động kinh doanh được giới hạn trong tổng thu nhập có được từ việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh trừ đi tổng của các khoản sau đây.

1. Phần sử dụng cho mục đích kinh doanh của những chi phí mà quý vị có thể khấu trừ ngay cả khi bản thân không sử dụng nhà của mình để kinh doanh (chẳng hạn như tiền lãi khoản thế chấp, thuế bất động sản và lỗ do tai họa và trộm cắp được cho phép dưới dạng các khoản khấu trừ được liệt kê trong Bảng A (Mẫu 1040)).
2. Những chi phí kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhà (ví dụ, gọi điện thoại với mục đích kinh doanh, vật tư và khấu hao thiết bị), nhưng không liên quan đến việc sử dụng chính ngôi nhà đó.

Vui lòng không tính vào (2) ở trên khoản khấu trừ cho một nửa thuế tự kinh doanh của quý vị.

Sử dụng **Mẫu 8829**, Chi Phí Sử Dụng Nhà cho Mục Đích Kinh Doanh để tính toán khoản khấu trừ của quý vị.

Phương pháp đơn giản hóa. IRS cung cấp một phương pháp đơn giản hóa để xác định chi phí của quý vị cho việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh. Phương pháp đơn giản hóa là một phương pháp thay thế cho việc tính toán và chứng minh các chi phí thực tế. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị sẽ tính toán khoản khấu trừ của mình bằng cách nhân $5 với phần diện tích nhà được sử dụng cho mục đích kinh doanh đủ tiêu chuẩn. Diện tích mà quý vị sử dụng để tính toán khoản khấu trừ của mình được giới hạn ở 300 feet vuông. Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng Dẫn cho Bảng C.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ chi phí của việc sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh, xem Ấn Phẩm 587.

Quy Định Cảng An Toàn Cực Tiểu đối với Tài Sản Hữu Hình

Thông thường, quý vị phải vốn hóa các chi phí để có được hoặc sản xuất bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu mà được sử dụng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh của mình, chẳng hạn như các tòa nhà, thiết bị hoặc đồ nội thất. Tuy nhiên, nếu lựa chọn sử dụng quy định cảng an toàn cực tiểu cho tài sản hữu hình, quý vị có thể khấu trừ số tiền cực tiểu đã trả để có được hoặc sản xuất một số tài sản hữu hình nếu những khoản tiền này được quý vị khấu trừ cho mục đích kế toán tài chính hoặc nhằm lưu giữ sổ sách và hồ sơ.

Nếu có bản tường trình tài chánh thích hợp, quý vị có thể sử dụng quy định cảng an toàn này để khấu trừ số tiền trả cho tài sản hữu hình lên đến $5.000 cho mỗi món hàng hoặc hóa đơn. Nếu không có bản tường trình tài chánh khả dụng, quý vị có thể sử dụng quy định cảng an toàn cực tiểu để khấu trừ số tiền trả cho tài sản hữu hình lên đến $2.500 cho mỗi món hàng hoặc hóa đơn.

Các khoản tiền đủ tiêu chuẩn theo quy định cảng an toàn cực tiểu này nên được bao gồm như các chi phí khác trong Phần V của Bảng C.

Thêm thông tin. Để nắm được chi tiết về việc thực hiện lựa chọn này cũng như các yêu cầu đối với việc sử dụng quy định cảng an toàn cực tiểu cho tài sản hữu hình, xem chương 1 của Ấn Phẩm 535.

Những Chi Phí Có Thể Khấu Trừ Khác

Quý vị cũng có thể khấu trừ các chi phí dưới đây. Xem Ấn Phẩm 535 để tìm hiểu xem quý vị có thể khấu trừ chúng hay không.

- Quảng cáo.
- Lệ phí ngân hàng.
- Quyên góp cho các tổ chức kinh doanh.
- Chi phí giáo dục.
- Chi phí liên quan đến hư hỏng.
- Phụ cấp chi phí phỏng vấn.
- Phí giấy phép và phí luật định.
- Di chuyển máy móc.
- Dịch vụ hỗ trợ tìm việc mới cho nhân viên.
- Các khoản xử phạt và tiền phạt mà quý vị phải trả cho việc thực hiện chậm trễ hoặc không thực hiện hợp đồng.
- Sửa chữa và bảo trì bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu.
- Hoàn trả thu nhập.
- Vật tư và nguyên liệu.
- Các tiện ích công cộng.

Các Khoản Chi Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ

Quý vị thường không thể khấu trừ những khoản sau đây dưới dạng chi phí kinh doanh. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 535.

- Hối lộ và tiền lại quả.
- Đóng góp thiện nguyện.
- Chi phí hoặc lỗ do phá dỡ.
- Lệ phí của hội kinh doanh, xã hội, thể thao, tiệc trưa, thể thao, hàng không và khách sạn.
- Chi phí giải trí.
- Chi phí cải tiến bất động sản hoặc động sản cá nhân thực hữu. Chi phí cải tiến là số tiền chi trả cho những cải tiến đối với tài sản, phục hồi tài sản hoặc việc chỉnh sửa lại tài sản sao cho phù hợp với cách sử dụng mới hoặc khác.
- Chi phí vận động hành lang.
- Các khoản xử phạt và tiền phạt mà quý vị phải trả cho cơ quan chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền do bản thân đã vi phạm pháp luật.
- Chi phí cá nhân, sinh hoạt và gia đình.
- Đóng góp chính trị.
- Những hoạt động chi trả hoặc dàn xếp liên quan đến quấy rối hoặc lạm dụng tình dục nếu việc dàn xếp hoặc thanh toán đó tuân theo một thỏa thuận không được tiết lộ. Quý vị cũng không thể khấu trừ phí thuê luật sư liên quan đến những hoạt động dàn xếp hoặc chi trả như vậy.

9.

Tính Toán Lãi Ròng hoặc Lỗ Ròng

Giới thiệu

Sau khi tính toán thu nhập kinh doanh và chi phí kinh doanh của mình, quý vị đã sẵn sàng tính toán lãi ròng hoặc lỗ ròng từ hoạt động kinh doanh. Quý vị thực hiện việc này bằng cách lấy thu nhập kinh doanh trừ đi chi phí kinh doanh. Nếu chi phí của quý vị nhỏ hơn thu nhập, khoản chênh lệch là lãi ròng và trở thành một phần thu nhập tại dòng 3 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Nếu chi phí của quý vị lớn hơn thu nhập, khoản chênh lệch là lỗ ròng. Quý vị thường có thể khấu trừ khoản lỗ đó vào tổng thu nhập tại dòng 3 của Bảng 1 (Mẫu 1040). Tuy nhiên trong một số tình huống, khoản lỗ của quý vị bị giới hạn. Chương này giải thích ngắn gọn ba trong số những tình huống đó. Các

tình huống khác có thể hạn chế khoản lỗ của quý vị được giải thích trong hướng dẫn cho Bảng C, dòng G và dòng 32.

Nếu có nhiều hoạt động kinh doanh, quý vị phải tính toán lãi hoặc lỗ ròng của mình cho từng hoạt động một cách riêng biệt trên từng Bảng C.

Giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức. Lỗ từ thương mại hoặc kinh doanh của quý vị có thể bị giới hạn. Sử dụng Mẫu 461 để xác định số lỗ kinh doanh vượt mức, nếu có. Khoản lỗ kinh doanh vượt quá của quý vị sẽ được tính vào thu nhập trên dòng 8o của Bảng 1 (Mẫu 1040) và được coi là khoản lỗ hoạt động ròng mà quý vị phải chuyển tiếp và khấu trừ trong năm tính thuế tiếp theo.

Để biết thêm thông tin về giới hạn lỗ kinh doanh vượt mức, xem hướng dẫn của Mẫu 461.

Lỗ Ròng Từ Công Việc Kinh Doanh (NOL)

Nếu có các khoản khấu trừ trong năm lớn hơn thu nhập của bản thân trong năm đó, quý vị có thể có lỗ ròng từ công việc kinh doanh. Quý vị có thể sử dụng một khoản lỗ ròng từ công việc kinh doanh bằng cách khấu trừ nó vào thu nhập của bản thân trong một hoặc nhiều năm khác.

Ví dụ về các lỗ điển hình có thể tạo ra lỗ ròng từ công việc kinh doanh bao gồm, nhưng không giới hạn ở các lỗ phát sinh từ những mục dưới đây.

- Hoạt động thương mại hay kinh doanh của quý vị.
- Tai họa hoặc trộm cắp gây ra bởi thiên tai được liên bang tuyên bố.
- Chi phí chuyển dọn nhà.
- Tài sản cho thuê.

Khoản lỗ từ việc vận hành một hoạt động kinh doanh là lý do phổ biến nhất dẫn đến một khoản lỗ ròng từ công việc kinh doanh.

Để nắm được chi tiết về các khoản lỗ ròng từ công việc kinh doanh, xem Ấn Phẩm 536. Ấn phẩm này giải thích cách tính khoản lỗ ròng từ công việc kinh doanh (NOL), khi nào sử dụng NOL, cách yêu cầu khấu trừ NOL và cách tính toán một khoản NOL chuyển sang.

Hoạt động phi lợi nhuận

Nếu quý vị không tiếp tục hoạt động kinh doanh của mình để tạo ra lợi nhuận thì sẽ có một hạn mức đối với các khoản khấu trừ mà quý vị có thể thực hiện. Quý vị không thể sử dụng khoản lỗ từ hoạt động này để bù đắp cho thu nhập khác. Các hoạt động quý vị thực hiện như một sở thích, hoặc chủ yếu cho mục đích thể thao hoặc giải trí, đều có hạn mức này.

Để nắm được chi tiết về hoạt động phi lợi nhuận, xem chương 1 của Ấn Phẩm 535. Chương đó giải thích cách xác định xem liệu hoạt động của quý vị có được thực hiện để tạo ra lợi nhuận hay không cũng như cách tính toán lượng lỗ mà quý vị có thể khấu trừ.

10.

Thuế SE

Các quy tắc về thuế SE được áp dụng bất kể quý vị bao nhiêu tuổi và ngay cả khi quý vị đang nhận được quyền lợi an sinh xã hội cũng như quyền lợi Medicare.

Ai Phải Trả Thuế SE?

Thông thường, quý vị phải nộp thuế SE cùng với Bảng SE (Mẫu 1040) nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh của bản thân là $400 trở lên. Sử dụng Bảng SE để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Doanh nghiệp cá thể và nhà thầu độc lập. Nếu tự kinh doanh với tư cách là doanh nghiệp cá thể hoặc nhà thầu độc lập, quý vị thường sử dụng Bảng C (Mẫu 1040) để tính toán thu nhập chịu thuế tự kinh doanh của mình.

Tỷ suất thuế SE. Thuế suất tự kinh doanh năm 2021 đối với thu nhập ròng là 15,3% (12,4% thuế an sinh xã hội cộng với 2,9% thuế Medicare).

Thu nhập tối đa chịu thuế SE. Chỉ $142.800 đầu tiên trong tổng lương bổng, tiền boa và thu nhập ròng của quý vị vào năm 2021 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE, thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Tổng tất cả lương bổng, tiền boa và thu nhập ròng của quý vị vào năm 2021 phải chịu bất kỳ sự kết hợp nào của phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE, thuế Medicare, hoặc phần Medicare trong thuế hưu trí ngành đường sắt.

Nếu lương bổng và tiền boa của quý vị phải chịu thuế an sinh xã hội hoặc phần Bậc 1 trong thuế hưu trí ngành đường sắt, hoặc cả hai, và tổng cộng ít nhất là $142.800, vui lòng không nộp phần an sinh xã hội chiếm 12,4% thuế SE đối với bất kỳ khoản thu nhập ròng nào của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải nộp phần Medicare chiếm 2,9% thuế SE cho toàn bộ thu nhập ròng của mình.

Thuế Medicare Phụ Trội. Thuế Medicare Phụ Trội 0,9% có thể áp dụng cho quý vị nếu thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh vượt quá số tiền giới hạn (dựa trên tư cách khai thuế của quý vị). Để biết thêm thông tin, xem *Thuế Tự Kinh Doanh (SE)* trong chương 1 và Mẫu 8959 cùng hướng dẫn đi kèm.

Các Quy Tắc Đặc Biệt và Ngoại Lệ

Người nước ngoài. Thông thường, thường trú nhân người nước ngoài phải trả thuế tự kinh doanh theo các quy tắc tương tự được áp dụng cho công dân Hoa Kỳ. Người nước ngoài tạm trú không phải chịu thuế tự kinh doanh trừ khi một thỏa thuận an sinh xã hội quốc tế (còn được gọi là hiệp định toàn diện) về cơ bản xác định rằng họ được bảo hiểm theo hệ thống an sinh xã hội của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, thường trú nhân

của Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Puerto Rico, Guam, Khối Thịnh Vượng Chung của Quần Đảo Bắc Mariana, hoặc American Samoa phải chịu thuế SE, vì họ được coi là thường trú nhân Hoa Kỳ cho mục đích thuế SE. Để biết thêm thông tin về ngoại nhân, xem Ấn Phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài.

Con cái làm việc cho cha mẹ. Quý vị không phải chịu thuế SE nếu dưới 18 tuổi và đang làm việc cho cha hoặc mẹ của mình.

Nhân viên nhà thờ. Nếu làm việc cho một nhà thờ hoặc một tổ chức do nhà thờ kiểm soát đủ điều kiện (không phải là mục sư, thành viên của một dòng tu hoặc người hành nghề của giáo phái Christian Science) mà đã chọn được miễn thuế an sinh xã hội và thuế Medicare, quý vị phải chịu thuế SE nếu nhận $108.28 hoặc nhiều hơn tiền lương từ nhà thờ hoặc tổ chức này. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 517, An Sinh Xã Hội và Những Thông Tin Khác cho Thành Viên Giới Tăng Lữ và Người Làm Việc Liên Quan Đến Tôn Giáo.

Thuyền viên tàu cá. Nếu quý vị là thành viên của thủy thủ đoàn trên thuyền đánh bắt cá hoặc những loại thủy hải sản khác, thu nhập của quý vị phải chịu thuế SE nếu tất cả các điều kiện sau đây được áp dụng.

1. Quý vị không nhận được bất kỳ khoản chi trả nào cho công việc ngoài phần đánh bắt của mình hoặc một phần tiền thu được từ việc bán sản phẩm đánh bắt, ngoại trừ trường hợp khoản chi trả đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.
   a. Khoản chi trả đó không vượt quá $100 cho mỗi chuyến đi.
   b. Khoản chi trả đó chỉ được nhận nếu có mức đánh bắt tối thiểu.
   c. Khoản chi trả đó chỉ dành cho các nhiệm vụ bổ sung (chẳng hạn như trợ lý, kỹ sư hoặc đầu bếp) mà việc trả thêm tiền mặt là thông lệ trong ngành đánh bắt cá.
2. Quý vị nhận được một phần sản phẩm đánh bắt hoặc một phần tiền thu được từ việc bán sản phẩm đánh bắt.
3. Phần của quý vị phụ thuộc vào số lượng đánh bắt được.
4. Số lượng thủy thủ đoàn của tàu cá thường ít hơn 10 người. (Một đội ngũ thủy thủ đoàn được xem là thường có ít hơn 10 người nếu số lượng trung bình của đoàn trong các chuyến đi được thực hiện trong 4 quý lịch vừa qua ít hơn 10.)

Công chứng viên. Phí nhận được cho những dịch vụ mà quý vị thực hiện với tư cách là một công chứng viên được khai báo trên Bảng C nhưng không phải chịu thuế SE (xem Hướng Dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040)).

Nhân viên làm việc cho chính phủ địa phương hoặc tiểu bang. Quý vị phải chịu thuế SE nếu bản thân là nhân viên làm việc cho chính phủ tiểu bang hoặc địa phương, chỉ được trả lương dựa theo phí thu được, đồng thời dịch vụ của quý vị không được bao gồm trong thỏa thuận an sinh xã hội liên bang-tiểu bang.

Nhân viên làm việc cho chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế. Quý vị phải chịu thuế SE nếu cả hai điều kiện sau đều đúng.

1. Quý vị là công dân Hoa Kỳ được thuê làm việc tại Hoa Kỳ, Puerto Rico, Guam, American Samoa, Khối Thịnh Vượng Chung của Quần Đảo Bắc Mariana hoặc Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ bởi:
   a. Một chính phủ nước ngoài,
   b. Cơ quan thuộc toàn quyền sở hữu của một chính phủ nước ngoài, hoặc
   c. Một tổ chức quốc tế.
2. Chủ lao động của quý vị không bắt buộc phải khấu lưu thuế an sinh xã hội và thuế Medicare từ lương bổng của quý vị.

Công dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân người nước ngoài sống ở nước ngoài. Nếu là công dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân người nước ngoài tự kinh doanh sống bên ngoài Hoa Kỳ, trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải trả thuế SE. Thu nhập kiếm được ở nước ngoài từ việc tự kinh doanh không thể được giảm bởi loại trừ của thu nhập kiếm được từ nước ngoài khi tính thuế tự kinh doanh của quý vị .

Trường hợp ngoại lệ. Hoa Kỳ có các thỏa thuận an sinh xã hội với nhiều quốc gia nhằm loại trừ khả năng đánh thuế hai lần theo hai hệ thống an sinh xã hội. Theo các thỏa thuận này, quý vị thường chỉ phải trả các khoản thuế an sinh xã hội và thuế Medicare cho quốc gia mà mình sinh sống. Quốc gia mà quý vị phải nộp thuế sẽ cấp chứng nhận chứng minh về việc miễn thuế an sinh xã hội ở quốc gia kia.

Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng Dẫn cho Bảng SE (Mẫu 1040).

Nhiều Hơn Một Công Việc Kinh Doanh

Nếu có thu nhập chịu thuế SE từ nhiều hoạt động thương mại, kinh doanh hay nghề nghiệp, quý vị phải kết hợp lãi (hoặc lỗ) ròng của mọi hoạt động nhằm xác định tổng thu nhập chịu thuế SE của mình. Lỗ từ một hoạt động kinh doanh sẽ làm giảm lợi nhuận của quý vị từ một hoạt động kinh doanh khác.

Thu Nhập từ Tài Sản Chung của Vợ Chồng

Nếu bất kỳ thu nhập nào từ hoạt động thương mại hay kinh doanh, không phải từ một công ty hợp doanh, là thu nhập từ tài sản chung của vợ chồng theo luật pháp của tiểu bang, thì thu nhập đó được gộp vào thu nhập chịu thuế SE của người phối ngẫu điều hành hoạt động thương mại hoặc kinh doanh này.

Lợi Nhuận hoặc Lỗ

Không tính vào thu nhập chịu thuế SE khoản lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản không phải là hàng trữ trong kho để bán hoặc không được nắm giữ chủ yếu để bán cho khách hàng. Điều này không phục thuộc vào việc thanh lý là mua bán, trao đổi hay chuyển đổi không tự nguyện.

Các Khoản Chi Trả Cho Thu Nhập Bị Mất

Nếu quý vị tự kinh doanh và giảm hoặc ngừng các hoạt động kinh doanh của mình, bất kỳ khoản chi trả nào nhận được từ bảo hiểm hoặc các nguồn khác cho thu nhập kinh doanh mất đi đều được tính vào thu nhập chịu thuế SE. Nếu quý vị đang không làm việc tại thời điểm nhận được khoản chi trả, khoản chi trả đó vẫn liên quan đến hoạt động kinh doanh của quý vị và được tính vào thu nhập chịu thuế SE, mặc dù hoạt động kinh doanh đó đang tạm thời không được tiến hành.

Tính Toán Thu Nhập Chịu Thuế SE

Phương Pháp Tính Toán Thu Nhập Ròng

Có ba cách để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

1. Phương pháp thông thường.
2. Phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp.
3. Phương pháp tùy chọn nông nghiệp.

Quý vị phải sử dụng phương pháp thông thường trong trường hợp không sử dụng một hoặc cả hai phương pháp tùy chọn.

Tại sao sử dụng phương pháp tùy chọn? Quý vị có thể muốn sử dụng phương pháp tùy chọn (sẽ thảo luận ở phần sau) khi chịu một khoản lỗ hoặc một khoản lãi ròng nhỏ đồng thời bất kỳ mục nào sau đây được áp dụng.

- Quý vị muốn nhận tín thuế cho bảo hiểm quyền lợi an sinh xã hội.
- Quý vị phải chịu chi phí chăm nuôi con cái hoặc người sống phụ thuộc mà do đó có thể yêu cầu một khoản tín thuế. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiếm được của quý vị, điều này có thể làm tăng tín thuế.)
- Quý vị được hưởng tín thuế thu nhập kiếm được. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiếm được của quý vị, điều này có thể làm tăng tín thuế.)
- Quý vị được hưởng tín thuế trẻ em bổ sung. (Phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thu nhập kiếm được của quý vị, điều này có thể làm tăng tín thuế.)

Ảnh hưởng của việc sử dụng phương pháp tùy chọn. Sử dụng phương pháp tùy chọn có thể làm tăng thuế SE của quý vị. Việc đóng thuế SE nhiều hơn có thể dẫn đến việc quý vị được hưởng phúc lợi cao hơn khi nghỉ hưu.

Việc sử dụng phương pháp tùy chọn cũng có thể làm giảm AGI của quý vị do khấu trừ một nửa thuế SE trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng đủ điều kiện của quý vị để nhận các khoản tín thuế, khoản khấu trừ hoặc các khoản khác vốn phải phụ thuộc vào hạn mức AGI. Tính toán AGI của quý vị có và không sử dụng phương pháp tùy chọn để xem liệu phương pháp tùy chọn có mang lại lợi ích cho quý vị hay không.

Nếu sử dụng một trong hai hoặc cả hai phương pháp tùy chọn, quý vị phải tính và nộp thuế SE đến hạn theo các phương pháp này ngay cả khi có mức thuế nhỏ hơn hoặc không có thuế khi sử dụng phương pháp thông thường.

Phương pháp tùy chọn có thể chỉ được sử dụng để tính thuế SE của quý vị. Để tính thuế thu nhập của mình, hãy tính thu nhập thực tế của quý vị vào tổng thu nhập, bất kể quý vị sử dụng phương pháp nào để xác định thuế SE.

Phương Pháp Thông Thường

Để tính thu nhập ròng bằng phương pháp thông thường, hãy nhân thu nhập tự kinh doanh của quý vị với 92,35% (0,9235). Để tính thu nhập ròng của quý vị theo phương pháp thông thường, hãy xem dòng 4a của Bảng SE (Mẫu 1040).

Thu nhập ròng được tính theo phương pháp thông thường còn được gọi là thu nhập ròng thực tế.

Phương Pháp Tùy Chọn Phi Nông Nghiệp

Vui lòng chỉ sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp cho các khoản thu nhập không đến từ nông nghiệp. Quý vị có thể sử dụng phương pháp này nếu đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn cứu xét dưới đây.

1. Quý vị đang tự kinh doanh một cách thường xuyên. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập ròng thực tế của quý vị từ công việc tự kinh doanh là $400 trở lên trong ít nhất 2 trong số 3 niên thuế trước năm mà quý vị sử dụng phương pháp này. Với mục đích này, thu nhập ròng của năm trước có thể đến từ thu nhập nông nghiệp hay phi nông nghiệp hoặc cả hai.
2. Quý vị đã sử dụng phương pháp này chưa đến 5 năm. (Có hạn mức trọn đời là 5 năm.) Những năm này không nhất thiết phải nối tiếp nhau.
3. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp của quý vị:
   a. Thấp hơn $6.367 và
   b. Thấp hơn 72,189% tổng thu nhập phi nông nghiệp của mình.

Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp. Thông thường lợi nhuận ròng phi nông nghiệp là tổng số tiền lấy từ:

- Dòng 31 của Bảng C (Mẫu 1040); và
- Ô 14, mã A, Bảng K-1 (Mẫu 1065) (kiếm được từ công ty hợp doanh phi nông nghiệp).

Tuy nhiên, quý vị có thể cần phải điều chỉnh số tiền được khai báo trong Bảng K-1 nếu là người góp nhiều vốn nhất hoặc nếu đó là một khoản lỗ.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp. Thông thường tổng thu nhập phi nông nghiệp là tổng số tiền từ:

- Dòng 7 của Bảng C (Mẫu 1040); và
- Ô 14, mã C, Bảng K-1 (Mẫu 1065) (kiếm được từ công ty hợp doanh phi nông nghiệp).

Tính Toán Thu Nhập Ròng Phi Nông Nghiệp

Nếu quý vị đáp ứng 3 tiêu chuẩn cứu xét được giải thích ở phần trước, vui lòng sử dụng bảng dưới đây để tính thu nhập ròng phi nông nghiệp của mình từ công việc tự kinh doanh theo phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp.

Bảng 10-1. **Tính Toán Thu Nhập Ròng Phi Nông Nghiệp**

NẾU tổng thu nhập phi nông nghiệp của quý vị là...	THÌ thu nhập ròng của quý vị bằng...
$8.820 hoặc ít hơn	hai phần ba tổng thu nhập phi nông nghiệp của quý vị.
nhiều hơn $8.820	$5.880.

Thu nhập ròng tùy chọn nhỏ hơn thu nhập ròng thực tế. Quý vị không thể sử dụng phương pháp này để khai báo số tiền thấp hơn thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế của mình từ công việc tự kinh doanh. Thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế của quý vị là thu nhập ròng phi nông nghiệp được tính theo phương pháp thông thường, như đã được giải thích ở phần trước.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp từ $8.820 trở xuống. Các ví dụ sau đây minh họa cách tính thu nhập ròng khi tổng thu nhập phi nông nghiệp là $8.820 trở xuống.

Ví dụ 1. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn $6.367 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhạp phi nông nghiệp. Ann Green điều hành một hoạt động kinh doanh thủ công nghiệp. Thu nhập ròng thực tế của cô ấy từ công việc tự kinh doanh là $800 vào năm 2019 và $900 vào năm 2020. Cô ấy thường xuyên đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về việc tự kinh doanh. Cô ấy đã sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp chưa đến 5 năm. Dưới đây là tổng thu nhập và lợi nhuận ròng của cô ấy vào năm 2021.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp	$5.400
Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp	$1.200

Thu nhập ròng thực tế của Ann cho năm 2021 là $1.108 ($1.200 x 0,9235). Vì lợi nhuận ròng thấp hơn $6.367 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập của mình, cô ấy có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng là $3.600 (2/3 x $5.400). Vì thu nhập ròng này cao hơn thu nhập ròng thực tế của mình nên cô ấy có thể khai báo thu nhập ròng là $3.600 cho năm 2021.

Ví dụ 2. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn $6.367 nhưng không thấp hơn 72,189% tổng thu nhạp phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* tổng thu nhập của Ann là $1.200 và lợi nhuận ròng của cô ấy là $900. Cô ấy phải sử dụng phương pháp thông thường để tính thu nhập ròng của mình. Cô ấy không thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp vì lợi nhuận ròng của cô ấy không thấp hơn 72,189% tổng thu nhập.

Ví dụ 3. Lỗ ròng do hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Ann có một khoản lỗ ròng là $700. Cô ấy có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp và khai báo khoản tiền $3.600 (2/3 × $5.400) là thu nhập ròng của mình.

Ví dụ 4. Thu nhạp ròng phi nông nghiệp thấp hơn $400. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Ann có tổng thu nhập là $525 và lợi nhuận ròng là $175. Trong trường hợp này, cô ấy sẽ không phải nộp bất kỳ khoản thuế SE nào theo phương pháp thông thường hay phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp vì thu nhập ròng của cô ấy theo cả hai phương pháp đều thấp hơn $400.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp cao hơn $8.820. Các ví dụ sau đây minh họa cách tính thu nhập ròng khi tổng thu nhập phi nông nghiệp cao hơn $8.820.

Ví dụ 1. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp thấp hơn $6.367 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhạp phi nông nghiệp. John White điều hành một cửa hàng sửa chữa thiết bị. Thu nhập ròng thực tế của anh ấy từ công việc tự kinh doanh là $10.500 vào năm 2019 và $9.500 vào năm 2020. Anh ấy thường xuyên đáp ứng tiêu chuẩn cứu xét về việc tự kinh doanh. Anh ấy đã sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp chưa đến 5 năm. Dưới đây là tổng thu nhập và lợi nhuận ròng của anh ấy vào năm 2021.

Tổng thu nhập phi nông nghiệp	$12.000
Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp	$1.200

Thu nhập ròng thực tế của John cho năm 2021 là $1.108 ($1.200 x 0,9235). Vì lợi nhuận ròng thấp hơn $6.367 và thấp hơn 72,189% tổng thu nhập của mình, anh ấy có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng là $5.880. Vì những khoản thu nhập ròng này cao hơn thu nhập ròng thực tế của mình nên anh ấy có thể khai báo thu nhập ròng là $5.880 cho năm 2021.

Ví dụ 2. Lợi nhuận ròng phi nông nghiệp không thấp hơn $6.367. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* Lợi nhuận ròng của John là $6.900. Anh ấy phải sử dụng phương pháp thông thường. Anh ấy không thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp vì lợi nhuận ròng phi nông nghiệp của anh ấy không thấp hơn $6.367.

Ví dụ 3. Lỗ ròng do hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp. Giả sử rằng trong *Ví dụ 1* John có một khoản lỗ ròng là $700. Anh ấy có thể sử dụng phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp và khai báo $5.880 là thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Phương Pháp Tùy Chọn Nông Nghiệp

Vui lòng chỉ sử dụng phương pháp tùy chọn nông nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Xem Ấn Phẩm 225 để nắm được thông tin về phương pháp này.

Sử Dụng Cả Hai Phương Pháp Tùy Chọn

Nếu có cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp, quý vị có thể sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn để xác định thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh của mình.

Để tính toán thu nhập ròng bằng cách sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn, quý vị phải thực hiện những điều dưới đây.

- Tính riêng thu nhập ròng nông nghiệp và phi nông nghiệp của quý vị theo từng phương pháp. Không kết hợp thu

nhập nông nghiệp với thu nhập phi nông nghiệp để tính thu nhập ròng của quý vị theo một trong hai phương pháp.

- Cộng các khoản thu nhập ròng được tính theo từng phương pháp để có được thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Quý vị có thể khai báo thấp hơn tổng thu nhập ròng thực tế của cả hai loại nông nghiệp và phi nông nghiệp nhưng không thấp hơn thu nhập ròng phi nông nghiệp thực tế. Nếu sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn, quý vị có thể khai báo không quá $5.880 là thu nhập ròng kết hợp từ công việc tự kinh doanh của mình.

Ví dụ. Quý vị là một nông dân tự kinh doanh. Quý vị cũng điều hành một cửa hàng tạp hóa bán lẻ. Tổng thu nhập, thu nhập ròng thực tế từ công việc tự kinh doanh, cùng với thu nhập ròng nông nghiệp và phi nông nghiệp tùy chọn từ công việc tự kinh doanh được biểu diễn trong Bảng 10-2.

Bảng 10-2. **Ví dụ – Thu nhập Nông Nghiệp và Phi Nông Nghiệp**

Thu Nhập và Lợi Tức	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
Tổng thu nhập	$3.000	$6.000
Thu nhập ròng thực tế	$900	$500
Thu nhập ròng tùy chọn (2/3 trong tổng thu nhập)	$2.000	$4.000

Bảng 10-3 biểu diễn 4 phương pháp hoặc sự kết hợp giữa các phương pháp mà quý vị có thể sử dụng để tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh bằng cách sử dụng tổng thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp cùng với thu nhập ròng thực tế được hiển thị trong Bảng 10-2.

- Phương pháp 1. Sử dụng phương pháp thông thường cho cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp.
- Phương pháp 2. Sử dụng phương pháp tùy chọn cho thu nhập nông nghiệp và phương pháp thông thường cho thu nhập phi nông nghiệp.
- Phương pháp 3. Sử dụng phương pháp thông thường cho thu nhập nông nghiệp và phương pháp tùy chọn cho thu nhập phi nông nghiệp.
- Phương pháp 4. Sử dụng phương pháp tùy chọn cho cả thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Lưu ý. Thu nhập ròng thực tế sẽ giống với thu nhập ròng được tính theo phương pháp thông thường.

Bảng 10-3. **Ví Dụ – Thu Nhập Ròng**

Thu Nhập Ròng	**1**	**2**	**3**	**4**
Thực tế nông nghiệp	$ 900		$ 900	
Tùy chọn nông nghiệp		$ 2.000		$ 2.000
Thực tế phi nông nghiệp	$ 500	$ 500		
Tùy chọn phi nông nghiệp			$4.000	$4.000
Số tiền quý vị có thể khai báo:	**$1.400**	**$2.500**	**$4.900**	**$5.880***

* Bị giới hạn ở mức $5.880 vì quý vị đã sử dụng cả hai phương pháp tùy chọn.

Người Khai Thuế Cho Năm Theo Lịch Tài Chánh

Nếu sử dụng niên thuế khác với niên lịch, quý vị phải sử dụng tỷ suất thuế và hạn mức thu nhập tối đa có hiệu lực tại thời điểm bắt đầu niên thuế của mình. Ngay cả khi tỷ suất thuế hoặc hạn mức thu nhập tối đa thay đổi trong niên thuế của quý vị, vui lòng tiếp tục sử dụng cùng một tỷ suất thuế và hạn mức đó trong suốt niên thuế của mình.

Khai Báo Thuế SE

Sử dụng Bảng SE (Mẫu 1040) để tính toán và khai báo thuế SE của quý vị. Sau đó nhập thuế SE tại dòng 4 của Bảng 2 (Mẫu 1040) và đính kèm Bảng SE vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

CAUTION *Nếu phải nộp thuế SE, quý vị phải nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR (với Bảng SE đính kèm) ngay cả khi bản thân không phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang.*

Khai thuế chung. Ngay cả khi khai thuế chung, quý vị cũng không thể nộp chung một Bảng SE. Điều này đúng cho dù một hay cả hai người phối ngẫu có thu nhập chịu thuế SE. Nếu cả hai người đều có thu nhập chịu thuế SE, mỗi người trong số quý vị phải hoàn thành riêng một Bảng SE. Vui lòng đính kèm cả hai bảng vào tờ khai thuế chung.

Nhiều hơn một công việc kinh doanh. Nếu có nhiều hơn một hoạt động thương mại hay kinh doanh, quý vị phải kết hợp khoản lãi ròng (hoặc lỗ ròng) từ mỗi hoạt động kinh doanh để

tính thuế SE của mình. Một khoản lỗ từ một hoạt động kinh doanh sẽ làm giảm lãi của quý vị từ một hoạt động kinh doanh khác. Nộp một Bảng SE biểu thị thu nhập từ công việc tự kinh doanh, tuy nhiên nộp một Bảng C hoặc F riêng cho từng hoạt động kinh doanh.

Ví dụ. Quý vị là doanh nghiệp cá thể điều hành hai hoạt động kinh doanh riêng biệt. Quý vị điều hành một nhà hàng tạo ra khoản lãi ròng là $25.000. Quý vị cũng có một doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ có khoản lỗ ròng là $500. Quý vị phải nộp một Bảng C biểu thị khoản lãi ròng là $25.000 đối với nhà hàng và một Bảng C khác biểu thị khoản lỗ ròng là $500 đối với doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ. Quý vị nộp một Bảng SE biểu thị tổng thu nhập chịu thuế SE là $24.500.

11.

Quyền Hạn của Người Đóng Thuế

Chương này giải thích các quá trình kiểm tra, khiếu nại, truy thu và hoàn thuế.

Kiểm Tra, Kháng Cáo, Truy Thu và Hoàn Thuế

Kiểm tra (kiểm xét). Chúng tôi chấp nhận hầu hết các tờ khai thuế đã nộp của người đóng thuế. Nếu chúng tôi điều tra tờ khai thuế của quý vị hoặc chọn nó để kiểm tra, điều đó không có nghĩa là quý vị không trung thực. Việc điều tra hoặc kiểm tra có thể có hoặc không dẫn đến tăng thuế. Chúng tôi có thể đóng hồ sơ của quý vị mà không có thay đổi gì hoặc quý vị có thể nhận được tiền hoàn thuế.

Quá trình lựa chọn một tờ khai thuế để kiểm tra bắt đầu bằng một trong hai cách. Một cách là dùng lập trình vi tính để xác định những tờ khai thuế mà có thể có số tiền không chính xác. Các lập trình này có thể dựa trên tờ khai thông tin, chẳng hạn như Mẫu 1099 và W-2; trong các nghiên cứu về những lần kiểm tra trước đây; hoặc về một số vấn đề được xác định từ các dự án đặc biệt. Một cách khác là sử dụng thông tin từ các nguồn bên ngoài cho biết rằng một tờ khai thuế có thể có số tiền không chính xác. Những nguồn này có thể bao gồm báo chí, văn kiện công khai và các cá nhân. Nếu xác định rằng thông tin này chính xác và đáng tin cậy, chúng tôi có thể sử dụng thông tin đó để chọn kiểm tra một tờ khai thuế.

Ấn Phẩm 556, Kiểm Tra Tờ Khai Thuế, Quyền Kháng Cáo, và Yêu Cầu Hoàn Thuế, giải thích các quy tắc và quy trình mà chúng tôi tuân theo trong các hoạt động kiểm tra. Các phần sau đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về cách chúng tôi tiến hành các hoạt động kiểm tra.

Qua đường bưu điện. Chúng tôi xử lý nhiều công việc kiểm tra và điều tra qua đường bưu điện. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một lá thư với yêu cầu cung cấp thêm thông tin hoặc lý do tại sao chúng tôi tin rằng có thể cần thay đổi tờ khai thuế của quý vị. Quý vị có thể trả lời qua thư hoặc yêu cầu một cuộc phỏng vấn cá nhân với thẩm tra viên. Nếu quý vị gửi cho chúng tôi thông tin được yêu cầu qua đường bưu điện hoặc cung cấp lời giải thích, chúng tôi có thể đồng ý hoặc không đồng ý đồng thời sẽ giải thích lý do cho bất kỳ thay đổi nào. Nếu có bất kì vấn đề gì quý vị không hiểu, xin đừng ngần ngại viết thư cho chúng tôi.

Bằng cách phỏng vấn. Nếu chúng tôi thông báo tới quý vị về việc tiến hành kiểm tra thông qua phỏng vấn cá nhân, hoặc quý vị yêu cầu một cuộc phỏng vấn như vậy, quý vị có quyền đưa ra thời gian và địa điểm phỏng vấn hợp lý và thuận tiện cho cả quý vị và IRS. Nếu thẩm tra viên của chúng tôi đề xuất bất kỳ thay đổi nào đối với tờ khai thuế của quý vị, họ sẽ giải thích lý do thay đổi. Quý vị có thể gặp người giám sát của thẩm tra viên nếu không đồng ý với những thay đổi này.

Kiểm tra nhiều lần. Nếu chúng tôi đã kiểm tra tờ khai của quý vị về những điều khoản giống nhau vào một trong hai năm trước đó và không có đề xuất thay đổi trách nhiệm trả thuế của quý vị, vui lòng liên lạc với chúng tôi càng sớm càng tốt để chúng tôi cân nhắc việc ngừng kiểm tra.

Kháng cáo. Nếu không đồng ý với những thay đổi được đề xuất từ phía thẩm tra viên, quý vị có thể nộp đơn khiếu nại lên Văn Phòng Kháng Cáo của IRS. Hầu hết bất đồng đều có thể được giải quyết mà không cần đến các phiên tòa xét xử gây tốn kém và mất thời gian. Quyền khiếu nại của quý vị được giải thích chi tiết trong cả Ấn Phẩm 5, Quyền Kháng Cáo của Quý Vị và Cách Kháng Nghị Nếu Quý Vị Không Đồng Ý, và Ấn Phẩm 556.

Nếu không muốn giải quyết thông qua Văn Phòng Kháng Cáo hoặc không đồng ý với phán quyết của văn phòng này, quý vị có thể đưa vụ việc của mình lên Tòa Án Thuế Vụ Hoa Kỳ, Tòa Án Kháng Cáo Liên Bang Hoa Kỳ, hoặc Tòa Án Quận Hoa Kỳ tại nơi quý vị sinh sống. Nếu quý vị đưa vụ việc của mình ra tòa, IRS sẽ có trách nhiệm đưa ra những dữ kiện về việc liệu quý vị đã lưu giữ hồ sơ đầy đủ nhằm thể hiện trách nhiệm trả thuế của mình, hợp tác với IRS cũng như đáp ứng một số điều kiện khác hay chưa. Nếu tòa đồng ý với quý vị về hầu hết các vấn đề trong vụ việc và nhận thấy phần lớn quan điểm của chúng tôi là không hợp lý, quý vị có thể được bồi thường một số chi phí hành chính và kiện tụng. Quý vị sẽ không đủ điều kiện để thu hồi các chi phí này trừ khi đã cố gắng giải quyết vụ việc của mình về mặt hành chính, bao gồm cả việc thông qua hệ thống khiếu nại, cũng như cung cấp cho chúng tôi thông tin cần thiết để giải quyết vụ việc.

Truy thu. Ấn Phẩm 594, Tiến Trình Truy Thu của IRS, trình bày quyền hạn và trách nhiệm của quý vị liên quan đến việc chi trả thuế liên bang. Ấn phẩm này bao gồm những điều sau đây.

- Phải làm gì khi nợ thuế. Ấn phẩm cho biết những việc cần làm khi nhận được hóa đơn tính thuế hay khi quý vị nghĩ rằng hóa đơn của mình không chính xác. Ấn phẩm cũng đề cập đến việc thanh toán trả góp, trì hoãn truy thu thuế và đệ trình một đề nghị thỏa hiệp.
- Hành động truy thu thuế của IRS. Ấn phẩm này đề cập đến quyền sai áp tài sản để thế nợ, giải tỏa quyền sai áp, quyền tịch thu tài sản để thế nợ, giải tỏa quyền tịch thu tài sản, tịch thu, bán và giải chấp tài sản.

- Chứng nhận của IRS gửi lên Bộ Ngoại Giao về một khoản nợ thuế quá hạn có tính chất nghiêm trọng, mà thường dẫn đến việc từ chối đơn xin cấp hộ chiếu và có thể dẫn đến việc thu hồi hộ chiếu.

Quyền khiếu nại về truy thu thuế của quý vị được trình bày chi tiết trong Ấn Phẩm 1660, Quyền Kháng Cáo Truy Thu.

Khoản thuế được bãi miễn dành cho người phối ngẫu vô can. Thông thường, cả quý vị cùng với người phối ngẫu của mình đều phải chịu trách nhiệm, cả chung lẫn riêng, về việc thanh toán toàn bộ số tiền thuế, tiền lãi hoặc tiền phạt đến hạn trên tờ khai thuế chung của hai người. Nếu muốn được miễn áp dụng khoản nợ phải trả liên quan đến người phối ngẫu (hoặc người phối ngẫu đã ly hôn), quý vị phải yêu cầu bằng cách nộp Mẫu 8857, Yêu Cầu Bãi Miễn Thuế Cho Người Phối Ngẫu Vô Can. Trong một số trường hợp, Mẫu 8857 có thể cần phải được nộp trong vòng 2 năm kể từ ngày IRS lần đầu tiên cố gắng thu thuế từ quý vị. Vui lòng không nộp Mẫu 8857 cùng với Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ấn Phẩm 971, Bãi Miễn Thuế Cho Người Phối Ngẫu Vô Can và Mẫu 8857, hoặc quý vị có thể gọi cho văn phòng Người Phối Ngẫu Vô Can theo số điện thoại miễn phí 855-851-2009.

Liên lạc với bên thứ ba tiềm năng. Thông thường, IRS sẽ giải quyết trực tiếp với quý vị hoặc đại diện được ủy quyền hợp pháp của quý vị. Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi cũng trao đổi với những người khác nếu cần thông tin mà quý vị không thể cung cấp hoặc để xác minh thông tin chúng tôi đã nhận được. Nếu có liên lạc với những người khác, chẳng hạn như hàng xóm, ngân hàng, chủ lao động hoặc nhân viên, chúng tôi thường sẽ cần cho họ biết một số thông tin giới hạn, chẳng hạn như tên của quý vị. Luật pháp nghiêm cấm chúng tôi tiết lộ bất kỳ thông tin nào quá mức cần thiết để thu thập hoặc xác minh thông tin đang tìm kiếm. Nhu cầu liên lạc với những người khác có thể tiếp tục nếu vụ việc của quý vị còn đang tiếp diễn. Nếu chúng tôi liên lạc với người khác, quý vị có quyền yêu cầu được biết danh sách những người được liên lạc. Yêu cầu của quý vị có thể được thực hiện qua điện thoại, bằng văn bản hoặc trong quá trình phỏng vấn cá nhân.

Tiền hoàn thuế. Quý vị có thể nộp đơn yêu cầu hoàn thuế nếu cho rằng mình đã trả quá nhiều thuế. Thường thì quý vị phải nộp đơn này trong vòng 3 năm kể từ ngày quý vị nộp tờ khai thuế gốc, hoặc 2 năm kể từ ngày đóng thuế, tùy vào ngày nào trễ hơn. Ấn Phẩm 556 cung cấp thêm thông tin về tiền hoàn thuế.

Nếu quý vị được tiền hoàn thuế nhưng không khai thuế, thì quý vị phải nộp tờ khai yêu cầu hoàn thuế trong vòng 2 năm kể từ ngày tiền thuế đã trả để nhận được khoản tiền hoàn thuế đó. Luật pháp thông thường cho phép trả lãi trên số tiền hoàn thuế nếu nó không được hoàn lại trong vòng 45 ngày kể từ ngày quý vị nộp yêu cầu hoàn thuế. .

12.

Cách Lấy Thêm Thông Tin

Phần này trình bày sự trợ giúp mà IRS và các cơ quan liên bang khác cung cấp cho người đóng thuế điều hành hoạt động kinh doanh của riêng họ.

Cách Nhận Trợ Giúp Về Thuế

Nếu quý vị có thắc mắc về vấn đề thuế; cần trợ giúp về việc chuẩn bị tờ khai thuế; hoặc muốn tải xuống các ấn phẩm, mẫu đơn hoặc hướng dẫn miễn phí, truy cập *IRS.gov* để tìm kiếm các nguồn tài nguyên có thể giúp quý vị ngay lập tức.

Khai và nộp tờ khai thuế. Sau khi nhận được tất cả bản kê khai tiền lương và thu nhập của quý vị (Mẫu W-2, W-2G, 1099-R, 1099-MISC, 1099-NEC, v.v.); bản kê khai bồi thường thất nghiệp (bằng thư hoặc ở định dạng kỹ thuật số) hoặc bản kê khai các khoản chi trả khác của chính phủ (Mẫu 1099-G); lãi suất, cổ tức và bản kê khai tiền hưu trí từ các ngân hàng và công ty đầu tư (Mẫu 1099), quý vị sẽ có một số lựa chọn giúp chuẩn bị và nộp tờ khai thuế. Quý vị có thể tự mình khai thuế và xem xét liệu có đủ tiêu chuẩn để được khai thuế miễn phí hay không, hoặc thuê một chuyên gia thuế để khai thuế giúp mình.

CAUTION *Cho năm 2021, nếu quý vị nhận được Khoản Thanh Toán Tác Động Kinh Tế, hãy tham khảo Thông báo 1444-C, Khoản Thanh Toán Tác Động Kinh Tế năm 2021 của Quý Vị. Nếu quý vị đã nhận được các Khoản Ứng Trước Tín Thuế Trẻ Em, hãy tham khảo Thư 6419, Các Khoản Ứng Trước Tín Thuế Trẻ Em (AdvCTC) của quý vị.*

Các tùy chọn miễn phí để khai thuế. Truy cập *IRS.gov* để xem các tùy chọn của quý vị để khai và nộp tờ khai thuế trực tuyến hoặc trong cộng đồng địa phương của mình, nếu quý vị hội đủ điều kiện, bao gồm những điều sau đây.

- **Free File.** Chương trình này cho phép quý vị khai và nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân liên bang của mình miễn phí bằng cách sử dụng phần mềm khai và nộp tờ khai thuế có thương hiệu hoặc Các Mẫu Free File Tự Điền. Tuy nhiên, việc khai thuế tiểu bang có thể không có sẵn thông qua Free File. Truy cập *IRS.gov/FreeFile* để xem liệu quý vị có hội đủ điều kiện cho các tùy chọn khai thuế liên bang trực tuyến miễn phí, nộp khai thuế điện tử và ký gửi hoặc chi trả trực tiếp hay không.
- **VITA.** Chương trình Tình Nguyện Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập (VITA) đưa ra trợ giúp về thuế miễn phí cho những người có thu nhập từ thấp đến trung bình, người khuyết tật và người đóng thuế có vốn tiếng Anh hạn chế mà cần được giúp đỡ trong việc chuẩn bị tờ khai thuế của riêng họ. Truy cập *IRS.gov/VITA*, tải xuống ứng dụng miễn phí IRS2Go hoặc gọi số 800-906-9887 để nắm được thông tin về cách khai thuế miễn phí.

- **TCE.** Chương trình Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên (TCE) cũng đưa ra trợ giúp về thuế miễn phí cho người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Các thiện nguyện viên của TCE chuyên giải đáp thắc mắc về lương hưu cũng như các vấn đề liên quan đến hưu trí điển hình đối với người cao tuổi. Truy cập *IRS.gov/TCE*, tải xuống ứng dụng miễn phí IRS2Go hoặc gọi số 888-227-7669 để nắm được thông tin về cách khai thuế miễn phí.
- **MilTax.** Các thành viên của Quân Đội Hoa Kỳ và các cựu chiến binh đủ điều kiện có thể sử dụng MilTax, một dịch vụ thuế miễn phí do Bộ Quốc Phòng cung cấp thông qua Military OneSource.Truy cập *MilitaryOneSource (tiếng Anh)*

  Ngoài ra, IRS cung cấp các Mẫu Khai Tự Điền Miễn Phí mà có thể điền trực tuyến và sau đó nộp qua mạng thông tin điện tử bất kể với mức thu nhập nào.

Sử dụng các công cụ trực tuyến để giúp chuẩn bị tờ khai thuế của quý vị. Truy cập *IRS.gov/Tools* để tiếp cận những công cụ sau.

- Công Cụ *Trợ Lý Tín Thuế Thu Nhập Kiếm Được* (*IRS.gov/EITCAssistant*) xác định xem liệu quý vị có đủ điều kiện nhận khoản tín thuế thu nhập kiếm được (EIC) hay không.
- Công Cụ *Đơn Xin Mã Số Thuế của Chủ Lao Động (EIN) Trực Tuyến* (*IRS.gov/EIN*) giúp quý vị có được mã số thuế của chủ lao động (EIN) miễn phí.
- Công Cụ *Ứng Dụng Ước Tính Khấu Lưu Thuế* (*IRS.gov/W4app*) giúp mọi người dễ dàng nộp đúng số tiền thuế trong năm. Công cụ này là một cách thuận tiện và trực tuyến để kiểm tra cũng như điều chỉnh khoản khấu lưu của quý vị. Công cụ này dễ sử dụng hơn đối với người đóng thuế, bao gồm cả người hồi hưu và cá nhân tự kinh doanh. Các tính năng bao gồm những điều sau.

  –

  –

  –

  –

  –

  –

  ►Ngôn ngữ dễ hiểu.

  ►Khả năng chuyển đổi giữa các màn hình hiển thị, sửa các mục nhập trước đó và bỏ qua các màn hình không cần thiết.

  ►Các mẹo sử dụng và đường dẫn để giúp quý vị xác định xem liệu mình có hội đủ điều kiện cho các khoản khấu trừ và tín thuế hay không.

  ►Trình theo dõi tiến trình.

  ►Tính năng thuế tự kinh doanh.

  ►Tự động tính toán phần chịu thuế của bất kỳ quyền lợi an sinh xã hội nào.
- Công Cụ *Tra Cứu Tài Khoản Tín Thuế Cho Người Mua Nhà Lần Đầu (tiếng Anh)* (*IRS.gov/HomeBuyer*) cung cấp thông tin về các khoản hoàn trả và số dư tài khoản của quý vị.
- Công Cụ *Tính Toán Khấu Trừ Thuế Bán Hàng (tiếng Anh)* (*IRS.gov/SalesTax*) tính toán số tiền có thể kê khai nếu quý vị liệt kê các khoản khấu trừ trong Bảng A (Mẫu 1040).

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Trên IRS.gov, quý vị có thể nhận được thông tin cập nhật về các sự kiện hiện hành và những thay đổi trong luật thuế.

- *IRS.gov/Help*: Nhiều loại công cụ giúp quý vị có câu trả lời cho một số thắc mắc phổ biến nhất về thuế.
- *IRS.gov/ITA (tiếng Anh)*: Trợ Lý Thuế Tương Tác, một công cụ sẽ đưa ra câu hỏi cho quý vị, và dựa vào đầu vào của quý vị, cung cấp câu trả lời về một số chủ đề về luật thuế.
- *IRS.gov/Forms (tiếng Anh)*: Tìm kiếm các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm. Quý vị sẽ tìm thấy thông tin chi tiết về những thay đổi về thuế trong năm 2021 và hàng trăm đường dẫn tương tác giúp quý vị tìm câu trả lời cho thắc mắc của mình.
- Quý vị cũng có thể truy cập thông tin về luật thuế trong phần mềm khai thuế qua mạng thông tin điện tử.

Cần một người để khai thuế giúp quý vị? Có nhiều kiểu người khai thuế, bao gồm chuyên viên khai thuế, đại diện đã đăng ký, kế toán viên chứng thực (CPA), luật sư và một số người không có chứng chỉ chuyên môn khác. Nếu quý vị lựa chọn nhờ người khác khai thuế giúp mình, hãy chọn người khai thuế đó một cách khôn ngoan. Chuyên viên khai thuế được trả tiền:

- Chịu trách nhiệm chính về tính chính xác thực chất tổng thể của tờ khai thuế của quý vị,
- Bắt buộc phải ký vào tờ khai thuế, và
- Bắt buộc phải ghi kèm mã số chuyên viên khai thuế (PTIN) của họ.

Mặc dù chuyên viên khai thuế luôn là người ký tờ khai thuế, nhưng cuối cùng quý vị vẫn phải chịu trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin cần thiết để người đó khai thuế giúp mình một cách chính xác. Bất kỳ người nào được trả tiền để khai thuế hộ cho người khác đều phải hiểu rõ các vấn đề về thuế. Để biết thêm thông tin về cách chọn chuyên viên khai thuế, vui lòng truy cập *Mẹo Chọn Người Khai Thuế* tại IRS.gov.

Khoản ứng trước tín thuế trẻ em. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2021, các khoản ứng trước được gửi tự động cho người đóng thuế có trẻ đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí nhất định. Các khoản ứng trước tín thuế trẻ em là các khoản thanh toán sớm lên đến 50% khoản tín thuế trẻ em ước tính mà người đóng thuế có thể yêu cầu hợp lệ trên tờ khai năm 2021 của họ. Truy cập *IRS.gov/advctc* để biết thêm thông tin về các khoản thanh toán này và cách chúng có thể ảnh hưởng đến thuế của quý vị.

Vi-rút corona. Truy cập *IRS.gov/Coronavirus (tiếng Anh)* để có được các đường dẫn chứa thông tin về tác động của vi-rút corona, cũng như các khoản cứu trợ thuế có sẵn cho cá nhân và gia đình, doanh nghiệp lớn và nhỏ và các tổ chức được miễn thuế.

Chủ lao động có thể đăng ký sử dụng Dịch Vụ Doanh Nghiệp Trực Tuyến. Cơ Quan Quản Lý An Sinh Xã Hội (SSA) cung cấp dịch vụ trực tuyến tại *SSA.gov/employer (tiếng Anh)* với các tùy chọn nộp mẫu W-2 trực tuyến nhanh chóng, miễn phí và bảo mật cho Kế Toán Viên Công Chứng, kế toán viên, đại diện đã đăng ký và những cá nhân xử lý Mẫu W-2, Bản Khai Thuế và Tiền Lương cũng như Mẫu W-2c, Bản Khai Thuế và Tiền Lương Sửa Đổi.

Phương tiện truyền thông xã hội của IRS. Truy cập *IRS.gov/SocialMedia (tiếng Anh)* để xem các công cụ truyền thông xã hội khác nhau mà IRS sử dụng để chia sẻ thông tin mới nhất về các thay đổi về thuế, cảnh báo lừa đảo, các sáng kiến, sản phẩm và dịch vụ. Tại IRS, quyền riêng tư và bảo mật là ưu tiên cao nhất của chúng tôi. Chúng tôi sử dụng các công cụ này để chia sẻ thông tin công khai với quý vị. **Vui lòng không** đăng số an sinh xã hội (SSN) hay thông tin bảo mật khác của quý vị lên các trang mạng xã hội. Hãy luôn bảo vệ danh tính của mình khi sử dụng bất kỳ trang mạng xã hội nào.

Các kênh YouTube sau của IRS có các video thông tin ngắn gọn về các chủ đề khác nhau bằng tiếng Anh, Tây Ban Nha và Ngôn Ngữ Ký Hiệu Mỹ liên quan đến thuế.

- *Youtube.com/irsvideos (tiếng Anh)*.
- *Youtube.com/irsvideosmultilingua (tiếng Anh)*.
- *Youtube.com/irsvideosASL (tiếng Anh)*.

Xem video của IRS. Cổng thông tin Video của IRS (*IRSVideos.gov (tiếng Anh)*) có đăng tải các nội dung thuyết trình có hình và tiếng dành cho cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và chuyên gia thuế.

Thông tin thuế trực tuyến bằng ngôn ngữ khác. Quý vị có thể xem thông tin tại *IRS.gov/MyLanguage (tiếng Anh)* nếu tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ của quý vị.

Dịch Vụ Thông Dịch Qua Điện Thoại Miễn Phí. IRS cam kết phục vụ khách hàng đa ngôn ngữ của chúng tôi bằng cách cung cấp các dịch vụ OPI. Dịch vụ OPI là một chương trình được liên bang tài trợ và có sẵn tại các Trung Tâm Hỗ Trợ Người Đóng Thuế (TAC), các văn phòng IRS khác và mọi địa điểm khai thuế VITA / TCE. Dịch vụ OPI có thể truy cập bằng hơn 350 ngôn ngữ.

Đường Giây Trợ Năng có sẵn cho người đóng thuế khuyết tật. Những người đóng thuế cần thông tin về các dịch vụ trợ năng có thể gọi 833-690-0598. Đường Giây Trợ Năng có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ trợ năng hiện tại và trong tương lai ở các định dạng phương tiện thay thế (ví dụ: chữ nổi Braille, chữ in lớn, âm thanh, v.v.).

Nhận các mẫu đơn và ấn phẩm thuế. Truy cập *IRS.gov/Forms (tiếng Anh)* để xem, tải xuống hoặc in tất cả các mẫu đơn, hướng dẫn và ấn phẩm cần thiết. Hoặc quý vị có thể truy cập *IRS.gov/OrderForms* để đặt hàng.

Nhận các ấn phẩm và hướng dẫn về thuế ở định dạng sách điện tử. Quý vị cũng có thể tải xuống và xem các ấn phẩm và hướng dẫn về thuế phổ biến (bao gồm Hướng dẫn cho Mẫu 1040) trên thiết bị di động dưới dạng sách điện tử tại *IRS.gov/eBooks (tiếng Anh)*.

Ghi chú. Sách điện tử của IRS đã được thử nghiệm bằng cách sử dụng iBooks của Apple dành cho iPad. Sách điện tử của chúng tôi chưa được thử nghiệm trên các trình đọc sách điện tử chuyên dụng khác và chức năng của sách điện tử có thể không hoạt động như dự kiến.

Truy cập tài khoản trực tuyến của quý vị (chỉ áp dụng cho người đóng thuế cá nhân). Truy cập *IRS.gov/Account* để truy cập an toàn thông tin về tài khoản thuế liên bang của quý vị.

- Xem số tiền quý vị nợ và phân tích theo năm thuế.
- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới..
- Thực hiện thanh toán hoặc xem lịch sử thanh toán trong 5 năm và bất kỳ khoản thanh toán nào đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của quý vị, bao gồm dữ liệu chính từ tờ khai thuế gần đây nhất, số tiền EIP của quý vị và bản ghi.
- Xem bản sao kỹ thuật số của các thông báo chọn lọc của IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.
- Xem địa chỉ của quý vị trong hồ sơ hoặc quản lý phương thức liên lạc ưa chuộn của quý vị.

Tài Khoản Chuyên Gia Thuế. Công cụ này cho phép chuyên gia thuế của quý vị gửi yêu cầu ủy quyền để truy cập *Tài khoản trực tuyến của IRS* của quý vị. Để biết thêm thông tin, truy cập *IRS.gov/TaxProAccount (tiếng Anh)*.

Sử dụng ký gửi trực tiếp. Cách nhanh nhất để nhận tiền hoàn thuế là khai thuế điện tử và chọn ký gửi trực tiếp, hình thức này sẽ trực tiếp chuyển tiền hoàn thuế vào tài khoản tài chánh của quý vị một cách an toàn và dưới hình thức điện tử. Ký gửi trực tiếp cũng tránh khả năng séc của quý vị có thể bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc trả lại cho IRS vì không thể gửi được. Tám trong 10 người đóng thuế sử dụng phương thức ký gửi trực tiếp để nhận tiền hoàn thuế. Nếu quý vị không có một tài khoản ngân hàng, truy cập *IRS.gov/DirectDeposit* để biết thêm thông tin về nơi tìm ngân hàng hoặc công đoàn tín dụng có thể mở tài khoản trực tuyến..

Nhận bản ghi hồ sơ khai thuế. Cách nhanh nhất để nhận bản sao của bản ghi thuế là truy cập *IRS.gov/Transcripts*. Nhấn vào "Nhận Bản Ghi Trực Tuyến" hoặc "Nhận Bản Ghi Qua Đường Bưu Điện" để yêu cầu cung cấp một bản ghi của quý vị. Nếu muốn, quý vị có thể đặt bản ghi bằng cách gọi số 800-908-9946.

Khai báo và giải quyết vấn đề mạo danh liên quan đến thuế.

- Hành vi mạo danh liên quan đến thuế xảy ra khi ai đó đánh cắp thông tin cá nhân của quý vị để thực hiện hành vi gian lận thuế. Thuế của quý vị có thể bị ảnh hưởng nếu SSN của quý vị được sử dụng để nộp tờ khai thuế có gian lận hoặc để yêu cầu tiền hoàn thuế hoặc tín thuế.
- IRS không chủ động liên lạc với người đóng thuế bằng thư điện tử, gọi điện thoại, tin nhắn văn bản hay các kênh

truyền thông xã hội để yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân hoặc tài chính. Điều này bao gồm các yêu cầu về số nhận dạng cá nhân (PIN), mật khẩu hoặc thông tin tương tự đối với thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc các tài khoản tài chính khác.

- Truy cập *IRS.gov/IdentityTheft*, trang mạng của IRS về Trung Tâm Thông Tin Về Trộm Cắp Danh Tính, để nắm được thông tin về hành vi mạo danh và bảo vệ an toàn dữ liệu cho người đóng thuế, chuyên gia thuế cũng như doanh nghiệp. Nếu bị mất hay lấy cắp số an sinh xã hội hoặc nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi mạo danh liên quan đến thuế, quý vị có thể tìm hiểu các bước mình nên thực hiện.
- Nhận Số PIN Bảo Vệ Danh Tính (IP PIN). IP PIN là số gồm sáu chữ số được gánh cho người đóng thuế nhằm góp phần ngăn chặn việc lợi dụng SSN của họ hòng gian lận trên hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang. Việc có một IP PIN sẽ ngăn người khác nộp tờ khai thuế với SSN của quý vị. Để tìm hiểu thêm, truy cập *IRS.gov/IPPIN*.

Các cách để kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế của quý vị.

- Truy cập *IRS.gov/Refunds*.
- Tải ứng dụng chính thức IRS2Go về thiết bị di động để kiểm tra tình trạng tiền hoàn thuế của quý vị.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Ghi chú. IRS không thể hoàn lại tiền trước giữa tháng 2 năm 2022 cho những trường hợp khai thuế đã yêu cầu EIC hoặc khoản tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ khoản hoàn thuế, không chỉ phần liên quan đến các khoản tín thuế này.

Thanh toán thuế. Truy cập *IRS.gov/Payments* để biết thông tin về cách thanh toán bằng bất kỳ tùy chọn nào sau đây.

- *Direct Pay của IRS*: Thanh toán hóa đơn tính thuế cá nhân hoặc khoản tiền thuế ước tính một cách trực tiếp từ tài khoản sử dụng chi phiếu hoặc tài khoản tiết kiệm miễn phí cho quý vị.
- *Thẻ Ghi Nợ hoặc Thẻ Tín Dụng*: Chọn một hãng xử lý thanh toán đã được phê duyệt để chi trả trực tuyến hoặc qua điện thoại.
- *Trích Ngân Điện Tử*: Lên lịch thanh toán khi nộp thuế liên bang bằng phần mềm khai thuế hoặc thông qua một chuyên gia thuế.
- *Hệ Thống Thanh Toán Thuế Liên Bang Bằng Điện Tử*: Lựa chọn tốt nhất cho doanh nghiệp. Đăng ký là bắt buộc.
- *Séc hoặc Lệnh Phiếu*: Gửi khoản chi trả của quý vị qua đường bưu điện về địa chỉ được ghi trong thông báo hoặc hướng dẫn.
- *Tiền mặt*: Quý vị có thể nộp thuế bằng tiền mặt tại một cửa tiệm bán lẻ có tham gia.
- *Chuyển Khoản Trong Ngày*: Quý vị có thể thực hiện chuyển khoản trong ngày từ tổ chức tài chánh của mình. Vui lòng liên lạc với tổ chức tài chánh của quý vị để biết khả năng thực hiện, chi phí và khung thời gian.

Sẽ ra sao nếu tôi không thể trả thuế ngay? Truy cập *IRS.gov/Payments* để biết thêm thông tin về các lựa chọn của quý vị.

- Đăng ký một *thỏa thuận thanh toán trực tuyến* (*IRS.gov/OPA*) để đáp ứng nghĩa vụ thuế của quý vị trả góp hàng tháng nếu quý vị không thể trả đầy đủ thuế ngày hôm nay. Sau khi hoàn tất quá trình trực tuyến, quý vị sẽ nhận được thông báo ngay lập tức về việc liệu thỏa thuận của quý vị đã được chấp thuận hay chưa.
- Sử dụng *Thẩm Định Đề Nghị Thỏa Hiệp (tiếng Anh)* để xem quý vị có thể giải quyết khoản nợ thuế với số tiền ít hơn tổng số tiền quý vị còn nợ hay không. Để biết thêm thông tin về chương trình Đề Nghị Thỏa Hiệp, vui lòng truy cập *IRS.gov/OIC*.

Nộp tờ khai được điều chỉnh. Bây giờ, quý vị có thể nộp Mẫu 1040-X điện tử bằng phần mềm khai thuế để sửa đổi Mẫu 1040 và 1040-SR năm 2019 hoặc 2020. Để làm điều đó, quý vị phải nộp bản gốc hồ sơ khai thuế năm 2019 hoặc 2020 của mình theo dạng điện tử. Các tờ khai thuế sửa đổi cho tất cả các năm trước phải được gửi qua đường bưu điện. Truy cập *IRS.gov/Form1040X* để biết thông tin và cập nhật.

Kiểm tra tình trạng tờ khai được điều chỉnh của quý vị. Truy cập *IRS.gov/WMAR* để theo dõi tình trạng của các tờ khai sửa đổi cho Mẫu 1040-X.

Ghi chú. Có thể mất đến 3 tuần kể từ ngày quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi để tờ khai này hiển thị trong hệ thống của chúng tôi và quá trình xử lý có thể mất đến 16 tuần.

Hiểu về thông báo hay thư từ của IRS mà quý vị nhận được. Truy cập *IRS.gov/Notices* để tìm hiểu thêm thông tin về việc phản hồi một thông báo hay thư từ của IRS.

Liên lạc với văn phòng IRS tại địa phương. Xin lưu ý rằng nhiều câu hỏi có thể được giải đáp trên trang IRS.gov mà không cần đến TAC của IRS. Truy cập *IRS.gov/LetUsHelp* với các chủ đề mà mọi người hỏi nhiều nhất. Nếu quý vị vẫn cần trợ giúp, Văn Phòng TAC của IRS sẽ cung cấp trợ giúp về thuế khi không thể xử lý vấn đề thuế trực tuyến hoặc qua điện thoại. Hiện tại, tất cả các trung tâm TAC đều cung cấp dịch vụ với hình thức hẹn trước để quý vị biết trước là mình có thể nhận dịch vụ đang cần đến mà không mất nhiều thời gian chờ đợi. Trước khi đến tận nơi, vui lòng truy cập *IRS.gov/TACLocator (tiếng Anh)* để tìm trung tâm TAC gần nhất và kiểm tra giờ làm việc, dịch vụ cung cấp cũng như các tùy chọn cho một cuộc hẹn. Hoặc trên ứng dụng IRS2Go, dưới thẻ Giữ Kết Nối (Stay Connected), hãy chọn tùy chọn Liên Lạc Với Chúng Tôi (Contact Us) và nhấp vào “Văn Phòng Địa Phương“ (“Local Offices”).

Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế (TAS) Sẵn Sàng Trợ Giúp Quý Vị

TAS là gì?

TAS là một tổ chức ***độc lạp*** trong IRS có nhiệm vụ trợ giúp người nộp thuế và bảo vệ quyền của người đóng thuế. Công việc của họ là đảm bảo rằng mỗi người đóng thuế đều được đối xử công bằng, cũng như để quý vị biết và hiểu rõ quyền

hạn của mình theo *Bản Tuyên Ngôn Quyền của Người Đóng Thuế (tiếng Anh)*.

Làm Thế Nào để Tìm Hiểu về Quyền Hạn của Người Đóng Thuế?

Tuyên Ngôn Về Quyền của Người Đóng Thuế mô tả 10 quyền cơ bản mà tất cả những người đóng thuế đều có khi làm việc với IRS. Truy cập *TaxpayerAdvocate.IRS.gov (tiếng Anh)* để tìm hiểu ý nghĩa của những quyền này đối với quý vị và cách áp dụng. Đây chính là những quyền hạn ***của quý vị*** . Hãy hiểu rõ chúng. và sử dụng chúng.

TAS Có Thể Làm Gì cho Quý Vị?

TAS có thể giúp quý vị giải quyết những vấn đề mà quý vị không thể giải quyết với IRS. và dịch vụ của họ là miễn phí. Nếu đủ tiêu chuẩn để được họ hỗ trợ, quý vị sẽ được chỉ định cho một viên chức trợ giúp người khai thuế, người sẽ làm việc với quý vị xuyên suốt cả quá trình và sẽ làm mọi điều có thể để giải quyết vấn đề của quý vị. TAS có thể giúp quý vị nếu:

- Vấn đề của quý vị đang gây ra khó khăn tài chính cho bản thân, gia đình hoặc doanh nghiệp của quý vị;
- Quý vị (hoặc doanh nghiệp của quý vị) phải đối mặt với nguy cơ chịu hành động bất lợi trước mắt; hoặc
- Quý vị đã nhiều lần cố gắng liên lạc với IRS nhưng không nhận được phản hồi, hoặc đến ngày hẹn mà IRS vẫn chưa phản hồi.

Làm Thế Nào để Liên Lạc với TAS?

TAS có văn phòng *ở mọi tiểu bang, Đặc Khu Columbia và Puerto Rico*. Số điện thoại của viên chức trợ giúp người khai thuế có trong danh bạ địa phương và tại *TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us (tiếng Anh)*. Quý vị cũng có thể gọi cho họ theo số 877-777-4778.

TAS Còn Giúp Gì cho Người Đóng Thuế?

TAS nỗ lực giải quyết các vấn đề có quy mô lớn và gây ảnh hưởng tới nhiều người đóng thuế. Nếu quý vị biết đến sự tồn tại của một trong các vấn đề lớn này, vui lòng khai báo điều đó cho họ tại *IRS.gov/SAMS*.

TAS dành cho Chuyên Gia Thuế

TAS có thể cung cấp đa dạng các thông tin cho chuyên gia thuế, bao gồm nội dung cập nhật và hướng dẫn luật thuế, các chương trình TAS và những cách thông báo cho TAS về các vấn đề mang tính hệ thống mà quý vị nhận thấy theo kinh nghiệm thực tế.

Trung Tâm Cho Người Đóng Thuế Có Thu Nhập Thấp (LITC)

LITC là tổ chức độc lập với IRS. LITC đại diện cho cá nhân có thu nhập dưới một mức nhất định và cần giải quyết các vấn đề về thuế với IRS như kiểm xét, kháng cáo cũng như tranh chấp về vấn đề liên quan đến thuế vụ. Ngoài ra, LITC có thể cung cấp thông tin về trách nhiệm và quyền hạn của người đóng thuế bằng các ngôn ngữ khác nhau cho những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Các dịch vụ được cung cấp miễn phí hoặc với một khoản phí nhỏ cho những người đóng thuế đủ điều kiện. Để tìm LITC gần quý vị, truy cập *TaxpayerAdvocate.IRS.gov/about-us/Low-Income-Taxpayer-Clinics-LITC/ (tiếng Anh)* hoặc xem Ấn Phẩm 4134 của IRS: *Danh Sách Trung Tâm Cho Người Đóng Thuế Có Thu Nhập Thấp (tiếng Anh)*.

Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp Nhỏ

Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp Nhỏ (SBA) cung cấp các chương trình đào tạo và giáo dục, dịch vụ tư vấn, chương trình tài chính và hỗ trợ hợp đồng cho các chủ doanh nghiệp nhỏ. SBA cũng có các ấn phẩm và video về nhiều chủ đề kinh doanh khác nhau. Sau đây là phần trình bày ngắn gọn về sự hỗ trợ được SBA cung cấp.

Các Trung Tâm Phát Triển Doanh Nghiệp Nhỏ (SBDC). Các trung tâm SBDC cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo và kỹ thuật cho các chủ doanh nghiệp nhỏ hiện tại và tương lai, những người không có đủ tiền sử dụng dịch vụ tư vấn riêng. Trợ giúp sẽ có sẵn trong việc mở, cải tiến hoặc mở rộng doanh nghiệp nhỏ.

Các Trung Tâm Thông Tin Doanh Nghiệp (BIC). Các trung tâm BIC cung cấp thư viện tham khảo về doanh nghiệp nhỏ, băng video về quản lý và công nghệ máy tính để giúp lập kế hoạch kinh doanh. Ngoài ra BIC cũng cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp. Các cá nhân đang kinh doanh hoặc quan tâm đến việc bắt đầu một công việc kinh doanh có thể sử dụng BIC với tần suất tùy ý mà không mất phí.

Tổ Chức Dịch Vụ của Những Giám Đốc Điều Hành Đã Về Hưu (SCORE). SCORE cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo doanh nghiệp nhỏ cho các chủ doanh nghiệp nhỏ hiện tại và tương lai. SCORE bao gồm những doanh nhân hiện tại và cựu doanh nhân, những người này cung cấp chuyên môn và kiến thức của mình để giúp mọi người mở, quản lý và mở rộng doanh nghiệp nhỏ. SCORE cũng tổ chức một loạt các hội thảo cho doanh nghiệp nhỏ.

Internet. Quý vị có thể truy cập trang web của SBA tại *SBA.gov (tiếng Anh)*. Trong khi truy cập trang web của SBA, quý vị có thể tìm thấy nhiều thông tin hữu ích đối với chủ doanh nghiệp nhỏ.

Điện Thoại. Vui lòng gọi cho Quầy Giải Đáp (Answer Desk) của SBA theo số 800-U-ASK-SBA (800-827-5722) để nắm được thông tin chung về các chương trình có sẵn nhằm hỗ trợ chủ doanh nghiệp nhỏ.

Nhận dịch vụ không cần hẹn trước. Quý vị có thể đến SBDC hoặc BIC mà không cần đặt lịch hẹn trước để đưa ra yêu cầu hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ của mình. Để tìm địa điểm gần quý vị nhất, vui lòng truy cập trang web hoặc gọi cho Quầy Giải Đáp của SBA.

Các Cơ Quan Liên Bang Khác

Các cơ quan liên bang khác cũng xuất bản ấn phẩm và sách hướng dẫn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Có thể nhận đa số những tài liệu này từ Phòng Quản Lý Văn Thư tại Văn phòng In Ấn Chính phủ. Quý vị có thể nhận thông tin và đặt hàng các ấn phẩm và sách hướng dẫn này qua nhiều phương tiện.

Internet. Quý vị có thể truy cập trang web của GPO tại *Catalog.GPO.gov (tiếng Anh)*.

Đường bưu điện. Hãy viết thư cho GPO theo địa chỉ sau.

Superintendent of Documents
U.S. Government Printing Office
P.O. Box 979050
St. Louis, MO 63917-9000

Điện Thoại. Gọi cho GPO theo số điện thoại miễn phí 866-512-1800 hoặc 202-512-1800 từ khu vực Washington, DC.

Chỉ mục

Để giúp chúng tôi phát triển một chỉ mục hữu ích hơn, vui lòng cho chúng tôi biết nếu quý vị có ý tưởng cho các mục nhập chỉ mục. Xin xem mục "Comments and Suggestions" (Nhận xét và Gợi ý) trong phần "Introduction" (Giới thiệu) để biết các cách quý vị có thể liên lạc với chúng tôi.

B

Bảng C 7
Bảng SE, yêu cầu về nộp tờ khai 47
Bảng SE (Mẫu 1040 hoặc 1040-SR) 10
Bán hàng trả góp 18
Bản kê hàng 16
Bán một doanh nghiệp 18
Bán tài sản 18
(*Xin cũng xem* Thanh lý tài sản)
Bảo hiểm:
Chi phí 36
Phí mua bảo hiểm không được khấu trừ 37
Tiền bồi thường 29
Trả trước 37
Bảo hiểm an sinh xã hội 10
Bất động sản:
Cho thuê 23
Đại lý 28
Người buôn bán 23
Thuế 39
Bên thứ ba, Khoản chi trả cho 23
Bồi thường trừng phạt 25
Bữa ăn 40

C

Các Ấn Phẩm (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Các chương trình quyền lợi của nhân viên 36
Các khoản chi trả cho thu nhập bị mất 25
Các khoản xử phạt và tiền phạt 42
Chiết khấu thương mại 29, 30
Chiết khấu tiền mặt 28, 30
Chi phí 33
Ăn uống 40
Bảo hiểm 36
Chi phí pháp lý và chi phí dịch vụ chuyên môn 38
Chương trình hưu trí 38
Đi lại 40
Giải trí 40
Khác 42
Khấu hao 35
Khoản chi trả cho nhân viên 36
Không thể khấu trừ 42
Nhà ở, sử dụng vào mục đích kinh doanh 40
Nợ khó đòi 33
Thuế 39
Tiền lãi 37
Tiền thuê 38
Xe hơi 33
Xe tải 33
Chi phí dịch vụ chuyên môn 38
Chi phí đi lại 40
Chi phí giải trí (*Xinxem* Chi phí đi lại)
Chi phí kinh doanh 33
Chi phí pháp lý 38
Chi phí tiền thuê 38
Chi phí trả trước:
Kéo dài thời gian sử dụng 37
Tiền thuê 39
Chi phí vận động hành lang 42
Chi phí vận tải 33
Chi phí vận tải địa phương 33
Chi phí xe hơi 33, 34
Chi trả, các hình thức 36
Chỗ ở 40
Chủ bãi đậu xe cho nhà di động 23
Chu kỳ kế toán 13
Chủ sạp báo hoặc tạp chí 28
Chữ ký, điện tử 7
Chứng khoán:
Nhà đầu cơ 28
Nhà thầu mua bán 28
Chương trình hưu trí (*Xinxem* Chương trình hưu trí)
Con cái làm việc cho cha mẹ 44
Công chức 28
Công chứng viên 28, 44
Công ty trách nhiệm hữu hạn 3
Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp Nhỏ 53
Cơ sở trung gian giữ tiền bảo chứng, khoản chi trả được đặt vào 29
***Cực Tiểu* Quy Định Cảng An Toàn đối với Tài Sản Hữu Hình** 42

D

Doanh nghiệp cá thể 3, 43
Doanh nghiệp vợ chồng 3

Ăn uống (*Xinxem* Chi phí đi lại)
Đại lý bảo hiểm:
Đã nghỉ hưu 27
Trước đây 27
Định nghĩa 3
Bất động sản dài hạn đủ tiêu chuẩn 26
Chiết khấu thương mại 29, 30
Chiết khấu tiền mặt 28, 30
Chi phí cần thiết 33
Chi phí đi lại 40
Chi phí thông thường 33
Chi phí vận tải địa phương 33
Chu kỳ kế toán 13
Giá cả phải chăng trên thị trường 19
Giá gốc 19
Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn 24
Lỗ ròng từ công việc kinh doanh 43
Mặt bằng bán lẻ 26
Niên thuế theo lịch 13
Niên thuế theo lịch tài chánh 14
Nơi chọn để khai thuế 34
Nợ khó đòi kinh doanh 33
Nợ khó đòi phi kinh doanh 33
Phương pháp kế toán 14
Quyền lợi phụ 36
Tài khoản rút tiền 30
Tài sản bị hạn chế 25
Thanh lý tài sản 18
Thuế Tự Kinh Doanh (SE) 9
Tiền thuê 38
Trao đổi hàng hóa 22
Trụ sở chính của một cơ sở kinh doanh 41
Đoạn 179:
Khấu trừ 35
Tài sản 26
Đóng góp thiện nguyện 42
Đối tác, vợ chồng 3
Ô tô (*Xinxem* Chi phí xe hơi)

E

EFTPS 9

G

Giá cả phải chăng trên thị trường 19
Giá gốc của tài sản 19
Giá gốc đã điều chỉnh 19
Giao dịch miễn thuế 18
Giá vốn hàng bán 29
Giấy khất nợ 25

H

Hình phạt:
Bãi miễn 12
Không cung cấp bản kê khai chính xác về người được trả tiền 12
Không nộp Mẫu 8300 13
Không nộp tờ khai thông tin 12
Trả thiếu thuế 9
Hoàn trả thu nhập 15
Hoạt động phi lợi nhuận 43
Hối lộ 42
Hỗ trợ (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Huỷ bỏ khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn 24

Hướng dẫn đối với các ngành nghề được chọn 27
(*Xin cũng xem* Ngành nghề, được chọn)

K

Kê khai thuế kinh doanh 6
Khách sạn, nhà trọ và căn hộ 23
Khai báo thuế SE 47
Khai thuế bằng điện tử 7
khai thuế điện tử 7
Khấu hao, thu hồi 26
Khấu hao:
Khấu trừ 35
Tài sản được liệt kê 35
Khoản chi trả cho bên thứ ba 23
Khoản chi trả cho nhân viên 36
Khoản chi trả dàn xếp 23
Khoản chi trả vì hủy hợp đồng thuê 23
Khoản nợ:
Tiền hoàn thuế bù trừ 8
Khoản nợ kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn 24
Khoản thuế được bãi miễn dành cho người phối ngẫu vô can 49
Không phải thu nhập:
Các khoản vay 27
Ký gửi 26
Phụ cấp xây dựng 26
Tăng giá trị 26
Thuế bán hàng 27
Trao đổi tài sản cùng loại 26
Tu sửa tài sản cho thuê 27
Kiểm tra (kiểm xét) 48
Kiểm xét 48
Ký gửi 26

L

Lãi hoặc lỗ thông thường 19
Lãi ròng hoặc lỗ ròng 42
Lãi vốn hoặc lỗ vốn 19
Lãi vốn hoặc lỗ vốn dài hạn 19
Lãi vốn hoặc lỗ vốn ngắn hạn 19
Lệ phí xa lộ 34
Lỗ ròng từ công việc kinh doanh 43
Lợi nhuận gộp:
Các Khoản Bổ Sung vào 32
Độ chính xác 32
Lợi nhuận và lỗ 25
Lương Bổng 36
Lương Công Nhật 36

M

Mã số của chủ lao động (EIN) 6
Mã Số Thuế Cá Nhân (ITIN) 6
Mẫu:
1040 (tờ khai thuế) 7, 11
1040-ES (thuế ước tính) 9, 11
1040-SR (tờ khai thuế) 7, 11
1040-V (phiếu thanh toán) 8
1099-B (trao đổi hàng hóa) 23
1099-MISC (thu nhập khác) 12
1099-NEC (tiền thù lao cho người không phải nhân viên) 12
1128 (thay đổi niên thuế) 14
2210 (trả thiếu thuế ước tính) 9
2290 (thuế gián thu dành cho xe tải hạng nặng) 12
3115 (thay đổi phương pháp kế toán) 17
3468 (tín thuế đầu tư) 21
3800 (tín thuế kinh doanh tổng quát) 20
4562 (khấu hao) 36
4684 (tai họa và trộm cắp) 19
4797 (bán tài sản kinh doanh) 19, 26
4868 (gia hạn) 9
6251 (thuế tối thiểu thay thế) 20
6252 (bán hàng trả góp) 19
720 (tờ khai thuế gián thu) 11
8300 (khoản chi trả tiền mặt trên $10.000) 12
8586 (nhà ở thu nhập thấp) 21
8594 (mua tài sản) 18
8820 (tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiếm) 21
8824 (trao đổi cùng loại) 18, 19
8826 (tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật) 20
8829 (kinh doanh tại nhà) 41
8835 (tín thuế điện tái tạo và than) 21
8846 (Tín thuế đối với thuế an sinh xã hội trả cho thu nhập từ tiền boa) 20
8857 (người phối ngẫu vô can) 49
8874 (tín thuế thị trường mới) 21
8879 (mã PIN tự chọn) 8
8881 (tín thuế cho chi phí khởi động chương trình hưu trí) 20
8882 (tín thuế cho dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp) 20
8886 (khai báo giao dịch) 5
8896 (tín thuế sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp) 21
8906 (tín thuế rượu chưng cất) 20
8910 (tín thuế xe thay thế) 20
8911 (tín thuế tài sản dùng nhiên liệu thay thế) 20
8933 (tín thuế cắt giảm khí carbon dioxide) 20
8936 (xe hơi điện cắm sạc đủ tiêu chuẩn) 21
8941 (bảo phí y tế do chủ lao động quy mô nhỏ chi trả) 20
8994 (Tín thuế dành cho chủ lao động chi trả cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế) 21
940 (thuế thất nghiệp) 11
941 (thuế việc làm hàng quý) 11
944 (thuế việc làm hàng năm) 11
982 (xóa nợ) 24
Bảng C (doanh nghiệp cá thể) 11
Bảng SE (thuế tự kinh doanh) 10, 11
Cần nộp những gì 11
Cuối cùng 13
SS-4 (đơn xin cấp EIN) 6
SS-5 (đơn xin cấp SSN) 6
Thời điểm khai thuế 11
Tờ khai thông tin 11
W-2 (khai báo lương bổng) 11, 12
W-3 (phiếu chuyển của W-2) 11
W-4 (khấu lưu thuế của nhân viên) 7
W-7 (đơn xin cấp ITIN) 6
W-9 (yêu cầu TIN) 7
Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường 34

N

Ngành nghề, được chọn:
Chủ sạp báo hoặc tạp chí 28
Công chức 28
Công chứng viên 28
Đại lý bảo hiểm, đã nghỉ hưu 27
Đại lý bảo hiểm, trước đây 27
Đại lý bất động sản 28
Người bán hàng trực tiếp 27, 28
Người thi hành 27
Người vận chuyển hoặc phân phát báo 28
Nhà đầu cơ chứng khoán 28
Nhà thầu mua bán chứng khoán 28
Quản trị viên 27
Thuyền viên tàu cá 27
Ngày đến hạn của tờ khai thuế 9
Người bán hàng trực tiếp 27, 28
Người có quan hệ liên quan:
Tiền thuê không hợp lý 39
Người thi hành 27
Người vận chuyển hoặc phân phát báo 28
Nhà ở, sử dụng vào mục đích kinh doanh 40
Nhà thầu độc lập 3, 11, 43
Nhân Viên 7
Nhân viên pháp định 3
Niên thuế 13
Lịch 13
Tài chánh 14
Thay đổi 14
Nợ:
Được hủy bỏ 24
Khó đòi 33
Kinh doanh bất động sản đủ tiêu chuẩn 24
Nợ được hủy bỏ 24
Nơi chọn để khai thuế 34, 40
Nợ khó đòi 33
Nợ khó đòi phi kinh doanh 33

P

Phí đậu xe 34
Phí khai thuế 38
Phí mua bảo hiểm không được khấu trừ 37
Phụ cấp xây dựng 26
Phương pháp chi thu bằng tiền mặt:
Chi phí 15
Thu nhập 14
Phương pháp kế toán:
Đặc biệt 17
Kết hợp 16
Quy trình tự động 17
Thay đổi 17
Tích lũy 15, 33
Tiền mặt 14, 33
Phương pháp kế toán kết hợp 16
Phương pháp kế toán tích lũy:
Kế toán 15
Thu nhập - các quy tắc đặc biệt 15
Thu nhập - quy tắc chung 15
Phương pháp tính toán thu nhập ròng 45
Phương pháp tùy chọn, sử dụng cả hai 46

Q

Quản trị viên 27
Quyền kháng cáo 48
Quyền lợi phụ 36
Quy tắc vốn hóa thống nhất 17

S

Số An Sinh Xã Hội (SSN) 6
Số nhận dạng 6
SUV 35
Sử dụng nhà cho mục đích kinh doanh 40

T

Tài khoản rút tiền 30
Tài sản bị hạn chế 25
Tài sản bị tịch thu 19
Tài sản được liệt kê 26
Tặng biếu hàng tồn kho 30
Tăng giá trị 26
Thanh lý tài sản:
Bán hàng trả góp 18, 19
Bán một doanh nghiệp 18
Tài sản kinh doanh 18
Trao đổi cùng loại 18, 19, 26
Trao đổi không chịu thuế 18
Thiệt hại 25
Thông tin, Cách lấy thêm 49
Thuế:
Bán hàng 39
Bất động sản 39
Chi trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên 20
Động sản 39
Gián Thu 11
Gián thu 39
Khoản khấu trừ đối với 39
Nhiên liệu 40
Thu Nhập 7
Thu nhập 39
Tự Kinh Doanh 9, 39
Việc làm 11, 39
Thuế bán hàng 39
Thuế động sản 39
Thuế gián thu:
Khoản khấu trừ đối với 39
Về 11
Thuế nhiên liệu 40
Thuế SE:
Ai phải trả? 43
Ảnh hưởng của việc sử dụng phương pháp tùy chọn 45
Các khoản chi trả cho thu nhập bị mất 45
Các phương pháp tùy chọn:
Nông nghiệp 46
Phi nông nghiệp 45
Các quy tắc đặc biệt và ngoại lệ 43
Con cái làm việc cho cha mẹ 44
Công chứng viên 44
Khai thuế chung 47
Khoản khấu trừ đối với 39
Lợi nhuận hoặc lỗ 44
Người khai thuế cho năm theo lịch tài chánh 47
Người nước ngoài 43
Nhân viên chính phủ 44
Nhân viên nhà thờ 44
Nhiều hơn một công việc kinh doanh 44, 47
Phương pháp thông thường 45
Phương pháp tính toán thu nhập ròng 45
Phương pháp tùy chọn nông nghiệp 46
Phương pháp tùy chọn phi nông nghiệp 45
Tại sao sử dụng phương pháp tùy chọn 45
Thời hạn đăng thu nhập 10
Thu nhập được công nhận 10
Thu nhập tối đa:
Chịu 43
Cho năm 2021 10
Thu nhập từ tài sản chung của vợ chồng 44
Thuyền viên tàu cá 44
Thường trú ở nước ngoài 44
Tỷ suất thuế 10
Về 9
Thuế thu nhập:
Cách trả tiền 9
Khoản khấu trừ đối với 39
Tiền phạt cho việc trả thiếu 9
Về 7
Thuế tự kinh doanh (*Xinxem* Thuế SE)
Thuế suất 43
Thuế ước tính 9
Thuế việc làm:
Khoản khấu trừ đối với 39
Về 11
Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó 26
Thu nhập 26
(*Xin cũng xem* Không phải thu nhập)
Các hình thức thu nhập 22
Các khoản chi trả cho thu nhập bị mất 25
Chi trả cho bên thứ ba 28
Cho thuê 23
Cho thuê động sản 23
Giấy khất nợ 25
Hạch toán 28
Khác 25
Kinh doanh 21
Lợi nhuận và lỗ 25
Tài sản bị hạn chế 25
Thiệt hại 25
Thu hồi các hạng mục đã khấu trừ trước đó 26
Thu hồi khấu hao 26
Tiền lại quả 25
Trao đổi hàng hóa 22
Thu nhập cho thuê 23
Thu nhập kinh doanh 21
Thu nhập từ cổ tức 23
Thu nhập từ trao đổi hàng hóa 22
Thuyền viên tàu cá 27, 44
Thương mại hay kinh doanh 3
Tiền hoàn thuế:
Bù trừ các khoản nợ 8
Thắc mắc 8
Yêu cầu 49
Tiền lãi:
Chi phí 37
Thu nhập 23
Tiền lại quả 25, 42
Tiền phạt cho việc trả thiếu tiền thuế 9
Tiền thuê trả thêm 23
Tiền thù lao cho người không phải nhân viên 22
Tiêu chuẩn trả cho từng dặm đường xe chạy đối với các phương tiện 34
Tín thuế:
Bảo phí y tế do chủ lao động quy mô nhỏ chi trả 20
Cắt giảm khí carbon dioxide 20
Chi phí khởi động chương trình hưu trí của chủ lao động quy mô nhỏ 20
Cung cấp tiện ích cho người khuyết tật 20

Dịch vụ chăm sóc trẻ em do chủ lao động cung cấp 20
Đầu tư 21
Điện tái tạo 21
Làm thế nào để yêu cầu 21
Nhà ở thu nhập thấp 21
Rượu chưng cất 20
Sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp 21
Tài sản dùng nhiên liệu xe thay thế 20
Than của người da đỏ 21
Than tinh luyện 21
Thay thế xe hơi 20
Thị trường mới 21
Thuế chi trả cho một số khoản tiền boa của nhân viên 20
Thuốc đặc trị bệnh hiếm 21
Tín thuế bảo trì đường ray đường sắt đủ tiêu chuẩn 21
Tín thuế cho chủ lao động đối với các khoản chi trả lương bổng chênh lệch 20
Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu 20
Tín thuế cơ hội việc làm 21
Tín thuế dành cho chủ lao động cho việc nghỉ phép gia đình hoặc y tế 21
Tín thuế đơn vị sản xuất nhiên liệu sinh học 20
Tín thuế huấn luyện đội cứu hộ hầm mỏ 21
Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng 21
Tín thuế nhiên liệu diesel sinh học và nhiên liệu diesel tái tạo 20
Tín thuế tuyển dụng người Mỹ bản địa 21
Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn 21
Xe hơi điện cắm sạc đủ tiêu chuẩn 21
Tín thuế bảo trì đường ray đường sắt đủ tiêu chuẩn 21
Tín thuế cắt giảm khí carbon dioxide 20
Tín thuế cho bảo phí y tế do chủ lao động quy mô nhỏ chi trả 20
Tín thuế cho chủ lao động đối với các khoản chi trả lương bổng chênh lệch 20
Tín thuế cho việc cung cấp tiện ích cho người khuyết tật 20
Tín thuế cho việc tăng cường hoạt động nghiên cứu 20
Tín thuế cho xe hơi điện cắm sạc đủ tiêu chuẩn 21
Tín thuế cơ hội việc làm 21
Tín thuế đầu tư 21
Tín thuế đơn vị sản xuất nhiên liệu sinh học 20
Tín thuế huấn luyện đội cứu hộ hầm mỏ 21
Tín thuế kinh doanh phổ tổng quát 20
Tín thuế nhà ở thu nhập thấp 21
Tín thuế nhà ở tiết kiệm năng lượng 21
Tín thuế nhiên liệu diesel sinh học và nhiên liệu diesel tái tạo 20
Tín thuế rượu chưng cất 20
Tín thuế sản xuất điện tái tạo, than đá tinh luyện và than của người da đỏ 21
Tín thuế sản xuất nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp 21
Tín thuế tài sản dùng nhiên liệu xe thay thế 20
Tín thuế thị trường mới 21
Tín thuế thuốc đặc trị bệnh hiếm 21
Tín thuế tuyển dụng người Mỹ bản địa 21
Tín thuế tuyển dụng tại khu vực kinh tế khó khăn 21
Tín thuế xe thay thế khác 20
Tổn thất kinh tế 25
Tờ khai thông tin 12
Tờ khai thuế:
Ai phải nộp 7
Cách thức nộp 7
Tờ khai thuế thu nhập, ai phải nộp 7
Trao đổi cùng loại 18, 26
Trả tiền:
Thuế kinh doanh 6
Thuế thu nhập 9
Trợ giúp về thuế 49
Truy thu thuế 48
Tuyên bố công bố giao dịch có thể khai báo 5

V

Văn phòng tại nhà 34
(*Xin cũng xem* Sử dụng nhà ở vào mục đích kinh doanh)

X

Xe hơi, tín thuế thay thế 20
Xe thể thao đa dụng 35

Y

Yêu cầu hoàn thuế 49